

CTCP Chứng Khoán Vietcap

Số: 165/2024/CV-KT.Vietcap

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 02 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ VNX, HSX, HNX**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Vietcap

Mã chứng khoán: VCI

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 02 Hải Triều, quận 1, TP HCM

Điện thoại: 028-39143588

Fax: 028-39143209

Người thực hiện công bố thông tin: Đinh Quang Hoàn – Phó Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Lầu 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 02 Hải Triều, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: 028-39143588

Fax: 028-39142031

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Bất thường ☐ Theo yêu cầu ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2023

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/04/2024 tại đường dẫn: <http://www.vietcap.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023

Người đại diện công bố thông tin/

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



ĐINH QUANG HOÀN
Phó Tổng Giám Đốc

Trụ sở chính

Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco
Số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. HCM

(+84) 8 3914 3588

(+84) 8 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

(+84) 24 6262 6999

(+84) 24 6278 2688

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

CON ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



QUÉT MÃ ĐỂ XEM
BẢN TRỰC TUYẾN



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2023**

Con đường phía trước

Nội dung

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

Thông điệp Ban Lãnh đạo	04 06 08 10	Thông điệp Chủ tịch HĐQT Lời mở đầu 16 năm Am tường tài chính Điểm lại chỉ số nổi bật năm 2023
Tổng quan Công ty	13 14 16 18 20	Tái cấu trúc nhận diện thương hiệu Vietcap Thông tin doanh nghiệp Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi Thành tựu tiêu biểu Diễn giải Báo cáo Tài chính 2023
Hành trang Vietcap	26 36 44 46 48 52 54 56 57 58 60 62	Tổng quan thị trường năm 2023 Nhân sự Ngân hàng Đầu tư Tài chính Doanh Nghiệp Môi giới - Khách hàng Cá nhân và Thị phần Môi giới - Khách hàng Tổ chức Nghiên cứu và Phân tích Trái phiếu Đầu tư An toàn thông tin Dịch vụ Khách hàng và Quản lý Sản phẩm Công nghệ thông tin (IT) & Đổi mới sáng tạo (UI)
Bước chân vững mạnh	68 72	Vị thế tài chính Quản trị rủi ro
Bước chân thủ lĩnh	78 80 82 88 90 92	Đạo đức nghề nghiệp Cơ cấu tổ chức Thành viên Hội đồng Quản trị Thành viên Ban Kiểm soát Thành viên Ban Tổng Giám đốc Nhân sự chủ chốt
Con đường phía trước	98 102	Triển vọng 2024: Bối cảnh và xu hướng Chiến lược và mục tiêu kinh doanh VCI
Bước chân bền vững	105 109 111 120	Định hướng phát triển bền vững Tổng quan báo cáo Báo cáo hoạt động phát triển bền vững Tham chiếu chỉ số GRI
Hành trình vạn dặm	126 128 130	Thông tin cổ phiếu và Hoạt động quan hệ nhà đầu tư Cơ cấu cổ đông Báo cáo Tài chính

Cùng tiếp bước



Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng
và Quý Đồng nghiệp,

Khi COVID-19 đã dần thuộc về quá khứ thì toàn cầu tiếp tục đối mặt nhiều vấn đề: Căng thẳng địa chính trị diễn biến phức tạp tại nhiều khu vực; Lạm phát khiến các nền kinh tế lớn trên thế giới duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt...

Kinh tế Việt Nam có độ mở cao, đóng vai trò trong chuỗi cung ứng sản xuất của thị trường thế giới, đã chịu nhiều tác động. Thời gian qua, khối doanh nghiệp phải đối mặt với những thách thức như: thiếu đơn hàng, suy giảm xuất khẩu, chi phí nguyên vật liệu và sản xuất gia tăng... Lần đầu tiên trong hơn một thập kỷ, tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đã ghi nhận sụt giảm. Kinh tế cả nước tăng trưởng 5,0%, thấp hơn mục tiêu 6,5% của Chính phủ. Tuy nhiên, chuyên gia kinh tế trưởng của WB tại Việt Nam đã dành hai từ "kiên cường" khi nói về kinh tế Việt Nam năm vừa qua. So với rất nhiều nền kinh tế khác, kể cả những nền kinh tế phát triển và nền kinh tế mới nổi, sức chịu đựng và khả năng ứng phó của Việt Nam đã đạt được hiệu quả nhất định.

Cùng với chính sách mở rộng ngoại giao, kêu gọi đầu tư từ phía nhà nước, trong năm 2023, Việt Nam đón chào hàng loạt chính khách lẫn các doanh nhân đến từ nhiều tập đoàn lớn trên thế giới. Các chuyến thăm cấp nhà nước liên tục diễn ra ở Việt Nam, kèm theo đó, là hoạt động kết nối, thăm dò thị trường của nhiều thương hiệu toàn cầu. Từ phía nội tại, Việt Nam tiếp tục khẳng định nỗ lực chuyển đổi số ở quy mô quốc gia, cam kết giảm phát thải, chuyển đổi xanh để theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, định hướng phát triển ngành công nghiệp có hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng cao như ngành công nghiệp bán dẫn....

Một năm trôi qua không hề dễ dàng với khối doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp bất động sản và xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, tất cả những dữ kiện cho thấy cơ hội để kinh tế Việt Nam vượt lên trong năm 2024 và những năm sắp tới còn rất nhiều. Niềm tin về tương lai, về thị trường từ phía các doanh nghiệp trong và ngoài nước đã dần hồi phục, mặc dù còn khá chậm.

Năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam có diễn biến khó lường và kết thúc đầy kịch tính, VN-Index đóng cửa tại 1.129,93 điểm, tăng 12,1% so với cuối năm 2022. Thị trường chứng khoán phản ứng rất sát với các động thái của Ngân hàng Nhà nước, khi có nhịp tăng khá dài trong 4 tháng từ tháng 4.2023 nhờ việc lãi suất được cắt giảm nhiều đợt nhằm hỗ trợ cho nền kinh tế. Và sau đó có nhịp điều chỉnh khi Ngân hàng Nhà nước can thiệp rút một lượng lớn tiền về hệ thống qua kênh tín phiếu. Điểm sáng của thị trường đến từ nhà đầu tư cá nhân, khi là động lực tăng trưởng chính, trong khi đó khối ngoại duy trì bán ròng. Trước diễn biến của thị trường, Chứng khoán Vietcap đã triển khai chiến lược hết sức linh hoạt, đưa ra nhiều chương trình hành động phù hợp đồng thời tăng cường tiếp cận nắm bắt thông tin, tận dụng sự phát triển

của công nghệ hiện đại... nhằm thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng, phấn đấu đạt được các mục tiêu kinh doanh đã đề ra.

Năm vừa qua, Chứng khoán Vietcap đã thực hiện tái cấu trúc thương hiệu thành công, chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, với bộ nhận diện thương hiệu hoàn toàn mới trên tất cả các nền tảng. Ở các khoản vay hợp vốn, Vietcap đã thành công với Shanghai Commercial & Savings Bank: 45 triệu USD; Megabank: 100 triệu USD; Maybank: 75 triệu USD và lựa chọn tăng thêm 50 triệu USD.

Đến cuối 2023, vốn điều lệ của Vietcap đã tăng hơn 12 lần kể từ khi thành lập, từ 360 tỷ đồng lên 4.375 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 7.371 tỷ đồng.

Chứng khoán Vietcap đặt những viên gạch đầu tiên của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2007. Ngay thời điểm thị trường còn sơ khai, công ty đã xác định tầm nhìn trở thành đơn vị tài chính uy tín hàng đầu trong lĩnh vực chứng khoán, tiên phong trong công tác đầu tư, mang đến cho khách hàng cơ hội tăng trưởng và đạt được tự do tài chính thông qua chuỗi sản phẩm dịch vụ chất lượng, cũng như các cơ hội phát triển đầu tư bền vững.

Trên hành trình 16 năm "AM TƯỜNG TÀI CHÍNH", con đường đi đến thành công dù có va vấp, có trở ngại nhưng tập thể Vietcap vẫn đồng lòng hướng về phía trước trong tâm thế sẵn sàng, quyết tâm biến thách thức thành cơ hội, kim chỉ nam mà Vietcap luôn theo đuổi là đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu.

Xin chân thành cảm ơn các thành viên dưới mái nhà chung Vietcap, quý cổ đông, quý khách hàng và quý đối tác đã luôn tin tưởng và tạo điều kiện để chúng tôi nên vóc nên hình. Niềm tin mà mọi người dành cho Vietcap là tiền đề để chúng tôi xây dựng nên những mối quan hệ tích cực, để có thể thấu hiểu nhu cầu và kịp thời hỗ trợ.

Phía trước là bầu trời rộng lớn và tương lai là một bức tranh với những nét phác họa nhiều màu sắc. Chúng tôi sẽ chọn điểm tô bức tranh bằng những gam màu tươi sáng. Bằng sự quyết tâm, tinh thần nỗ lực, thái độ chủ động và tích cực, chúng tôi tin rằng cơ hội là dành cho tất cả mọi người, hãy giữ lửa niềm tin và không ngừng nỗ lực!

Trân trọng


Nguyễn Thanh Phương
Chủ tịch HĐQT

Con đường phía trước

Có những con đường trải bước trên hoa hồng. Cũng có con đường đầy chông gai, thử thách. Con đường này, tiếp nối con đường khác, kéo dài đến vô cùng.... Trong nhịp vận động không ngừng của thế giới, đừng chân đồng nghĩa với thụt lùi. Và chắc chắn không thể nào chạm đến mục tiêu...

Chủ đề của Báo cáo Thường niên năm nay lấy cảm hứng từ tự truyện nổi tiếng của Bill Gates, Con Đường Phía Trước, nhằm lan tỏa đến cộng đồng thông điệp không bao giờ cũ: chỉ có nỗ lực và nỗ lực hết sức, bạn sẽ thành công. Trong nguy có cơ, trong thách thức luôn hàm chứa cơ hội để phát triển. Khó khăn cần được nhìn bằng đôi mắt háo hức, tò mò và khát khao khám phá, chinh phục, tìm kiếm giải pháp.

Tích lũy nội lực, phát huy sáng tạo và luôn giữ ngọn lửa khởi nghiệp là cách mà chúng khoán Vietcap có thể thích nghi trước mọi biến động của thị trường, khách hàng và đời sống. Vietcap tự tin sải những bước chân vững chãi, dù là con đường gập ghềnh, hay những quanh co, đèo dốc... để có thể mang lại lợi ích thực sự cho nhà đầu tư, cho đối tác và cho chính những thành viên đang chung vai gây dựng Vietcap.

Nếu không trang bị cho mình tâm thế sẵn sàng đối mặt và tích cực tìm kiếm giải pháp, liệu chúng ta có thể bền chân, vững bước trên hành trình của mình?

2007-2008

Chính thức hoạt động Thành lập Chi nhánh

VCSC được thành lập và chính thức hoạt động vào tháng 11.2017.

Vốn điều lệ: 360 tỷ đồng.

Thành lập chi nhánh đầu tiên tại Hà Nội.

2009-2010

Nâng cấp hệ thống Tăng vốn điều lệ

Đưa vào hoạt động một trong những hệ thống phần mềm giao dịch tiên tiến nhất trong ngành, do Tong Yang cung cấp.

Tăng vốn điều lệ lên 378 tỷ đồng.

Thành lập phòng giao dịch Nguyễn Công Trứ - TP.HCM.

Trở thành môi giới chứng khoán thuộc Top 10 trong quý 2 năm 2010 trên sàn HNX.

2011-2013

Vươn lên TOP 3 thị phần trên HOSE

Lần đầu tiên tổ chức thành công Vietnam Access Day, thu hút hơn 300 khách mời, diễn giả và quỹ đầu tư trong nước và quốc tế.

Tăng vốn điều lệ lên 398,4 tỷ đồng.

Chuyển dịch cân bằng và hoàn thiện các mảng hoạt động kinh doanh.

2013: Vươn lên vị trí Top 3 CTCK có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất HSX.

2014-2015

Đột phá trong kết quả kinh doanh, duy trì TOP 3 thị phần

Vietnam Access Day trở thành hội nghị thường niên lớn nhất thu hút hàng trăm nhà đầu tư quốc tế, trong nước và các doanh nghiệp đầu ngành tham gia.

Đột phá trong kết quả hoạt động, với tỷ suất lợi nhuận (ROE) trên 30%.

Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.

2017-2018

Niêm yết trên HSX, giữ vững vị trí TOP 3

Niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh vào ngày 07.07.2017.

Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.

Vốn điều lệ đạt 1.200 tỷ đồng. **Vốn chủ sở hữu** đạt 3.020 tỷ đồng tính đến cuối năm 2017.

2019-2020

Giữ vững thị phần Hoàn thành kế hoạch kinh doanh

Giữ vững thị phần môi giới, tăng cường hoạt động tư vấn kinh doanh.

Duy trì vị trí Top đầu CTCK có thị phần môi giới chứng khoán lớn nhất trên HSX.

Vốn điều lệ đạt 1.656 tỷ đồng. **Vốn chủ sở hữu** đạt 4.521 tỷ đồng tính đến cuối năm 2020.

2021-2022

Đổi mới toàn diện Tạo đà phát triển

Chứng kiến những đổi mới toàn diện trong mô hình kinh doanh.

Biến sức mạnh nội tại thành động lực tăng trưởng. Trở thành công ty tài chính uy tín.

Hoàn thành mục 2/3 chặng đường mục tiêu lợi nhuận 5 năm.

Mô hình kinh doanh, đẩy mạnh digital marketing và áp dụng Công nghệ thông tin vào các sản phẩm cho khách hàng.

Vốn điều lệ đạt 4.355 tỷ đồng. **Vốn chủ sở hữu** đạt 6.495 tỷ đồng tính đến cuối năm 2022.

2022- 2023

Am tường tài chính

Tái cấu trúc thương hiệu chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap), với bộ nhận diện thương hiệu hoàn toàn mới trên tất cả các nền tảng.

Các khoản vay hợp vốn trước đây của Vietcap bao gồm:

* **Shanghai Commercial & Savings Bank:** 45 triệu USD

* **Megabank:** 100 triệu USD

* **Maybank:** 75 triệu USD + option tăng thêm 50 triệu USD

Vốn điều lệ đạt 4.375 tỷ đồng, tăng 12 lần kể từ khi thành lập.

Vốn chủ sở hữu đạt 7.371 tỷ đồng tính đến cuối năm 2023.

VỐN ĐIỀU LỆ
(Tỷ đồng)

4.375

VỐN CHỦ SỞ HỮU
(Tỷ đồng)

7.371



Điểm lại Chỉ số nổi bật năm 2023

TỔNG TÀI SẢN (Tỷ đồng)

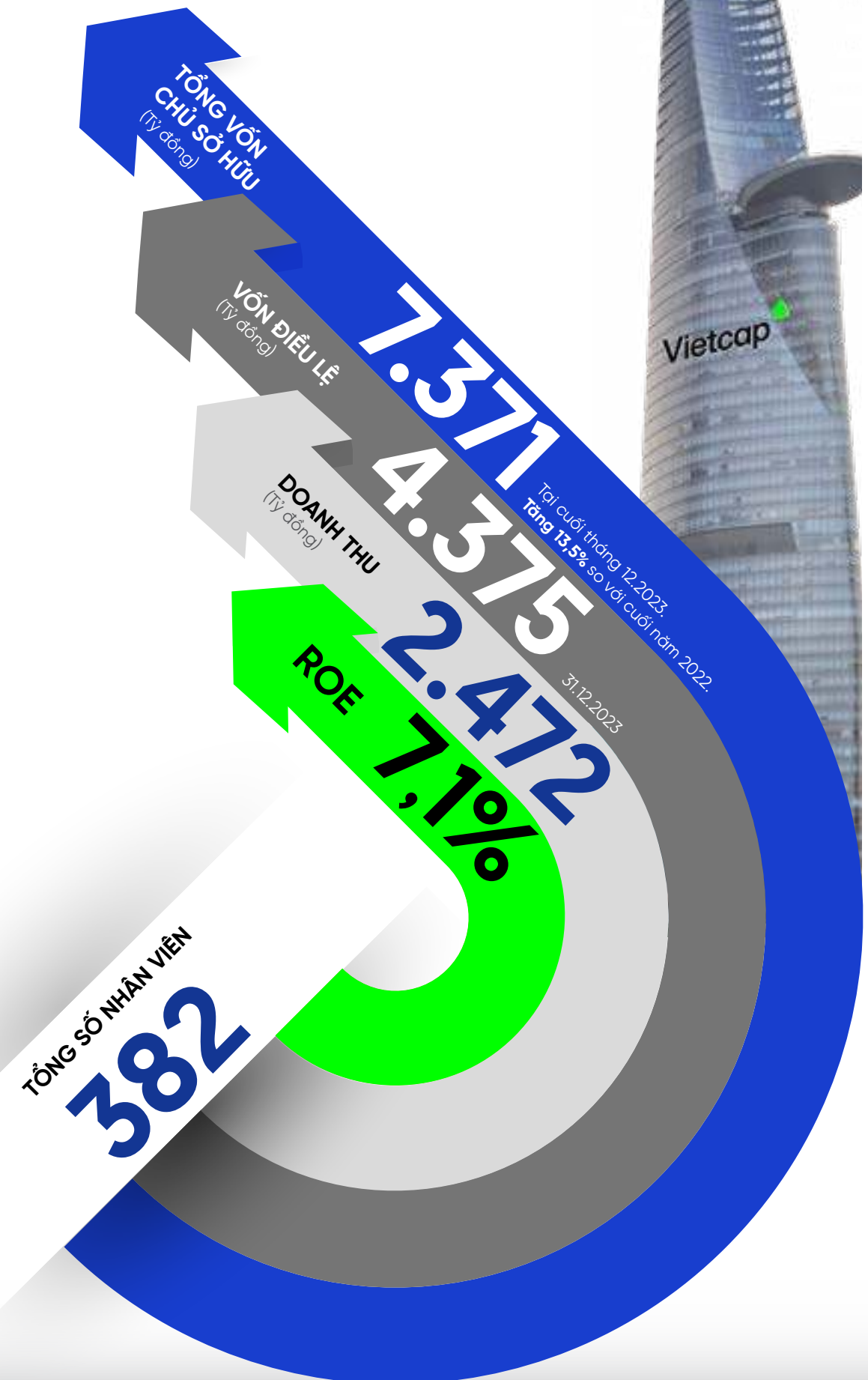
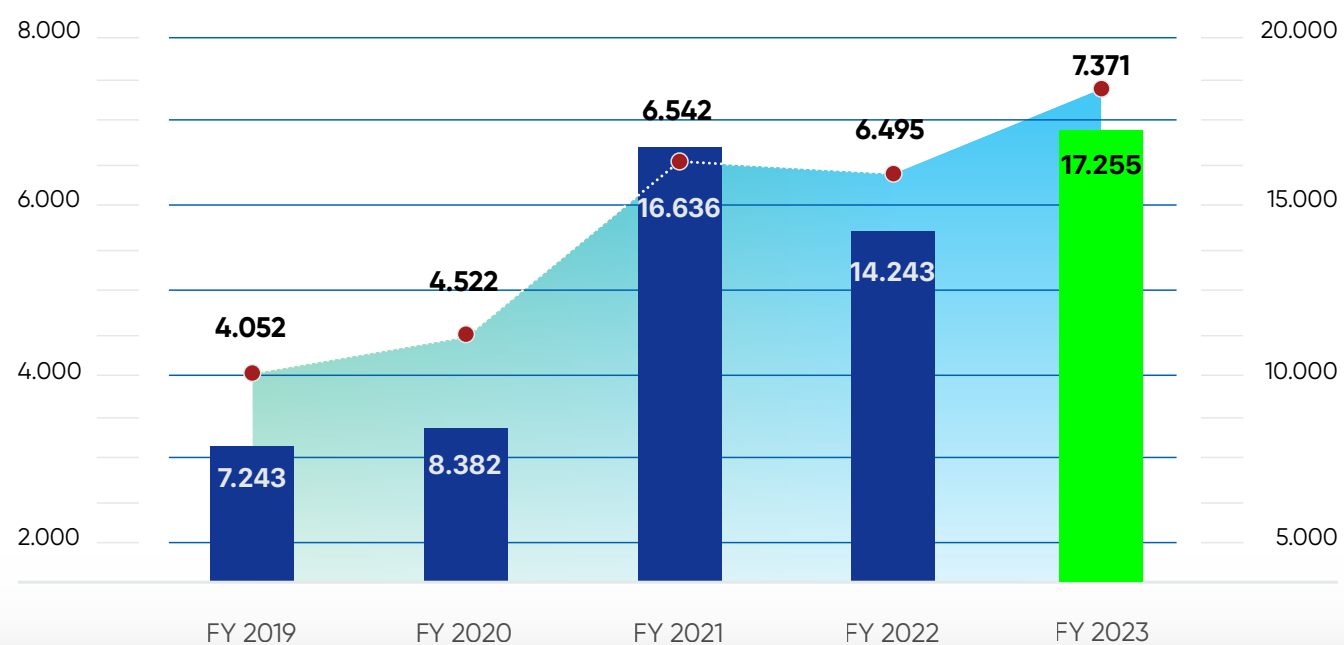
17.255

tại cuối tháng 12.2023, **tăng 21,2%** so với cuối năm 2022

CƠ CẤU TÀI SẢN

(Tỷ đồng)

■ Tổng Tài sản ● Tổng Vốn chủ sở hữu



Tổng quan công ty

Tái cấu trúc nhận diện thương hiệu Vietcap

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT TÁI CẤU TRÚC THƯƠNG HIỆU, CHÍNH THỨC ĐỔI TÊN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP (HOSE: VCI)

Theo Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức ngày 30.03.2023, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, tên tiếng Anh: Vietcap Securities Joint Stock Company, tên viết tắt: Vietcap, với bộ nhận diện thương hiệu hoàn toàn mới trên tất cả các nền tảng. Tên gọi và con dấu mới sẽ được áp dụng từ ngày 12.04.2023, theo quyết định số 26/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Theo đó, việc sử dụng các tên gọi khác nhau như: Vietcap, Viet Capital Securities, VCI, Chứng khoán Bản Việt... khiến khách hàng nhầm lẫn với một số tổ chức trong nước khác có tên tương tự, tên gọi mới "Vietcap" sẽ góp phần gia tăng mức độ nhận diện và sức mạnh thương hiệu của Công ty nhờ sự ngắn gọn, độc đáo, súc tích, dễ nhớ.

Bộ nhận diện thương hiệu mới của Công ty được thiết kế hiện đại và đơn giản hơn, nhằm truyền tải chính xác nhất tinh thần đổi mới toàn diện, với mục tiêu trở thành đơn vị tư vấn tài chính uy tín hàng đầu Việt Nam.

Vietcap sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư hoàn thiện chuỗi giải pháp công nghệ 4.0, thiết lập hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ số theo các tiêu chuẩn tiên tiến thế giới nhằm nâng tầm chất lượng phục vụ, góp phần đưa các dịch vụ tài chính đến gần hơn với người dân Việt Nam.

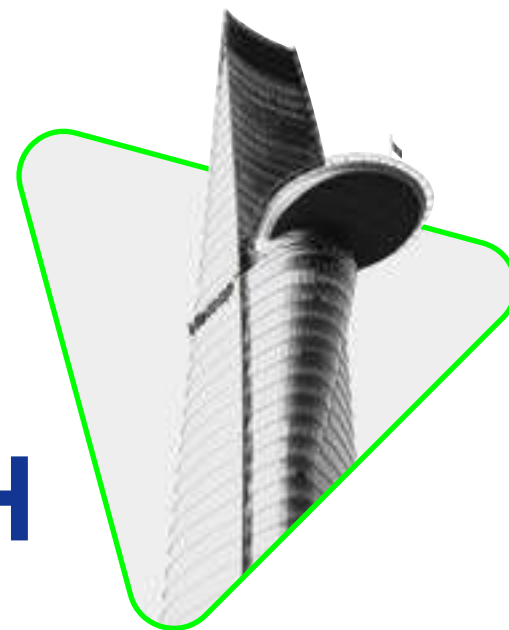


Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap

Tên Tiếng Anh	Vietcap Securities Joint Stock Company
Tên viết tắt	Vietcap
Mã chứng khoán	VCI
Website	https://www.vietcap.com.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 0305299779 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 06.11.2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 16.10.2023
Vốn điều lệ - Cập nhật ngày 31.12.2023 (Đồng)	
4.375.000.000.000	
Trụ sở chính	Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại	(+84) 28 3914 3588
Fax	(+84) 28 3914 3209

Các đơn vị kinh doanh khác:

HỒ CHÍ MINH



Trụ sở chính mở rộng

Tòa nhà Vinatex Tài Nguyên,
Tầng 3, số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP.HCM
Tel: (+84) 28 3914 3588
Fax: (+84) 28 3914 3209

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, Tầng 16,
81 - 83 - 83B - 85 Hàm Nghi, Quận 1, TP. HCM
Tel: (+84) 28 3914 3588
Fax: (+84) 28 3821 6186

Phòng giao dịch Pasteur

(Đã được đóng cửa theo Quyết định
số 62/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày
19.01.2024)

Tòa nhà Sailing, Tầng 8, số 111A Pasteur,
Quận 1, TP.HCM
Tel: (+84) 28 3914 3588 (403)

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (+84) 24 6262 6999
Fax: (+84) 24 6278 2688

Phòng giao dịch Đống Đa

Số 9 Nguyễn Ngọc Doãn,
Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: (+84) 24 6262 6999
Fax: (+84) 24 6278 2688



HÀ NỘI

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh



Tầm nhìn

Trở thành đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu Việt Nam, hướng tới một thế giới về đầu tư, thúc đẩy cơ hội tăng trưởng và hiện thực hóa mục tiêu tự do tài chính.

Thiết lập hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ tài chính số theo các tiêu chuẩn tiên tiến thế giới nhằm nâng tầm chất lượng phục vụ, góp phần đưa các dịch vụ tài chính đến gần hơn với người dân Việt Nam.



Tầm nhìn - Sứ mệnh Giá trị cốt lõi

Sứ mệnh

Hỗ trợ khách hàng phát triển tài chính. Chúng tôi cam kết cung cấp những dịch vụ chất lượng tốt nhất, lấy khách hàng làm trọng tâm để thấu hiểu nhu cầu của khách hàng và đưa ra các giải pháp phù hợp, hiệu quả tối ưu, dựa trên nền tảng đạo đức, tâm huyết, trách nhiệm và năng lực chuyên môn cao.

Giá trị cốt lõi

Sự Tin Tưởng

Vietcap đặt sự tin tưởng là tiền đề quan trọng giúp xây dựng và duy trì mối quan hệ tích cực với khách hàng để thấu hiểu nhu cầu của họ. Niềm tin chính là chìa khóa để xây dựng mối quan hệ bền vững và mang lại giá trị bền vững cho cả khách hàng và công ty.

Khách Hàng

Đặt khách hàng làm trọng tâm giúp Vietcap giữ được sự tập trung vào những vấn đề thực sự quan trọng và có ý nghĩa.

Đội Ngũ Nhân Sự

Đội ngũ nhân sự là tài sản quý giá nhất của công ty. Vietcap nuôi dưỡng tài năng và tạo ra môi trường làm việc mà ở đó mỗi cá nhân đều có thể thành công và phát triển bản thân.

Giáo Dục

Chúng tôi coi việc chia sẻ kiến thức là một trách nhiệm và là cơ hội để đồng nghiệp và khách hàng học hỏi lẫn nhau. Bằng cách này, Vietcap không chỉ phát triển chính mình mà còn đóng góp vào sự lớn mạnh của thị trường.



Hiệu Quả Công Việc

Chúng tôi chỉ hài lòng khi công việc được hoàn thành xuất sắc. Vietcap cam kết đem lại những kết quả tốt nhất thông qua hiệu suất làm việc cao, đảm bảo lợi ích cho cả khách hàng và đội ngũ nhân sự của chúng tôi.

Thành tựu tiêu biểu



14 năm liên nhận giải thưởng của Alpha Southeast Asia

"Nhà tư vấn thương vụ M&A do Quỹ đầu tư cổ phần tư nhân hậu thuẫn tốt nhất Đông Nam Á" – 2019, 2020, 2021, 2022, 2023
 "Thương vụ IPO/vốn cổ phần tốt nhất Việt Nam" – 2021
 "Nhà môi giới tổ chức tốt nhất Việt Nam" – 2012, 2013, 2014, 2018, 2023
 "Ngân hàng Đầu tư và Nhà M&A tốt nhất" – 2017
 "Nhà huy động vốn tốt nhất Việt Nam giai đoạn 2007 – 2016"
 "Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất Việt Nam" – 2011, 2012, 2013, 2015
 "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" – 2013
 "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất" – 2011



14 năm liên nhận giải thưởng của Diễn đàn M&A Việt Nam

"Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất giai đoạn 2009 – 2023"



Giải thưởng của Global Brands Magazine (GBM)

"Ngân hàng đầu tư tốt nhất" – 2021, 2022, 2023
 "Nhà tư vấn phát hành vốn tốt nhất" – 2021, 2022
 "Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam" – 2021, 2022
 "Nhà huy động vốn tốt nhất và nhà môi giới tổ chức lớn nhất Việt Nam" – 2021



8 trên 11 năm nhận giải thưởng của Finance Asia

"Công ty tư vấn tốt nhất trên thị trường vốn cổ phần tại Việt Nam" – 2021, 2023
 "Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam" – 2016, 2017, 2018
 "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam" – 2012, 2015, 2016, 2017, 2023
 "Công ty ECM tốt nhất Việt Nam" – 2017
 "Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam" – 2011, 2022
 "Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam" – 2016



VietnamNet & Vietnam Report vinh danh

Top 50 Doanh nghiệp Lợi nhuận xuất sắc và Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – 2021



Forbes Việt Nam bình chọn

Top 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu – 2021



Vietnam Report bình chọn

Top 50 công ty đại chúng uy tín – 2021, 2022



Giải thưởng của Euromoney

Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam – 2015, 2023



Giải thưởng của Sàn GDCK Hà Nội

Một trong ba công ty chứng khoán có dịch vụ tư vấn tốt nhất giai đoạn 2005 – 2015



Giải thưởng của The Asset Asian Awards

Công ty môi giới tốt nhất Việt Nam – 2011



Giải thưởng của UBND TP.HCM

"Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu" – 2011



Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam do **Forbes Việt Nam** bình chọn



Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do **Nhịp Cầu Đầu Tư** bình chọn

2023

Vietcap tiếp tục vinh dự đón nhận cùng lúc các giải thưởng danh giá Quốc tế từ **Alpha Southeast Asia & Global Brands Magazine**



Ngân hàng đầu tư tốt nhất



Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam



Nhà môi giới tổ chức tốt nhất

Nhà tư vấn M&A tiêu biểu giai đoạn 2009 – 2023 từ **Báo Đầu Tư**

Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam năm 2023 từ **tạp chí Euromoney**



Diễn giải Báo cáo Tài chính 2023

TÓM TẮT KẾT QUẢ TÀI CHÍNH NĂM 2023

Lợi nhuận trước thuế
(LNTT):

571 tỷ đồng

Vietcap ghi nhận LNTT đạt 571 tỷ đồng, giảm 46% so với năm 2022 và đạt 57% kế hoạch năm 2023 của Vietcap là 1.000 tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận ròng
trên vốn chủ sở hữu (ROE):

7,1%

ROE trượt 12 tháng gần nhất của Vietcap đạt 7,1% trong năm 2023 (8,8% nếu loại trừ chênh lệch từ đánh giá lại tài sản theo giá thị trường được ghi nhận trong Vốn chủ sở hữu).

Vốn chủ sở hữu
(VCSH):

7.371 tỷ đồng

Tính đến cuối tháng 12.2023, tổng VCSH của Vietcap đạt 7.371 tỷ đồng - tăng 13% so với cuối năm 2022.

Phân tích Bảng cân đối kế toán năm 2023

Tổng tài sản của Vietcap:

17.255 tỷ đồng

Các khoản nợ của Vietcap tính đến cuối tháng 12.2023 là 8.979 tỷ đồng, tăng 31% so với cuối năm 2022. Tất cả các khoản nợ này đều là nợ ngắn hạn và chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho hoạt động cho vay ký quỹ.

Tỷ lệ tổng nợ trên VCSH của Vietcap tăng lên 121,8% vào cuối tháng 12.2023 so với mức 105,8% vào cuối 2022.

Tính đến cuối tháng 12.2023, tổng tài sản của Vietcap đạt 17.255 tỷ đồng, tăng 21% so với cuối năm 2022.

Phân tích kết quả kinh doanh Theo từng bộ phận trong năm 2023



Mảng Môi giới

Trong năm 2023, mảng môi giới ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 102 tỷ đồng (giảm 47% so với cả năm 2022). Vietcap đứng thứ 8 trên HOSE với thị phần môi giới là 4,47% trong năm 2023.

Ngân hàng Đầu tư

Trong năm 2023, mảng Ngân hàng Đầu tư ghi nhận doanh thu đạt 35 tỷ đồng (giảm 92% so với cả năm 2022) và ghi nhận khoản lỗ ròng 32 tỷ đồng (so với lợi nhuận 342 tỷ đồng trong năm 2022). Mảng Ngân hàng Đầu tư của Vietcap đang trong quá trình thực hiện các thương vụ tư vấn đáng chú ý. Doanh thu và lợi nhuận từ các thương vụ chưa hoàn thành này chưa được ghi nhận đầy đủ vào kết quả kinh doanh năm 2023.

Đầu tư

Hoạt động Đầu tư tiếp tục là động lực dẫn dắt thu nhập chính của Vietcap trong cả năm 2023, với lợi nhuận trước thuế đạt 347 tỷ đồng (tăng 17% so với năm 2022).

Cho vay Ký quỹ (Margin)

Mảng cho vay Ký quỹ đạt doanh thu 791 tỷ đồng trong năm 2023 (giảm 2% so với năm 2022) và lợi nhuận trước thuế đạt 153 tỷ đồng (giảm 33% so với năm 2022). Chi phí huy động vốn cao hơn là yếu tố chính ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của mảng cho vay ký quỹ trong cả năm 2023.

Dư nợ cho vay Ký quỹ của Vietcap tính đến cuối tháng 12.2023 đạt 7.992 tỷ đồng (tăng 51% so với cuối năm 2022).

Các sự kiện doanh nghiệp đáng chú ý trong năm 2023

Tháng 4.2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tái cấu trúc thương hiệu, chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap), với bộ nhận diện thương hiệu hoàn toàn mới trên tất cả các nền tảng. Tên gọi và logo mới sẽ được áp dụng từ ngày 12.04.2023. Việc tái cấu trúc thương hiệu của Vietcap nhằm mục đích tượng trưng cho tinh thần đổi mới và khát vọng duy trì vị thế là tổ chức dịch vụ tài chính hàng đầu và uy tín nhất Việt Nam của công ty. Dù tên gọi đã thay đổi nhưng cam kết phục vụ khách hàng của Vietcap vẫn không thay đổi. Công ty sẽ tiếp tục phấn đấu để đạt được sự ưu việt, mở rộng hệ sinh thái hiện hữu, đầu tư vào các giải pháp công nghệ mới và tuân theo các tiêu chuẩn toàn cầu. Chúng tôi rất vui mừng chào đón chương phát triển tiếp theo của Vietcap.

Tháng 6.2023

Vietcap phát hành 2.000.000 cổ phiếu ESOP (tương đương 0,5% tổng số cổ phiếu đang lưu hành trước đợt phát hành ESOP). Tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Vietcap tính đến cuối tháng 9.2023 là 437,5 triệu cổ phiếu.

Tháng 7.2023

Vietcap đã ký kết khoản vay hợp vốn trị giá 45 triệu USD (tương đương 1.080 tỷ đồng). Khoản vay này được Ngân hàng Shanghai Commercial and Savings Bank, Ltd thu xếp thông qua chi nhánh ngân hàng nước ngoài của ngân hàng này.

Tháng 8.2023

Vietcap đã ký kết khoản vay hợp vốn trị giá 100 triệu USD (tương đương 2.400 tỷ đồng). Khoản vay này được Ngân hàng Mega International Commercial Bank thu xếp thông qua chi nhánh ngân hàng nước ngoài của ngân hàng này.

Tháng 11.2023

Vietcap ký kết khoản vay hợp vốn trị giá 75 triệu USD với quyền chọn Greenshoe cho khoản vay lên đến 50 triệu USD. Khoản vay được Maybank Securities Pte. Ltd. và Taishin International Bank Co., Ltd. chi nhánh Singapore thu xếp, với tư cách là bên thu xếp và bên quản lý sổ đầu tư chính được ủy quyền.



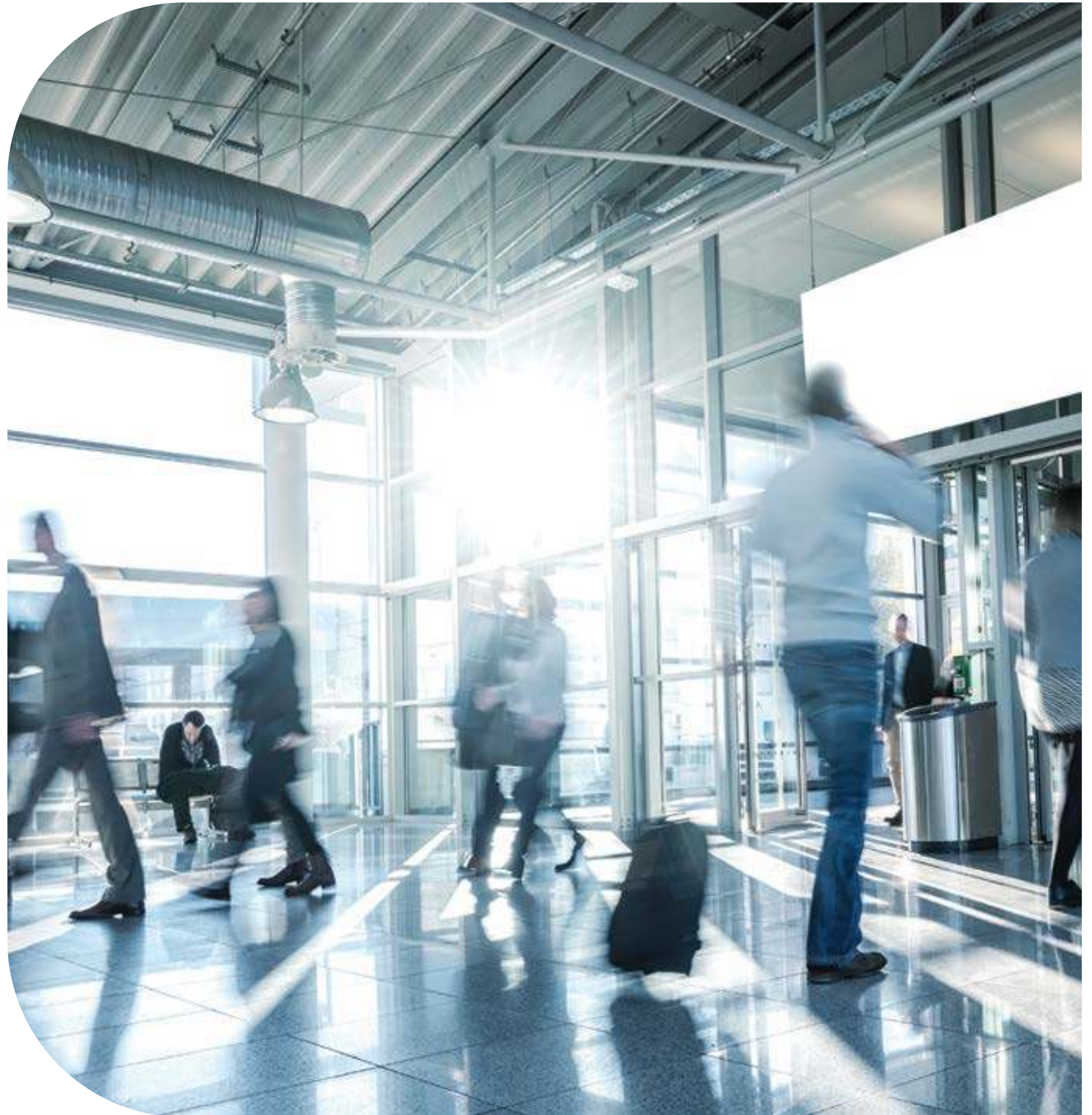
Tiêu điểm Báo cáo Tình hình Tài chính

ĐƠN VỊ: TỶ VNĐ	2019	2020	2021	2022	2023
Các khoản mục chính					
Tiền và tương đương tiền	795	643	1.132	3.424	788
FVTPL	795	615	1.222	665	122
Nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	262	106	754	886	380
Cho vay margin	3.032	3.882	7.701	5.279	7.992
AFS	1.731	2.713	5.324	3.734	6.604
Nợ	2.563	3.364	8.327	6.873	8.979
Nợ vay ngắn hạn	2.563	3.364	8.327	6.873	8.979
Nợ vay dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng Tài sản	7.243	8.382	16.636	14.243	17.255
Tổng Nợ	3.191	3.861	10.094	7.747	9.884
Tổng Vốn chủ sở hữu	4.052	4.522	6.542	6.495	7.371

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CHÍNH	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng Nợ vay/ Vốn chủ sở hữu	63,2%	74,4%	127,3%	105,8%	121,8%
Nợ vay ròng (*) / Vốn chủ sở hữu	43,6%	60,2%	110,0%	53,1%	111,1%
Tổng Nợ / Tổng Tài sản	44,1%	46,1%	60,7%	54,4%	57,3%
ROA	10,1%	9,8%	12,0%	5,6%	3,1%
ROE	18,0%	17,9%	27,1%	13,3%	7,1%
ROE (**)	19,9%	19,7%	33,4%	16,8%	8,8%
GTSS/ cổ phiếu (VNĐ)	9.446	10.502	15.112	14.915	16.849

(*) Nợ ròng = Tổng nợ – CCE (Tiền và tương đương tiền)
(**) Chỉ số ROE này được tính dựa trên Vốn Chủ sở hữu loại trừ chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

Hành trang Vietcap





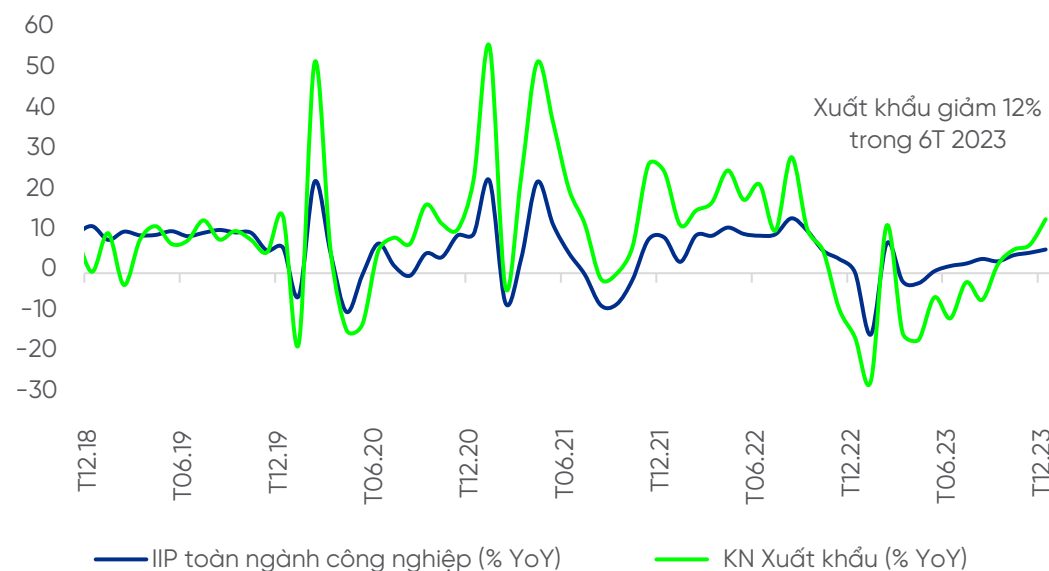
Bức tranh kinh tế 2023

Đơn hàng xuất khẩu giảm sút ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Việt Nam

Năm 2023, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Căng thẳng địa chính trị diễn biến phức tạp tại một số khu vực trên thế giới. Lạm phát cao khiến nhiều nền kinh tế lớn gia tăng chính sách tiền tệ thắt chặt. Bên cạnh đó, nhu cầu mua hàng từ nhiều nền kinh tế lớn suy giảm

đã ảnh hưởng đến quốc gia có độ mở lớn như Việt Nam. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, năm 2023 tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam lần đầu giảm trong hơn một thập kỷ qua. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Mỹ, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam giảm 11%.

Tăng trưởng xuất khẩu và sản xuất công nghiệp



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Vietcap

Chính sách tiền tệ thắt chặt của Fed đã góp phần gây áp lực lên tỷ giá

Fed tiếp tục tăng lãi suất thêm 4 lần (tổng 100 điểm cơ bản) trong năm 2023 để chống lại lạm phát cao kỷ lục của nước Mỹ đã khiến chênh lệch giữa lãi suất liên ngân hàng ngắn hạn USD và VND tiếp tục nới rộng (chênh lệch kỳ hạn qua đêm dao động quanh mức 5% trong hầu hết nửa cuối năm 2023). Đồng thời đồng USD tăng giá mạnh trong giai đoạn từ tháng

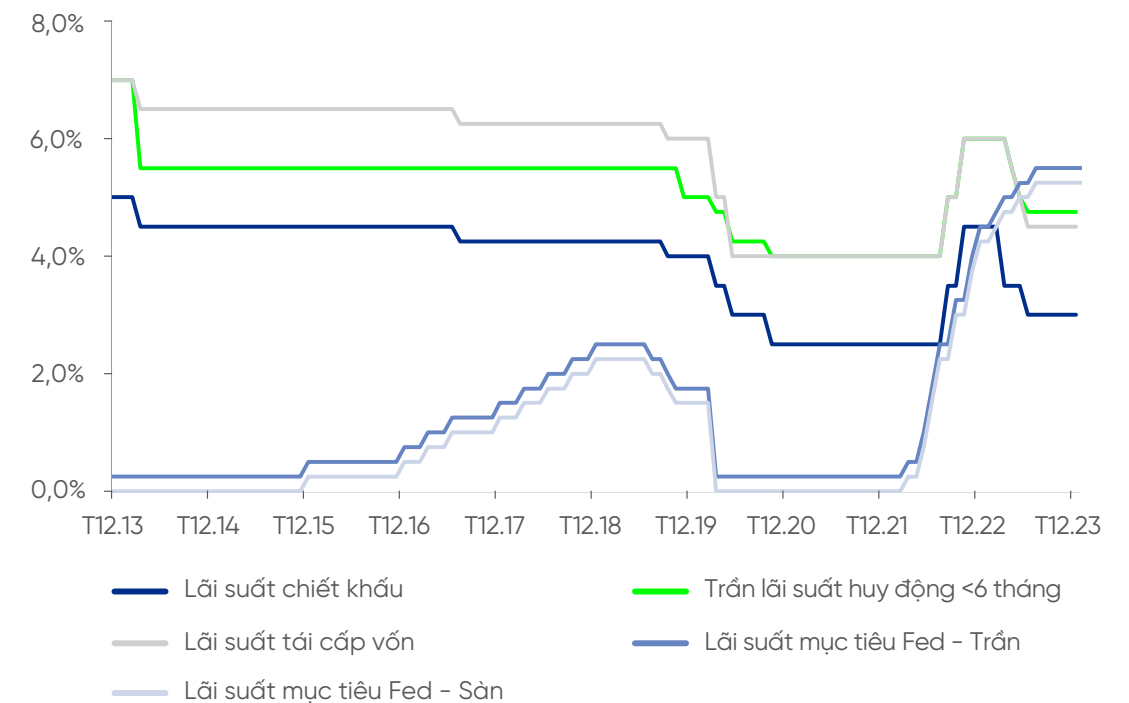
7-10.2023 (DXY +6,5%) đã gây áp lực lên tỷ giá và cũng phần nào hạn chế Ngân hàng nhà nước trong việc sử dụng chính sách tiền tệ nới lỏng để hỗ trợ tăng trưởng. Mặc dù vậy, nguồn ngoại tệ dồi dào từ kiều hối, FDI, thặng dư thương mại cao kỷ lục, đã phần nào giúp hạn chế áp lực lên tỷ giá. Trong năm 2023, tỷ giá tăng 2,8%.

Chính sách tài khóa và tiền tệ nới lỏng trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn

Trong bối cảnh kinh tế thế giới diễn biến bất lợi cho Việt Nam, Chính phủ đã triển khai một loạt các chính sách nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, bao gồm kế hoạch đầu tư công 727 nghìn tỷ đồng trong năm 2023 - tăng 38% so với kế hoạch năm 2022, hoãn nộp thuế và phí tối đa sáu tháng, giảm 36 loại phí trong nửa cuối năm 2023, giảm 2% thuế VAT (từ 10% xuống 8%) cho nhiều ngành trong nửa cuối 2023 - nửa đầu

2024, giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu trong năm 2024... Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước đã 4 lần giảm lãi suất điều hành trong nửa đầu năm 2023 với mức giảm từ 50-200 điểm cơ bản. Từ đó, các ngân hàng thương mại đã giảm lãi suất huy động và cho vay xuống mức thấp nhất trong 20 năm qua (theo Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước vào đầu năm 2024).

Lãi suất điều hành của NHNN & Lãi suất của Fed

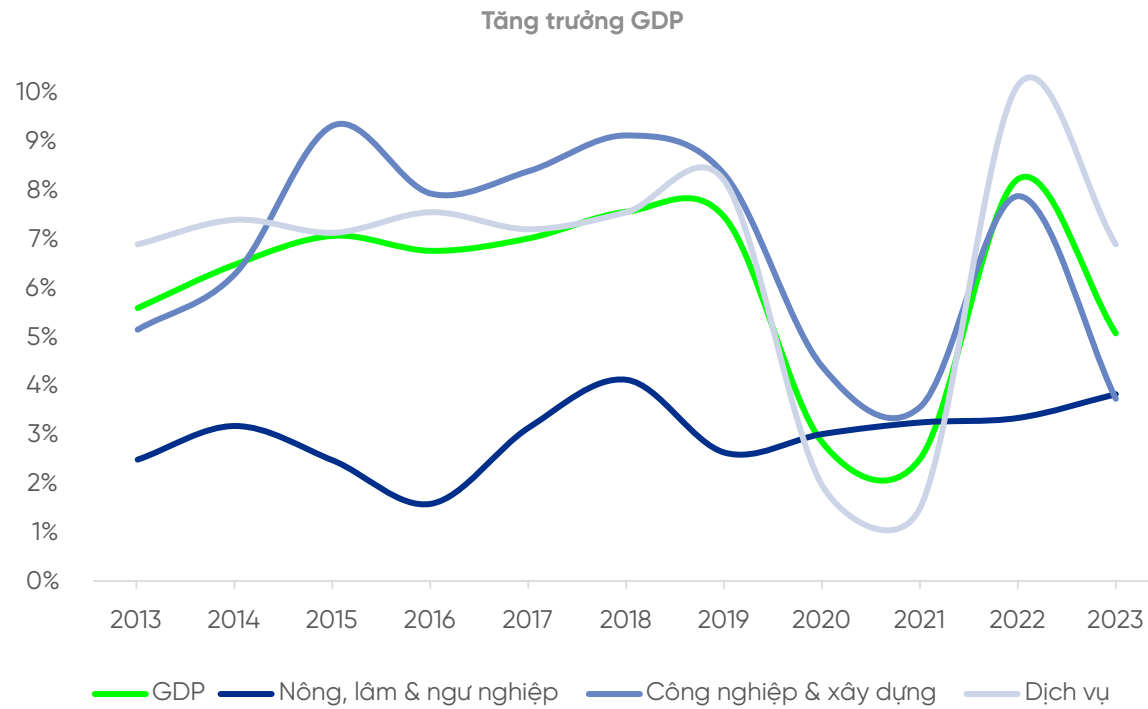


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước, Vietcap

Kinh tế tăng trưởng 5%

Các chính sách tài khóa mở rộng của Chính phủ và tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng nhà nước đã góp phần giúp bù đắp ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thế giới lên Việt Nam. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, kinh tế cả

nước tăng trưởng 6,7% trong quý 4.2023 (mức cao nhất quý 4 kể từ sau 2019) và tăng 5,0% trong cả năm 2023 (thấp hơn mục tiêu 6,5% của Chính phủ).



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Vietcap

Khu vực dịch vụ tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng

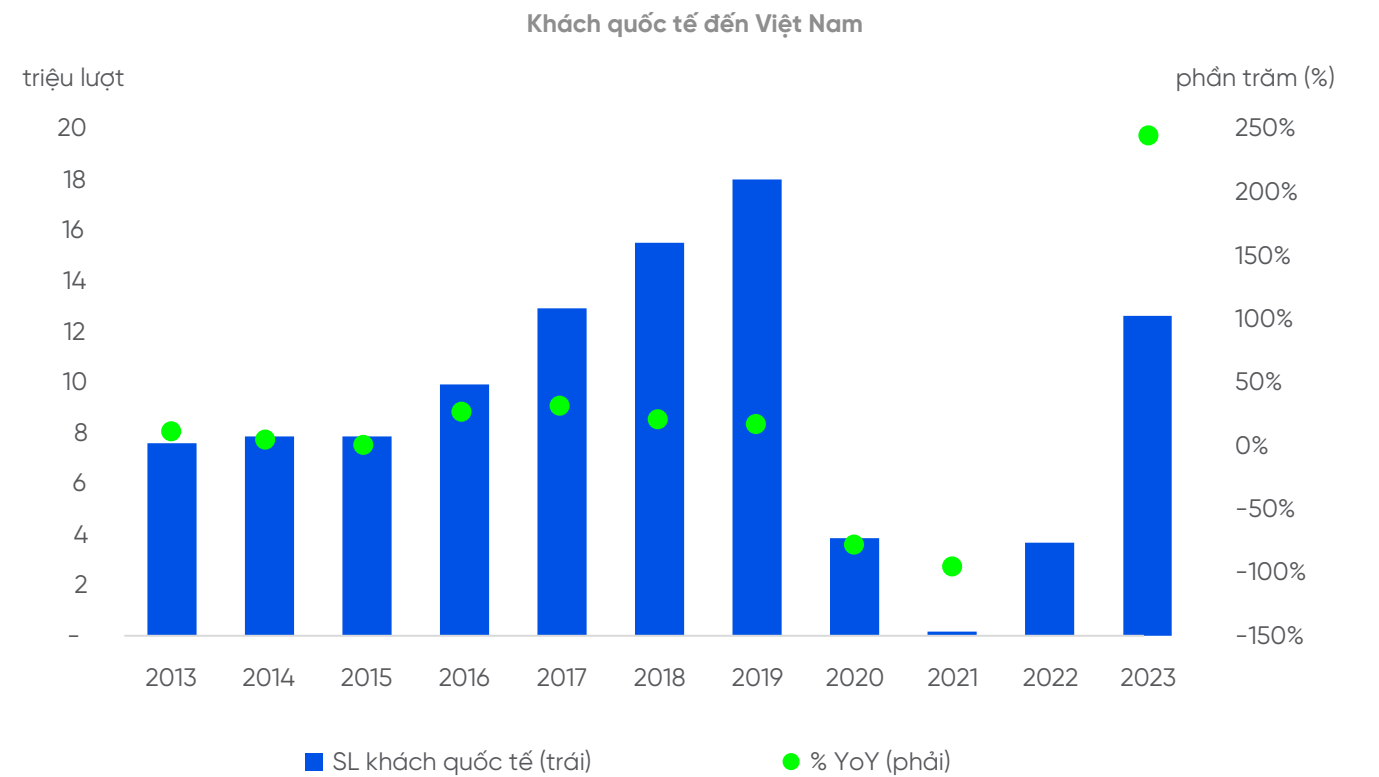
Khu vực dịch vụ tiếp tục là động lực chính của nền kinh tế khi tăng 7,3% trong quý 4 và 6,8% YoY trong năm 2023, đóng góp 62,2% vào tổng mức tăng trưởng GDP năm 2023. Trong khi đó, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất trong 5

năm gần đây, đạt 3,8% trong năm 2023. Mặc dù khu vực công nghiệp và xây dựng cũng phục hồi mạnh trong quý 4.2023, tuy nhiên mức tăng trưởng cả năm chỉ đạt 3,7% một phần do xuất khẩu giảm sút ảnh hưởng đến sản xuất – chế biến – chế tạo.

Khách quốc tế phục hồi hỗ trợ doanh thu bán lẻ dịch vụ và du lịch

Theo Tổng cục Thống kê, doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiếp tục tăng trưởng 9,6% trong năm 2023, nếu loại trừ yếu tố giá, tổng doanh thu bán lẻ tăng 7,1%. Đây cũng là mức tăng thấp nhất kể từ năm 2013 nếu không tính giai đoạn đại dịch 2020 – 2021.

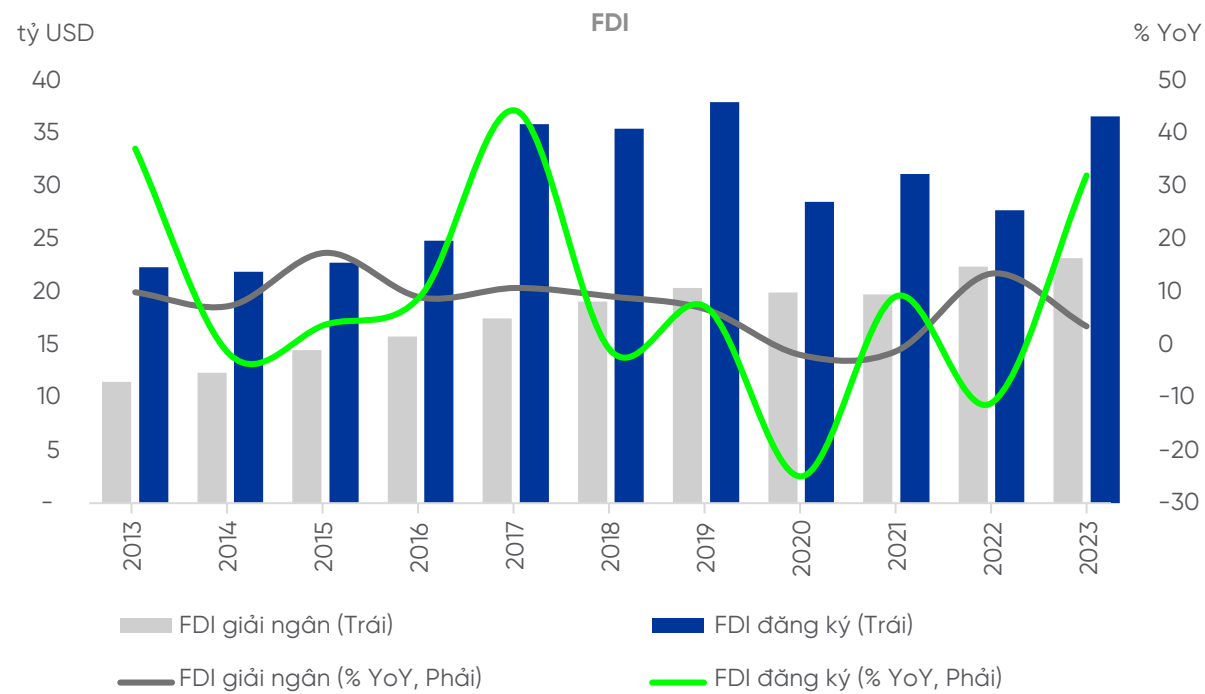
Tăng trưởng doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2023 được hỗ trợ bởi sự phục hồi mạnh của lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam (12,5 triệu lượt trong năm 2023; 3,7 triệu lượt trong năm 2022). Trong đó, doanh thu bán lẻ của ngành dịch vụ lưu trú & ăn uống, và ngành du lịch lần lượt tăng 14,7% và 52,5%.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Vietcap

FDI đăng ký tăng trưởng mạnh sau đại dịch

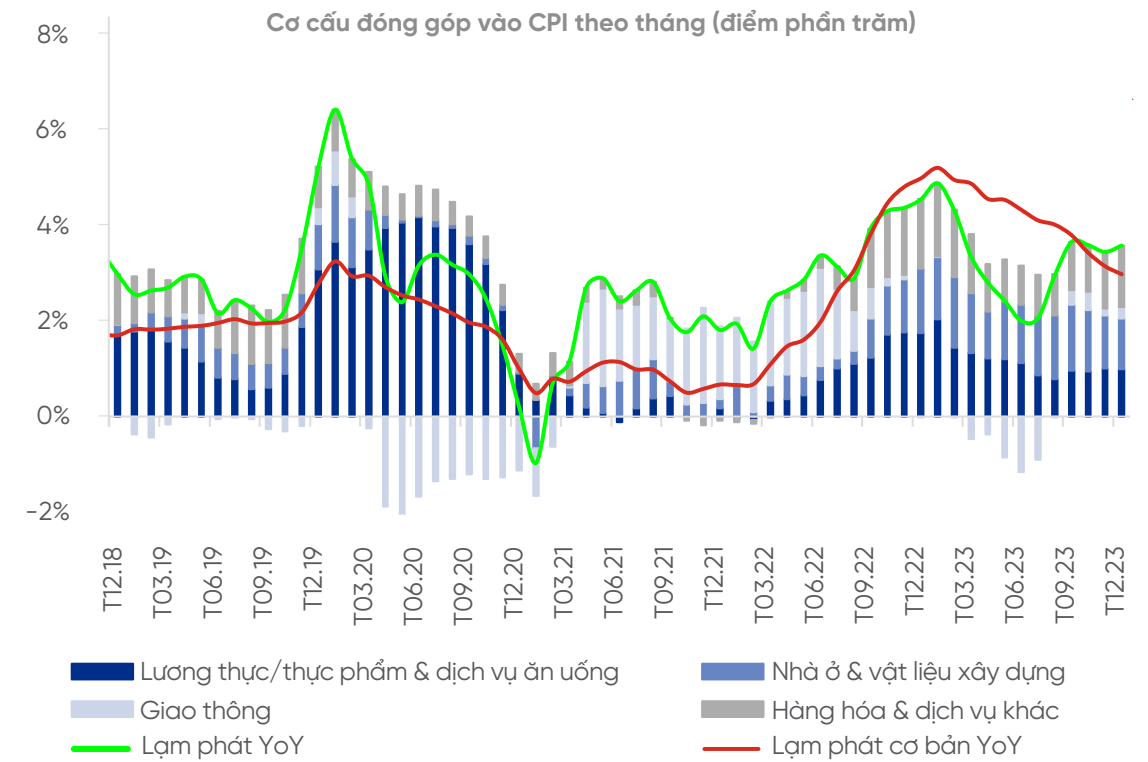
Trong năm 2023, vốn giải ngân FDI đạt 23,2 tỷ USD, mức cao nhất kể từ năm 1994. Trong khi đó, vốn FDI đăng ký tăng mạnh 32,1% lên 36,6 tỷ USD trong năm 2023, trong đó vốn đăng ký các dự án cấp mới tăng 62,2% lên 20,2 tỷ USD, mức cao nhất trong 6 năm qua. Lĩnh vực sản xuất tiếp tục là lĩnh vực thu hút FDI với 23,5 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm 64% tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam trong năm 2023.



Nguồn: Bộ KHĐT, Vietcap

Lạm phát tiếp tục được kiểm soát dưới mức trần của Chính phủ

Tính đến tháng 12.2023, CPI tăng 3,58% so với cuối năm 2022, đưa CPI bình quân năm 2023 lên 3,3% - thấp hơn nhiều so với mức trần của Chính phủ là "khoảng 4,5%". Trong năm 2023, mặc dù giá gạo, học phí, và giá điện sinh hoạt tăng gây áp lực lên lạm phát. Tuy nhiên, giá xăng dầu và giá gas và giá nhập khẩu giảm đã góp phần giúp kiểm chế lạm phát.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Vietcap



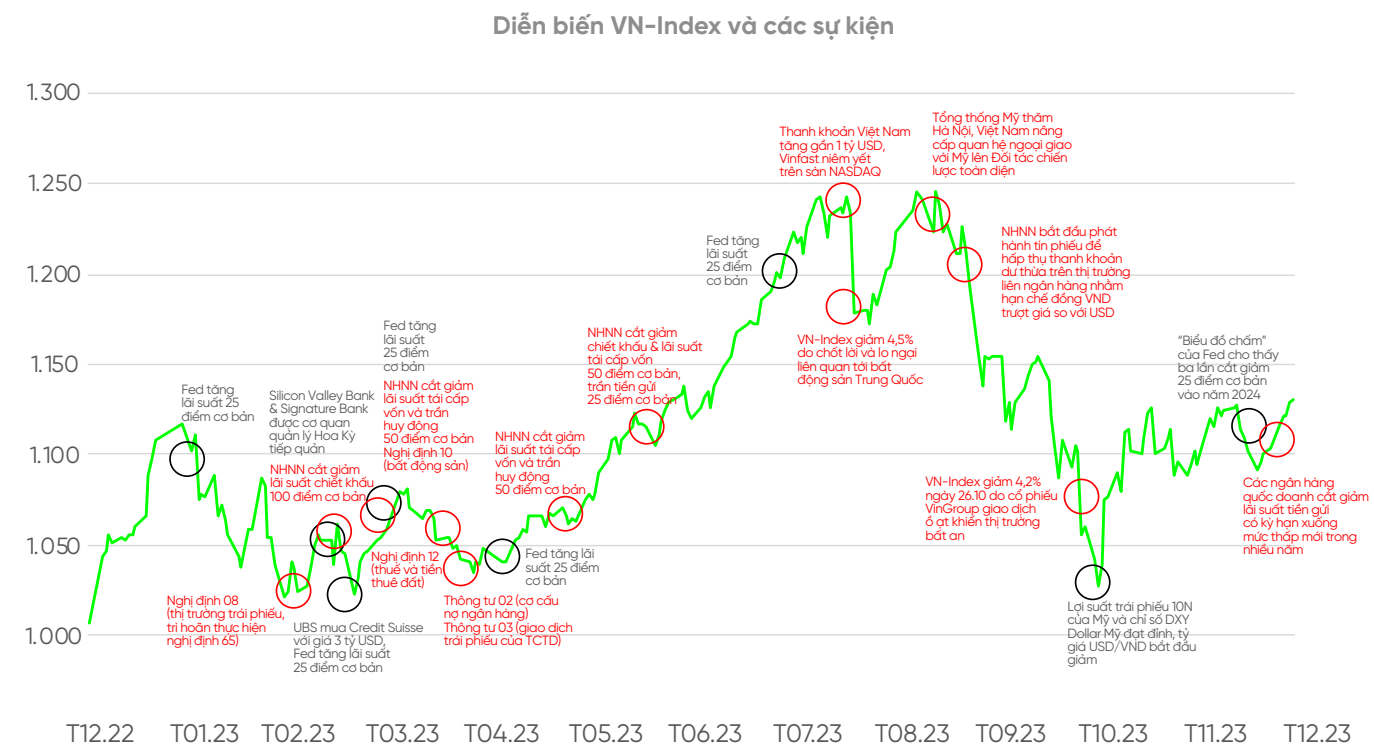
A composite image featuring a man in a suit pointing at a digital interface with financial charts, a large yellow star, and a red background with a grid pattern. The interface includes a 'Buy' button, a 'Sell' button, and various financial data points and line graphs. The overall theme is financial technology and investment.

Thị trường tăng trưởng tích cực trong năm 2023

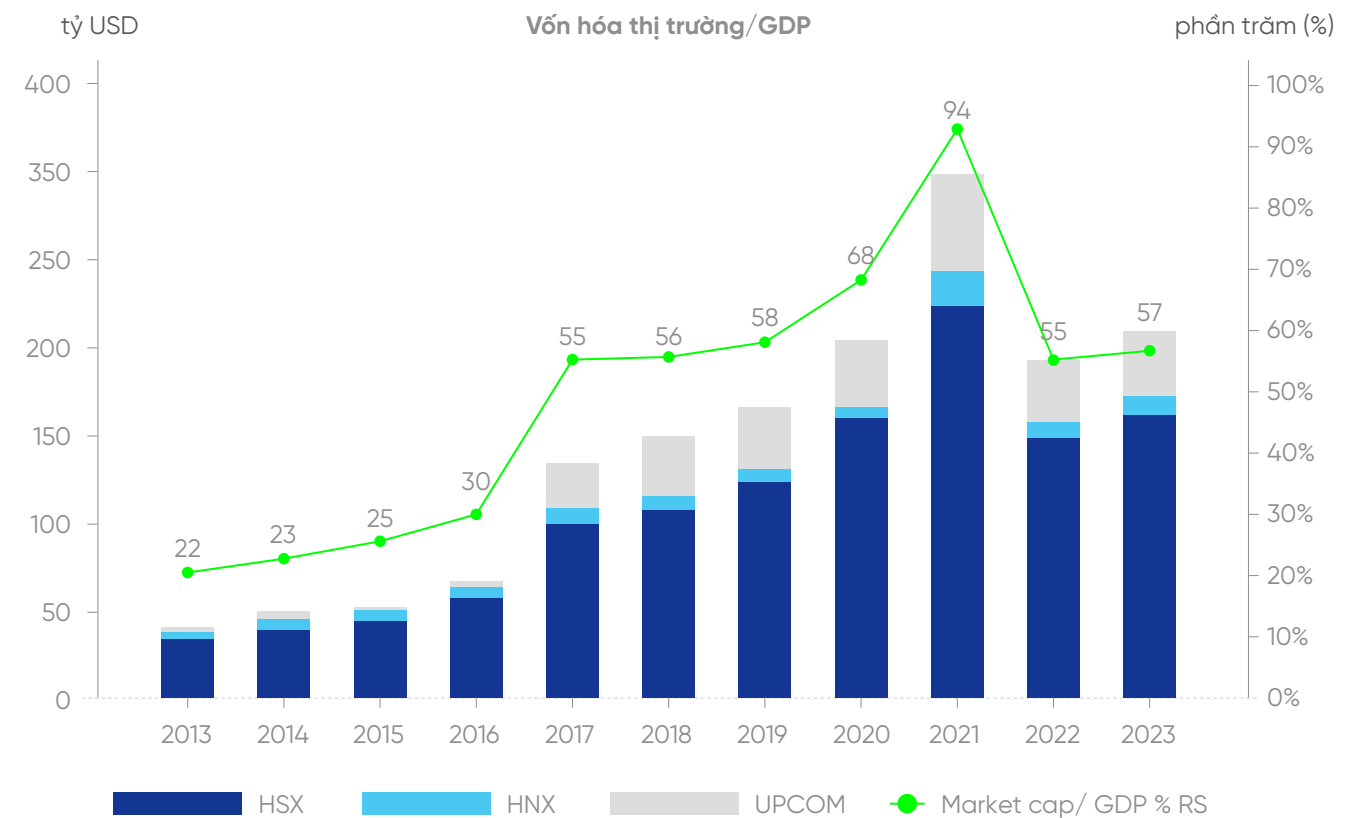
Trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam hồi phục sau khi giảm mạnh trong năm 2022 (HSX +12%, HNX +13% & UPCoM +21%). Diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam đã được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố, bao gồm chính sách cắt giảm lãi suất của NHNN, nhiều Nghị định và Thông tư nhằm tăng cường sự linh hoạt cho những người đi vay đang gặp khó khăn (chủ yếu trong lĩnh vực bất động sản) và trong việc cơ cấu lại/gia hạn nợ với các chủ nợ (ngân hàng và chủ sở hữu trái phiếu), bên cạnh kỳ vọng của thị trường về chu kỳ thắt chặt của Fed đã đạt đỉnh vào quý 4 năm 2023.

Tăng trưởng của thị trường được dẫn dắt bởi nhóm dịch vụ tài chính (không bao gồm ngân hàng và bảo hiểm), vật liệu cơ bản và công nghệ, trong khi những ngành diễn biến kém kém hơn VN-Index là bất động sản, hàng tiêu dùng và bảo hiểm.

Tính đến cuối năm 2023, tổng vốn hóa thị trường của thị trường Việt Nam đạt là 242 tỷ USD (tương đương 57% GDP năm 2023).



Nguồn: FiinPro, Vietcap tổng hợp



Nguồn: Fiinpro, Vietcap

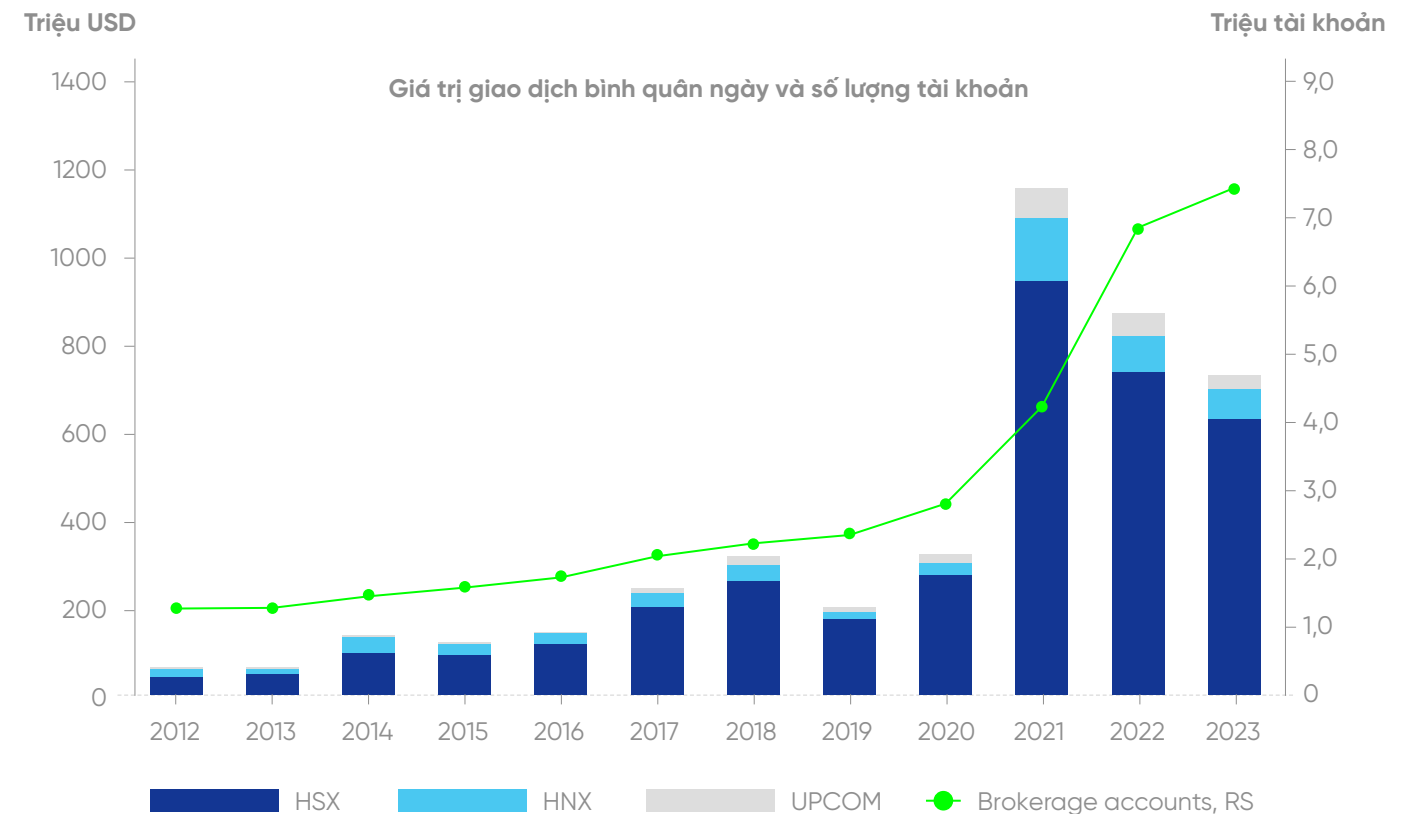
Việt Nam vẫn nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng của FTSE Russell

Theo đánh giá thường niên về phân loại thị trường mới nhất của FTSE được công bố vào tháng 9 năm 2023, Việt Nam vẫn nằm trong danh sách theo dõi có thể được nâng hạng từ “thị trường cận biên” lên “thị trường mới nổi”. Việt Nam nằm trong danh sách theo dõi của FTSE từ tháng 9 năm 2018 và hiện tại đã đáp ứng hầu hết các tiêu chí cần thiết để được nâng hạng lên thị trường mới nổi. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa đáp ứng tiêu chí “Chu kỳ thanh toán DvP” mà FTSE hiện đánh giá là “hạn chế” do nhà đầu tư phải ký quỹ đủ tiền mặt trước khi đặt lệnh.



Thanh khoản

Giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên cả ba sàn đã giảm từ 862 triệu USD năm 2022 xuống còn 725 triệu USD vào năm 2023. Trong khi đó, tổng số tài khoản giao dịch đã tăng từ 6,8 triệu lên 7,3 triệu. Tỷ lệ tổng giá trị giao dịch/vốn hóa thị trường tương đối ổn định ở mức 78% vào năm 2023 so với 76% vào năm 2022.



Nguồn: Fiinpro, Trung tâm lưu ký, Vietcap

Nhân sự

“Nâng tầm giá trị Nguồn nhân lực

“Thành công của Vietcap ngày hôm nay đến từ sự tận tâm cống hiến của toàn thể đội ngũ nhân sự Vietcap.”

Tại Vietcap, chúng tôi trân trọng và khai thác tối đa giá trị nguồn nhân lực trong mọi khía cạnh từ kiến thức, kỹ năng chuyên môn, tinh thần cầu tiến và lòng nhiệt huyết với khách hàng. Chiến lược kinh doanh của chúng tôi được ươm mầm từ sự kết nối chặt chẽ giữa chất lượng và cam kết từ đội ngũ nhân viên. Tại Vietcap, chúng tôi luôn tin rằng nguồn nhân lực vững mạnh chính là yếu tố quyết định tạo nên sự khác biệt về văn hoá và thương hiệu để chúng tôi có thể tìm kiếm, hỗ trợ, phát triển và thu hút nhân tài ở tất cả các vị trí và cấp độ, với nhiều nền tảng, kỹ năng và kinh nghiệm khác nhau.

Việc tạo ra sự đa dạng trong văn hoá và môi trường làm việc sẽ giúp Vietcap tối ưu hóa mục tiêu kinh doanh, mở rộng mạng lưới khách hàng, phát triển triển các sản phẩm và góp phần hiện thực hoá các chiến lược trọng điểm của công ty. Chúng tôi đầu tư vào nhân viên, khuyến khích và thúc đẩy văn hoá trao quyền việc tham gia tạo nên các sáng kiến mới và củng cố nền văn hóa doanh nghiệp. Chúng tôi tin rằng, hiệu suất vượt trội sẽ được kiến tạo dựa trên nền tảng của một chiến lược đúng đắn và một văn hoá tập thể năng động và gắn kết.





Vietcap

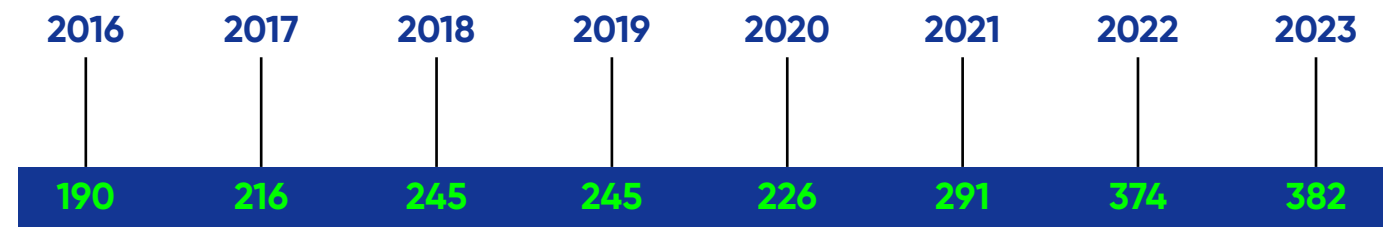
Môi trường làm việc đa dạng và hòa nhập

“

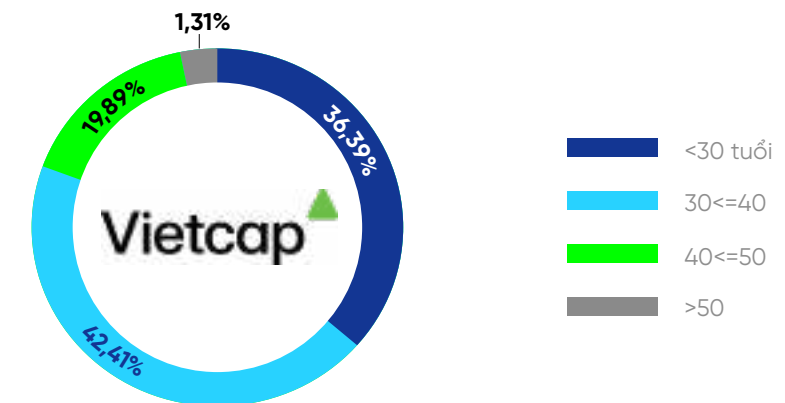
Vietcap đã và đang thu hút một đội ngũ nhân tài đến từ nhiều quốc gia và nền văn hóa khác nhau như Việt Nam, Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Canada, Na Uy... có trình độ chuyên môn khác nhau, tạo nên môi trường làm việc đa dạng và năng động.

Chúng tôi đã xây dựng một nền văn hóa nội bộ hợp tác và kết nối hiệu quả. Sự đa dạng về trình độ, tuổi tác, giới tính, tư duy, kinh nghiệm làm việc và văn hóa của đội ngũ nhân viên giúp chúng tôi đưa ra những chiến lược và định hướng đúng đắn. Một môi trường làm việc thu hút nhân tài chất lượng cao là một trong những yếu tố làm cho Vietcap trở thành một nơi làm việc hàng đầu trong lĩnh vực Ngân hàng Đầu tư.

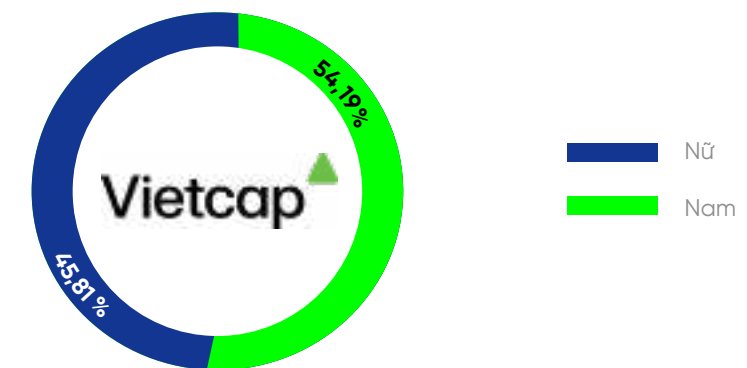
Số lượng nhân viên qua các năm



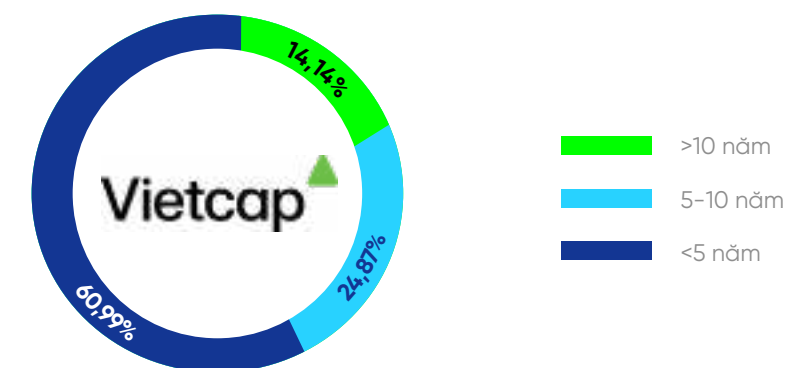
Theo độ tuổi (%)



Theo giới tính (%)



Theo số năm cống hiến (%)



Chiến lược Thu hút nguồn nhân lực

“Tuyển dụng: Chúng tôi chú trọng xây dựng và đầu tư kỹ lưỡng vào mỗi kế hoạch tuyển dụng, chọn lựa nhân sự.”

Mỗi một kế hoạch tuyển dụng đều được chúng tôi đầu tư chặt chẽ và hợp lý nhằm chọn ra những ứng viên xuất sắc, nhiệt huyết, có nền tảng kiến thức cũng như chuyên môn phù hợp, nhằm hỗ trợ thực hiện thành công các chiến lược kinh doanh của công ty. Chúng tôi cũng không ngừng tìm kiếm các giải pháp nuôi dưỡng và phát triển các nhân tài trẻ. Hàng năm, Vietcap vẫn duy trì tổ chức các buổi hội thảo định hướng nghề nghiệp và tuyển sinh tại các trường Đại học hàng đầu Việt Nam như Đại học Ngoại thương, RMIT... Các nhân tài trẻ được tạo cơ hội làm việc theo **chương trình thực tập sinh**, trải nghiệm môi trường làm việc chuyên nghiệp và chúng tôi năng lực để trở thành nhân viên chính thức. Vì vậy, sự trẻ hóa về lực lượng lao động cũng đang được định hình tại Vietcap, mang đến cho chúng tôi những luồng gió mới và ý tưởng kinh doanh mới. Đồng thời, việc mở rộng hoạt động kinh doanh đã tạo ra các cơ hội việc làm và những nhiệm vụ mới để mỗi nhân viên có thể trau dồi kinh nghiệm, bước ra khỏi vùng an toàn để

ngày một nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn. Một đội ngũ nhân sự năng động và làm việc hiệu quả chính là tiền đề cho sự phát triển bền vững của công ty.

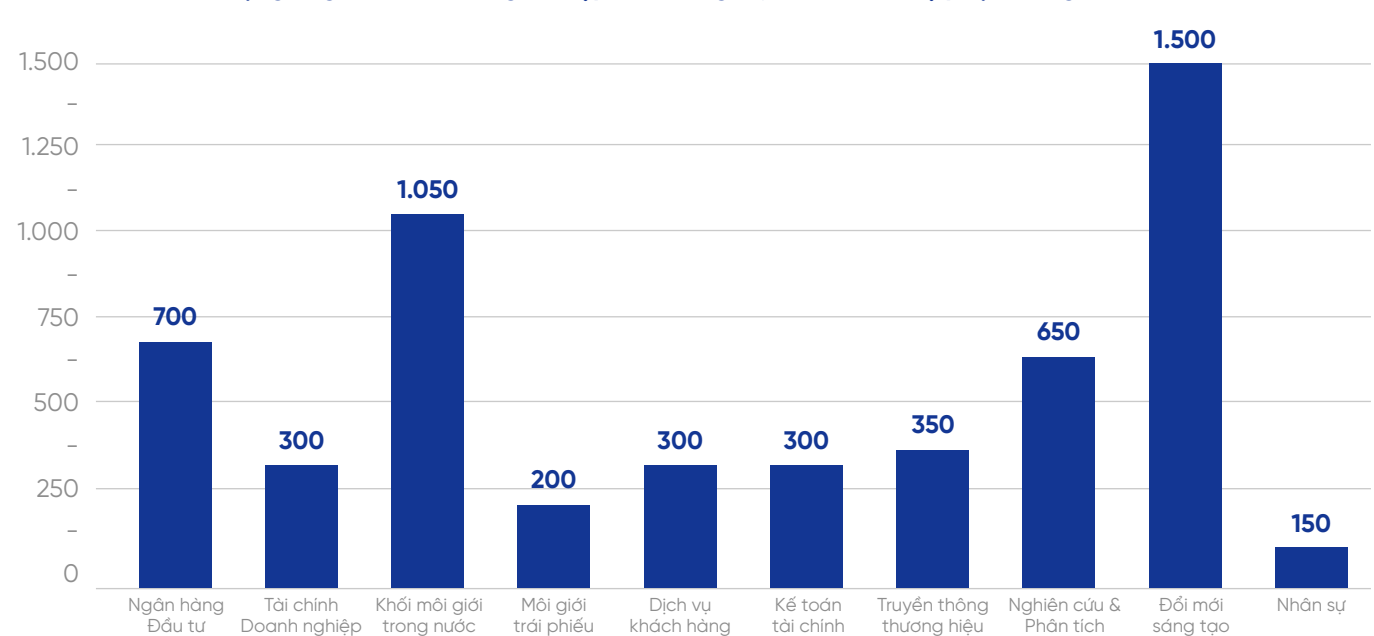
Trong năm 2023, chúng tôi đẩy mạnh thực hiện chiến lược đồng bộ hóa mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đồng thời tiên phong trong việc áp dụng công nghệ trong ngành chứng khoán. Chúng tôi nâng cấp và phát triển các sản phẩm công nghệ mới và đột phá dành cho khách hàng, đưa các thành quả nghiên cứu của Khối Công nghệ trở thành công nghệ lõi trong ngành chứng khoán. Nhận thức được tầm quan trọng của công nghệ trong việc nâng cao hiệu suất và năng lực cạnh tranh của Công ty, Ban Giám đốc chúng tôi đã và đang tạo mọi điều kiện để thu hút và giữ chân nhân tài, cam kết mang lại cho nhân viên những lợi ích xứng đáng với sự đóng góp của họ cho sự phát triển của công ty. Triết lý và định hướng trong quản trị điều hành là nền tảng để Vietcap xây dựng một văn hóa làm việc năng động, minh bạch và công bằng.

Một số trường tiêu biểu: Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế, Đại học RMIT, Đại học Ngân hàng, Đại học Bách Khoa, Đại học FPT, Đại học Công nghệ thông tin, Đại học Western Sydney, Đại học Pennsylvania...

Tổng số ứng viên tiềm năng

5.500

Số lượng ứng viên tiềm năng đã nộp hồ sơ ứng tuyển cho các bộ phận trong năm 2023



“Đào tạo, nền tảng của sự phát triển bền vững”

Phát triển năng lực các nhà lãnh đạo hiện tại và tương lai là yếu tố rất quan trọng đối với sự thành công của Vietcap, và chúng tôi hy vọng họ sẽ là nhà vô địch cho chiến lược về đào tạo nội bộ tại công ty. Chúng tôi cũng chú trọng đặc biệt đến việc cung cấp các cơ hội đào tạo và phát triển cho nhân viên sớm nhất, kể từ khi họ gia nhập đội ngũ Vietcap.

Thay vì xem ngân sách đào tạo là một khoản chi phí lớn, chúng tôi lại xem đây là một khoản đầu tư chiến lược thiết thực mang lại lợi ích lâu dài cho Vietcap. Vì vậy, chúng tôi không ngừng hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa tu nghiệp và nâng cao kỹ năng.

Khối Kinh doanh: đảm bảo nhân viên nghiệp vụ có chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời chúng tôi đẩy mạnh đào tạo nội bộ nhằm tăng cường chất lượng đội ngũ nhân viên môi giới thông qua chương trình đào tạo và các kì thi trực tuyến định kỳ 2 lần/năm về kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn.

Khối Ngân hàng đầu tư và Tài chính Doanh nghiệp: việc đạt chứng chỉ Thẩm định viên về giá do Bộ Tài chính ban hành cũng là ưu tiên hàng đầu.

Khối Nghiên cứu và Phân tích: Khuyến khích nhân viên thi lấy chứng chỉ CFA theo từng cấp độ.

Khối Công nghệ thông tin: Công việc quản trị mạng đóng vai trò quan trọng đối với hoạt động của Công ty, do đó hàng năm đội ngũ chuyên viên công nghệ thông tin đều được tham gia các khóa đào tạo quản trị mạng tại các học viện uy tín, giúp trau dồi kinh nghiệm xử lý, khắc phục nhanh khi có sự cố nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

Đào tạo nội bộ Khối Môi giới:

Chúng tôi đẩy mạnh chương trình đào tạo tổ chức định kỳ hằng tháng dành cho Khối Môi giới với mong muốn nâng cao hiệu suất công việc, tăng cường kỹ năng tư vấn và phát triển mạng lưới khách hàng, trong xu hướng phát triển của Trí tuệ nhân tạo, chúng tôi đã tích hợp các trợ lý AI trên cổng đào tạo E - Learning, giúp mỗi nhân viên Môi giới nâng cao hiệu suất công việc, tối ưu hóa năng lực bản thân.

Ngoài ra, chúng tôi cũng đang trong giai đoạn hoàn thiện bộ khung năng lực các vị trí khối Môi giới, theo lộ trình sẽ tích hợp lên cổng E - Learning, giúp mỗi nhân viên Môi giới phát hiện được những nhóm năng lực còn thiếu và học tập chủ động trên hệ thống E - Learning.

Hoạt động đánh giá chất lượng Môi giới cũng là một điểm nhấn quan trọng mà chúng tôi quan tâm trong năm 2023, với 2 kỳ đánh giá chuyên môn vào tháng 6 và tháng 12. Thông qua các kỳ đánh giá này, chúng tôi sẽ có một cái nhìn tổng quan và đúng đắn về chất lượng nhân sự của Khối Môi giới. Ngoài ra, việc nhân sự thường xuyên trau dồi về mặt chuyên môn sẽ giúp nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn đầu tư đến khách hàng và giúp khách hàng có những trải nghiệm dịch vụ chất lượng.

Ngoài các khóa đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, chúng tôi cũng tạo ra cơ chế khuyến khích và hỗ trợ các bộ phận chuyên trách khác trong việc tham gia các lớp đào tạo nâng cao kỹ năng mềm, nhằm tăng cường sự tương tác, hiệu quả công việc và triển vọng nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Các khóa đào tạo kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, Kỹ năng trình bày tạo ảnh hưởng lớn, Kỹ năng đàm phán hiệu quả, Kỹ năng chăm sóc khách hàng, Kỹ năng ghi nhớ, vv... cũng được tổ chức hàng năm, hợp tác cùng các trung tâm đào tạo có bề dày uy tín và kinh nghiệm tại Việt Nam.

Số lượng nhân viên Có chứng chỉ CFA:

20



Điểm tin chủ đề nổi bật trong năm

- Quản trị rủi ro danh mục đầu tư
- Chuỗi chương trình đầu tư an toàn cùng Vietcap
- Kỹ thuật quảng cáo Facebook Ads dành cho khối Môi giới
- Kỹ thuật quảng cáo Google Ads dành cho Khối Môi giới
- Kỹ năng tuyển dụng & đào tạo dành cho cấp quản lý
- Chương trình đào tạo hội nhập dành cho nhân viên mới
- Chương trình kiểm tra đánh giá định kỳ Môi giới tháng 6 & Tháng 12
- Chương trình “Morning call” định kỳ hằng ngày
- Thiết kế & Quản lý danh mục đầu tư
- Bull trap & Bear trap

“Thu nhập cạnh tranh, phúc lợi hấp dẫn”

Mỗi vị trí tuyển mới tại Vietcap đều được chúng tôi cân nhắc xác định mức lương khởi điểm phù hợp nhằm đảm bảo chế độ tương xứng và cạnh tranh nhất so với thị trường. Chúng tôi không ngừng xây dựng cải tiến chính sách lương, thưởng đúng đắn với những thành tựu mà cá nhân đã đóng góp vào sự phát triển của toàn công ty. Mỗi chặng đường phát triển nổi bật của nhân viên đều được chúng tôi ghi nhận thông qua việc điều chỉnh lương và thăng tiến cấp bậc hàng năm, nhờ đó khơi dậy động lực và tinh thần làm việc nhiệt tình, sáng tạo và nâng cao trách nhiệm trong mỗi cá nhân để giúp họ tối ưu hoá hiệu suất công việc.

Chúng tôi quan niệm quản lý nhân viên hiệu quả không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ nhân viên khắc phục nhược điểm mà còn phải biết cách khai phóng những tiềm

năng trong mỗi cá nhân. Điều đó đòi hỏi chúng tôi không ngừng thay đổi và cải tiến cơ chế đánh giá nhân viên để tạo nên những đánh giá mang tính xác thực và minh bạch và ghi nhận xứng đáng những đóng góp của nhân viên. Đồng thời, điều này cũng cho phép chúng tôi xây dựng nên hệ thống giải pháp nhân sự đúng đắn để nhân viên có cơ hội tự do mở rộng tư duy và nỗ lực hoàn thiện bản thân mỗi ngày. Ngoài ra, cơ hội trau dồi kỹ năng và kiến thức còn được tạo ra qua sự tương tác với đồng nghiệp, đối tác và khách hàng trong lĩnh vực chuyên trách. Văn hoá tương tác cũng chính là yếu tố được thúc đẩy mạnh mẽ trong tập thể Vietcap. Đặc biệt, Vietcap đã duy trì áp dụng chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên chủ chốt (ESOP) hàng năm nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và sự gắn bó lâu dài với Công ty.

“

Trên tiêu chí rõ ràng và minh bạch, chúng tôi nỗ lực mang đến cho nhân viên những giá trị vật chất và tinh thần mà nhân viên xứng đáng nhận được.

”

Chúng tôi cam kết đảm bảo các chính sách, quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động cũng như nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ thường niên cho toàn thể nhân viên.

Bên cạnh đó, chúng tôi còn chăm sóc sức khỏe nhân viên bằng dịch vụ y tế chất lượng cao bằng gói Bảo hiểm sức khỏe PVI (Bảo hiểm đầu khí). Mức bồi thường của PVI cho phép nhân viên được hưởng những dịch vụ và trợ cấp y tế hiện đại và cao cấp nhất trong nước cũng như ở nước ngoài. Chúng tôi luôn nỗ lực xây dựng, triển khai và điều chỉnh kịp thời chính sách lương, thưởng

và chế độ đãi ngộ để thu hút và tưởng thưởng nhân tài. Chính sách lương, thưởng của chúng tôi được xây dựng và cải tiến dựa trên những đóng góp của nhân viên trên cơ sở khảo sát lương thưởng trên thị trường lao động, đảm bảo tính công bằng, minh bạch và xứng đáng.

Thu nhập của mỗi một nhân viên tỉ lệ thuận với sự đóng góp của nhân viên vào hiệu quả kinh doanh của Vietcap. Điều đó đã khích lệ tinh thần làm việc nhiệt huyết và trách nhiệm của nhân viên để đạt hiệu quả tốt nhất trong công việc, không chỉ giúp Vietcap tăng trưởng trong giai đoạn khó khăn mà còn giúp cho Vietcap phát triển bền bỉ, mạnh mẽ hơn.

Lợi nhuận bình quân đầu người qua các năm

Năm	Lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	Số Nhân viên	Lợi nhuận/Nhân viên (VNĐ)
2017	802.977.679.615	216	3.717.489.257
2018	1.011.455.908.924	245	4.128.391.465
2019	855.007.109.256	245	3.489.824.936
2020	951.038.957.081	226	4.208.136.978
2021	1.850.585.393.088	291	6.359.399.976
2022	1.059.738.713.385	374	2.833.525.972
2023	570.138.640.134	382	1.492.509.529

Đạo đức kinh doanh, vì sự phát triển bền vững của các đối tác liên quan

Sứ mệnh của Vietcap là cung cấp cho khách hàng những dịch vụ có chất lượng cao nhất với một phong cách chuyên nghiệp và đảm bảo tính chính trực. Chúng tôi luôn phấn đấu duy trì mối quan hệ tốt nhất và hoạt động kinh doanh vì sự phát triển bền vững của các đối tác liên quan.

Tăng cường sự tin nhiệm và tin cậy

- Nâng cao sự tin nhiệm của khách hàng.
- Cung cấp cho khách hàng những dịch vụ có chất lượng tốt nhất.
- Bảo đảm các khoản đầu tư của các cổ đông và mang lại cho cổ đông lợi nhuận vượt trội và bền vững.

Trách nhiệm và cam kết tuân thủ

- Cam kết thực hiện trách nhiệm của mình một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Cam kết tuân thủ các bộ luật, quy định, chính sách và tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh.
- Cam kết tuyệt đối giữ gìn bí mật và bảo vệ thông tin của khách hàng.

Đảm bảo tính chính trực và phong cách chuyên nghiệp

- Cam kết không để xảy ra các mâu thuẫn lợi ích.
- Cam kết thực hiện những biện pháp xử lý sai phạm hợp lý (nếu có).
- Cam kết tạo dựng một môi trường làm việc lành mạnh hiệu quả.

Trách nhiệm cộng đồng

- Cam kết tuân thủ triệt để các điều luật về chống rửa tiền, tham nhũng và chống khủng bố trên toàn thế giới.
- Hoạt động và thực hiện các cam kết trên cơ sở tuân thủ các quy định và quy ước quốc tế.
- Thực hiện các hoạt động thiện nguyện cho cộng đồng.

Ngân hàng Đầu tư

Năm 2023 kết lại với nhiều biến động diễn ra trong thị trường tài chính, đặc biệt là thương vụ sáp nhập Credit Suisse vào UBS đã mang đến những tác động trực tiếp và tiêu cực đến ngành tài chính Việt Nam.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô, những diễn biến về thiên tai và hàng loạt xung đột chính trị đã tạo ra bức tranh tỷ lệ nghịch giữa sức mua đang dần suy yếu và sự căng thẳng gia tăng đang diễn ra ở khía cạnh nguồn cung các mặt hàng thiết yếu. Điều này thúc đẩy Ngân hàng Trung ương các quốc gia, dẫn đầu là Cục Dự trữ Liên bang Mỹ phải liên tục nâng lãi suất điều hành để đối phó với tình trạng lạm phát leo thang. Sự khan hiếm trong lưu lượng tiền mặt trên thị trường, triển vọng tăng trưởng kinh tế âm ảm đạm cộng thêm áp lực tiền đồng giảm giá so với đô la đã khiến cho khối ngoại liên tục rút ròng khỏi thị trường chứng khoán Việt Nam.

Năm 2023 cũng chứng kiến nhiều xáo động về nhân sự tại các cơ quan, tập đoàn và doanh nghiệp đầu ngành

để phục vụ công tác điều tra các sai phạm và thi hành án khiến tâm lý nhà đầu tư tuy về dài hạn tích cực hơn nhưng ở giai đoạn trước mắt trở nên thận trọng hơn khá nhiều. Vì vậy, hoạt động kêu gọi vốn của doanh nghiệp đối mặt với muôn vàn khó khăn. Không nằm ngoài bối cảnh chung, hoạt động tư vấn bao gồm cả IPO và mua bán sáp nhập cũng chịu những ảnh hưởng nặng nề do tâm lý phòng thủ chiếm thế chủ đạo, đồng thời chi phí thu xếp vốn cũng tăng cao cho Nhà đầu tư.

Với tôn chỉ bảo toàn vốn là quan trọng hàng đầu và không tham gia vào các hoạt động bảo lãnh phát hành có mức độ rủi ro cao, bộ phận Ngân hàng Đầu tư (IB) của Vietcap đã tránh được tổn thất về vốn thường xảy ra với các ngân hàng đầu tư đứng vai trò bảo lãnh phát hành trong các thương vụ do mình tư vấn ở giai đoạn “bảo thanh khoản” này. Tuy nhiên doanh thu tư vấn trong năm 2023 của Vietcap không tránh khỏi bị sụt giảm mạnh so với các năm trước đó, khi thị trường vắng bóng các thương vụ đình đám đi được đến hoàn tất thành công.

Nhìn vào thời gian sắp tới, rất có thể hoạt động IPO sẽ chưa có chuyển biến mạnh mẽ khi các diễn biến trên thị trường toàn cầu vẫn đang nghiêng về kịch bản khối ngoại rút vốn về các thị trường phát triển đang có mặt bằng lãi suất cao và đồng nội tệ mạnh. Tuy nhiên, tâm lý ổn định hơn với việc nhận định áp lực các ngân hàng trung ương nâng lãi suất không còn cao và định giá doanh nghiệp đã vào vùng hấp dẫn so với tương quan triển vọng phục hồi lợi nhuận trong giai đoạn kế tiếp, Vietcap tin rằng thị trường huy động vốn và hoạt động mua bán sáp nhập sẽ có chuyển biến tích cực hơn so với năm 2023.

Chúng tôi tin rằng trong năm 2024 cùng với sự phục hồi kinh tế toàn cầu khi tăng trưởng dự báo ở mức 2,9% theo báo cáo của IMF cũng như việc Mỹ và châu Âu đã có những tín hiệu tích cực trong việc kiểm chế lạm phát từ đó sẽ tạo điều kiện để từng bước cắt giảm lãi suất điều hành. Khi nền lãi suất điều hành được điều chỉnh giảm sẽ là yếu tố rất tích cực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế từ đó tạo ra nhu cầu lớn về vốn để phát triển kinh doanh.

Thương vụ tiêu biểu 2023



IDP

Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế (“IDP”) chuyển nhượng kèm phát hành mới tổng cộng 12,56% cổ phần cho quỹ Growtheum Capital Partners đến từ Singapore.



Đối với riêng Việt Nam, Vietcap đánh giá rằng sau các đợt thanh lọc thị trường vốn như xử lý các sai phạm trong phát hành trái phiếu và thanh lọc thị trường chứng khoán khi đưa ra các hình phạt mạnh tay hơn trong năm 2022 và 2023, các nhà đầu tư sẽ dần lấy lại niềm tin với thị trường trái phiếu và cổ phiếu kể từ năm 2024. Ngoài ra, nền kinh tế trong nước cũng sẽ khởi sắc chung với nền kinh tế thế giới khi nhu cầu hàng hóa của các nền kinh tế hàng đầu tăng lên.

Thị trường bất động sản trong nước cũng được dự đoán sẽ ấm dần lên kể từ năm 2024 khi hàng loạt các chính sách quyết liệt để gỡ vướng mắc từ Chính phủ đã cho thấy kết quả bước đầu rất hứa hẹn. Chúng tôi cũng đánh giá cao các chính sách về đầu tư công của Chính phủ khi đã đưa hàng loạt các dự án trọng điểm vào hoạt động trong năm 2023 và dự kiến tiếp tục có các dự án lớn hoàn thành đúng tiến độ trong năm 2024 sẽ giúp hoàn thiện đồng bộ hạ tầng, rút ngắn thời gian di chuyển, vận chuyển hàng hóa cũng như tạo động lực kết nối các

vùng kinh tế trọng điểm để từ đó thúc đẩy niềm tin ở các nhà đầu tư nước ngoài nhằm thu hút mạnh hơn nữa dòng vốn FDI.

Độ mở của nền kinh tế Việt Nam cũng ngày càng lớn khi đang là thành viên của 16 hiệp định FTA với các đối tác thương mại lớn nhất thế giới như Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, khối châu Âu, khối ASEAN và sắp tới sẽ là khối Nam Mỹ, các tiểu Vương quốc Ả rập, v.v. Từ tất cả các yếu tố trên, Vietcap tin rằng năm 2024 có nhiều cơ hội sẽ là năm khởi đầu của một chu kỳ mới cho nền kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng sau khi đã bước qua giai đoạn đen tối. Chúng tôi cũng cho rằng các ngành nghề sẽ hưởng lợi lớn trong các năm tiếp theo sẽ là các ngành nghề liên quan đến dịch vụ tài chính, giáo dục, logistics, vật liệu xây dựng cũng như tiêu dùng. Vì vậy, Vietcap đang phân bổ nguồn lực để chuẩn bị cho các thương vụ phù hợp cho giai đoạn tiếp theo.



Tài chính Doanh nghiệp

Sau 2 năm thành lập, bộ phận Tài Chính Doanh nghiệp (Corporate Finance - CF) đã từng bước củng cố vị thế của mình trên thị trường tư vấn. Điều này được minh chứng rõ nét bằng sự thành công trong việc hoàn thành nhiều dự án trọng điểm cho khách hàng. Ngoài ra, CF đã hoàn thành vai trò cung cấp các dịch vụ tư vấn giải pháp về thị trường vốn, bao gồm tư vấn phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu của TDM và tư vấn niêm yết

Upcom cho khách hàng Sabibeco. Đặc biệt, CF đang đảm nhận vai trò tư vấn độc quyền cho các thương vụ huy động vốn và mua bán sáp nhập doanh nghiệp với tổng giá trị giao dịch lên đến 10.000 tỷ đồng. Trong năm 2024, với sự kết hợp giữa các dự án hiện tại và những yếu tố vĩ mô tích cực, dự kiến hoạt động tư vấn của CF sẽ trở nên sôi nổi hơn, và dự báo sẽ mang lại nhiều kết quả khả quan.



Môi giới - Khách hàng Cá nhân và Thị phần

Thị phần môi giới của Vietcap nằm trong Top 8 trên HSX với 4,47% thị phần, giảm 15% so với năm 2022. Xu hướng suy giảm này bắt nguồn từ sự thiếu cân bằng giữa giao dịch từ khối Cá nhân trong nước và khối Nước ngoài. Cụ thể, năm 2023 giao dịch trên thị trường chủ yếu đến từ khối Cá nhân trong nước, trong khi giao dịch của khối Nước ngoài lại chứng kiến sự sụt giảm, mặc dù khối này chiếm tỷ trọng khá cao trong thị phần của Vietcap. Bên cạnh đó, mức tăng trưởng của khối môi giới trong nước vẫn không theo kịp để bù đắp cho sự thiếu hụt giá trị giao dịch của khối Nước ngoài càng làm cho sự mất cân bằng này trở nên rõ rệt hơn.

Chứng khoán cơ sở

VN-Index và các sự kiện đáng chú ý trong năm 2023

- Sau khi thắt chặt chính sách tiền tệ năm 2022 để kiểm chế lạm phát, năm 2023, Ngân hàng nhà nước bắt đầu giảm lãi suất điều hành.
- Năm 2023, sự biến động mạnh của tỷ giá và giá vàng đã tạo ra những kỷ lục mới.
- 18.08.2023 cổ phiếu của công ty Vinfest chính thức được giao dịch trên sàn Nasdaq Global Select Market (Mỹ), đánh dấu công ty Việt Nam đầu tiên niêm yết trên Thị trường Chứng khoán Mỹ.
- Ra mắt hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ (TPDNRL) - với các quyết sách kịp thời và linh hoạt (thông tư 08), thị trường TPDNRL được cho là đã “hạ cánh mềm” trong năm 2023. Theo số liệu từ Bộ Tài chính, lũy kế từ đầu năm tới ngày 25.12.2023, trên thị trường TPDNRL sơ cấp có 79 doanh nghiệp đã phát hành với khối lượng 245,9 nghìn tỷ đồng, giảm 35,6% so với cùng kỳ năm 2022.
- Vắng bóng doanh nghiệp niêm yết mới: Theo số liệu từ HOSE, trong năm 2023 sàn này chỉ niêm yết mới 4 cổ phiếu trong khi đó có 11 mã cổ phiếu bị hủy niêm yết bắt buộc với khối lượng 1,3 tỷ cổ phiếu. Sàn HNX chỉ có 4 cổ phiếu niêm yết mới trong khi hủy niêm yết tới 17 mã.
- Phát hành cổ phiếu huy động vốn giảm mạnh: Năm 2023 là năm trầm lắng của hoạt động huy động vốn sau giai đoạn bùng phát kỷ lục của năm 2021-2022. Theo số liệu đến cuối tháng 10.2023, huy động vốn thông qua chào bán cổ phiếu đạt 50.527 tỷ đồng. Năm 2022 giá trị vốn huy động qua phát hành cổ phiếu đạt 116.684 tỷ đồng, năm 2021 đạt 102.500 tỷ đồng. Ngoài ra trong năm 2023 chỉ có 3 thương vụ IPO, trong đó duy nhất 1 thương vụ thành công, tổng số lượng cổ phần đấu giá thành công đạt 120 triệu cổ phần, tương ứng với giá trị gần 2,6 nghìn tỷ đồng.
- Mạnh tay hơn với các vi phạm hành chính trên thị trường chứng khoán: Theo số liệu từ cơ quan quản lý, tính từ đầu năm tới đầu tháng 12.2023 đã ban hành 409 quyết định xử phạt với tổng số tiền phạt khoảng gần 37 tỷ đồng; một số vụ việc xử phạt áp dụng hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả như: đình chỉ giao dịch, buộc hủy bỏ thông tin hoặc cải chính thông tin, buộc từ bỏ quyền biểu quyết. Có 3 vụ việc đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự đã được cơ quan điều tra khởi tố (vụ án thao túng cổ phiếu FLC, vụ án thao túng cổ phiếu TGG và BII thuộc nhóm Louis Holding, thao túng cổ phiếu API, APS và IDJ thuộc nhóm APEC).





Diễn biến Index

Chỉ số VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so với cuối năm 2022 (1.007,09 được ghi nhận cùng kỳ vào ngày 30.12.2022).

Thanh khoản trên thị trường chứng khoán liên tục giảm cả về khối lượng và giá trị khớp lệnh với giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2022 là 20.350 tỷ /phiên thì năm 2023 giá trị giao dịch bình quân năm 2023 (3 sàn): 17.652 tỷ/phiên, sụt giảm khoảng 13,25%, trong đó nhà đầu tư cá nhân vẫn chiếm giao dịch chủ đạo trên 83%.

Số lượng tài khoản mở mới: So với năm 2022, lượng nhà đầu tư mở mới tài khoản có giảm cũng như với chính sách thắt chặt về mặt thông tin định danh, số lượng tài khoản mở tính tháng 11.2023 (ròng) đã trừ đi số tài khoản đóng: 385.700 tài khoản, tổng số tài khoản hiện có: 7.762.844

Về quy mô niêm yết và đăng ký giao dịch (ĐKGD)
Tính đến cuối tháng 11.2023 thị trường có 742 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán và 859 cổ phiếu ĐKGD trên UPCoM với tổng giá trị niêm yết, ĐKGD đạt 2.052 nghìn tỷ đồng, tăng 5,5% với cuối năm 2022 (tương đương 22% GDP).

Khối ngoại bán ròng trong năm 2023. Trong tháng 12, Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng 416 triệu USD trên cả 3 sàn – mức cao nhất kể từ tháng 5.2023. Như vậy, trong cả năm 2023, khối ngoại đã bán ròng 933,7 triệu USD trên thị trường chứng khoán Việt Nam (so với lượng mua ròng 1,2 tỷ USD vào năm 2022 và lượng bán ròng 2,7 tỷ USD vào năm 2021).

Tính chung cả năm 2023, top 10 thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có đảm bảo trên HOSE vẫn là những cái tên quen thuộc với tổng thị phần 68,92%. Trong đó, VPS vẫn bỏ xa phần còn lại với thị phần hơn 19%.

STT	Tên công ty chứng khoán	Tên viết tắt	Thị phần
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	VPS	19,06%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	10,44%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VNDS	7,01%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương	TCBS	6,32%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	HSC	5,32%
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)	MAS	5,06%
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	MBS	5,00%
8	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Viepcap	4,47%
9	Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	KIS	3,20%
10	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	FPTS	3,04%

Vietcap hiện có số lượng tài khoản chứng khoán hoạt động tăng 44,5% so với 2022, trong đó doanh thu môi giới trong nước khoảng 275 tỷ đồng (giảm mạnh so với năm 2021 là 458 tỷ đồng), doanh thu môi giới bình quân đầu người đạt gần 1,8 tỷ đồng/người, giảm so với năm 2022 do thanh khoản thị trường giảm và phí khuyến mãi áp dụng cho khách hàng cũng như số lượng nhân sự môi giới tăng lên so với năm 2022. Trong năm vừa qua, Vietcap vẫn duy trì mức doanh thu bình quân đầu người thuộc top đầu thị trường. Điều này cho thấy hiệu quả hoạt động của Khối môi giới trong nước.

Theo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), sau hơn 6 năm đi vào hoạt động, Thị trường Chứng khoán Phái sinh (TTCKPS) ghi nhận bước tăng trưởng tốt, ổn định, giao dịch sôi động & thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư tham gia. Cụ thể, quy mô thị trường và thanh khoản của sản phẩm Hợp đồng tương lai chỉ số VN30 có sự tăng trưởng mạnh mẽ với mức tăng bình quân 38,65%/năm. Tính chung trong 6 năm, tăng trưởng bình quân giao dịch hợp đồng tương lai chỉ số VN30 đạt 27,46%. Khối lượng hợp đồng mở (OI) cao nhất trong lịch sử 6 năm được ghi nhận vào ngày 30.03.2023 là 71.190 hợp đồng.

Theo Vụ trưởng Vụ phát triển thị trường, dự kiến Quý I.2024, UBCKNN sẽ tiếp tục đưa ra sản phẩm Hợp đồng tương lai VN100. Hợp đồng quyền chọn cũng sẽ tiếp tục được nghiên cứu để triển khai trong thời gian tới.

Về khối lượng giao dịch, cả năm 2023 ghi nhận 58.562.656 hợp đồng khớp lệnh, tương ứng 6.478.895 tỷ đồng. Tương đương trung bình mỗi phiên trong năm 2023, khối lượng giao dịch CKPS là 235.191 hợp đồng/phiên, tương ứng 26.019 tỷ đồng giá trị giao dịch/phiên. So với năm 2022, CKPS đạt khoảng 86% về khối lượng hợp đồng (năm 2022: 272.621 hợp đồng/phiên) và khoảng 80% về giá trị khớp lệnh (năm 2022: 32.625 tỷ đồng/phiên).

Khối ngoại giao dịch trên TTCKPS năm 2023 ghi nhận mức tăng 11% về khối lượng hợp đồng, tương đương 1.334.778 hợp đồng so với 1.203.362 hợp đồng năm 2022. Về giá trị, khối ngoại đóng góp 148.930 tỷ đồng, gần như không đổi nhiều so với mức 149.267 tỷ đồng đóng góp trong cả năm 2022. Tuy nhiên, tỷ trọng khối ngoại giao dịch trong năm 2023 chiếm 2,3%, tăng lên so với mức 1,8% tổng khớp lệnh trên TTCKPS của năm 2022. Mặc cho thấy sự khởi sắc, nhưng tỷ trọng này vẫn còn khá thấp so với các giao dịch trong nước.

Môi giới - Khách hàng Tổ chức

Bộ phận Môi giới Khách hàng tổ chức của Vietcap tự hào là đội ngũ hàng đầu trong ngành chứng khoán Việt Nam và luôn "Lấy khách hàng làm trọng tâm". Chúng tôi luôn tiếp tục cam kết cung cấp các dịch vụ tài chính chuyên nghiệp và toàn diện nhất cho khách hàng tổ chức. Đội ngũ Sales của chúng tôi luôn đặt mục tiêu cung cấp các dịch vụ gia tăng giá trị đáp ứng đúng nhu cầu của nhà đầu tư. Đội ngũ Traders đã theo sát hỗ trợ, đảm bảo thực hiện tốt nhất các giao dịch cho khách hàng và giúp mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tối ưu trong suốt quá trình giao dịch. Bên cạnh đó, để lắng nghe tốt hơn các ý kiến phản hồi của khách hàng và điều chỉnh kịp thời các dịch vụ để phục vụ khách hàng tốt hơn, đội ngũ Corporate Access đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp trực tiếp với doanh nghiệp và theo nhu cầu của khách hàng.



Trong năm 2023, chúng tôi đã tổ chức các buổi gặp gỡ khách hàng trên khắp thế giới, bao gồm Mỹ, Anh, Hồng Kông, Malaysia, Singapore, Đài Loan và Thái Lan. Hơn thế nữa, chúng tôi rất vui mừng khi là đơn vị tổ chức Hội nghị Đầu tư Quốc tế Vietnam Access Days (VAD) thường niên lần thứ 10, quy tụ hơn 350 nhà đầu tư tổ chức, 45 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam và 20 chuyên gia đến từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Hội nghị là diễn đàn để thảo luận về các xu hướng mới nhất trên thị trường, đồng thời là cơ hội để các bên chia sẻ các quan điểm đầu tư ở các góc nhìn đa chiều. VAD đã giúp chúng tôi củng cố niềm tin và sứ mệnh của mình: Biến Việt Nam thành địa điểm hấp dẫn cho các khoản đầu tư dài hạn.



Chúng tôi tự hào giới thiệu loạt webinar mới mang tên Vietcap X nhằm cung cấp cho khách hàng những kiến thức bổ ích và nhiều góc nhìn độc đáo từ các chuyên gia đầu ngành tại Việt Nam. Các chủ đề bao gồm chính trị, chính sách kinh tế, trái phiếu doanh nghiệp, hành vi người tiêu dùng và bất động sản... Với sự phản hồi tích cực từ khách hàng, chúng tôi kỳ vọng sẽ tăng tần suất của các buổi webinar Vietcap X để mang đến nhiều nội dung thông tin hơn cho khách hàng.



Năm 2023, chúng tôi đạt được 25% thị phần môi giới khách hàng nước ngoài, và duy trì vị trí dẫn đầu ngành trong 4 năm liên tiếp. Chúng tôi tự hào về thành tựu này và điều đó đã chứng minh niềm tin mà khách hàng đã dành cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ phấn đấu duy trì vị trí hàng đầu của mình.

Chúng tôi luôn mong muốn tìm kiếm những phương thức mới để nâng cao chất lượng dịch vụ, gia tăng trải nghiệm và mang lại những giá trị bền vững cho khách hàng. Do đó, chúng tôi rất tự hào khi ra mắt sản phẩm Vietcap IQ. Đây là một nền tảng số hóa toàn diện giúp khách hàng của chúng tôi có được dữ liệu và công cụ cần thiết để phân tích doanh nghiệp Việt Nam một cách tốt hơn. Vietcap IQ cho phép khách hàng đánh giá tài chính và hiệu suất của công ty cũng như truy cập vào các báo cáo của đội ngũ nghiên cứu của chúng tôi. Chúng tôi tin rằng Vietcap IQ sẽ đóng góp vào sự thành công liên tục của khách hàng.

Nghiên cứu và Phân tích

Đội ngũ chuyên viên nghiên cứu của Vietcap luôn nỗ lực cung cấp các phân tích chuyên sâu và đưa ra các khuyến nghị thiết thực, kịp thời cho các nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam.

Phòng Nghiên cứu của chúng tôi bao gồm các nhóm chuyên viên phân tích theo ngành, mỗi nhóm được dẫn dắt bởi một quản lý giàu kinh nghiệm, nhằm mang đến cho khách hàng những nhận định đa chiều và khách quan nhất về thị trường. Cơ cấu tổ chức này giúp các chuyên viên phân tích phát triển kiến thức chuyên sâu về ngành dưới sự hướng dẫn của các quản lý. Các chuyên viên phân tích sẽ trình bày các khuyến nghị tại các buổi webinar, các cuộc họp thường xuyên với khách hàng tổ chức, và các hội thảo dành cho chuyên viên môi giới khách hàng cá nhân của chúng tôi. Điều này không chỉ giúp chúng tôi truyền đạt các khuyến nghị tới khách hàng, mà còn giúp các chuyên viên phân tích hiểu rõ nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, chúng tôi cũng khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ chuyên viên phân tích được đào tạo chuyên sâu và phát triển hơn nữa, điển hình như việc tham gia chương trình CFA.



Tính đến tháng 12.2023, chúng tôi đã phân tích 79 công ty niêm yết của Việt Nam, chiếm khoảng 80% giá trị vốn hóa thị trường của VN-Index và xấp xỉ 2/3 tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam. Chúng tôi không ngừng mở rộng phạm vi theo dõi, tập trung vào các cổ phiếu có giá trị vốn hóa phù hợp và có tính thanh khoản tốt, đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam và/ hoặc có triển vọng tăng trưởng cao hoặc định giá hấp dẫn. Các cổ phiếu tích cực được cập nhật thường xuyên thông qua các báo cáo chuyên sâu. Trong năm, chúng tôi cũng đã phát hành các báo cáo về hơn 25 công ty khác có vốn hóa trung bình và nhỏ.



Nghiên cứu và khuyến nghị cho

79

công ty niêm yết của Việt Nam

Chiếm khoảng

80%

giá trị vốn hóa thị trường của VN-Index

và xấp xỉ

2/3

tổng vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam

Sản phẩm của phòng Nghiên cứu bao gồm

- Các báo cáo nhận định hàng ngày và hàng tháng về thị trường chứng khoán Việt Nam
- Báo cáo chiến lược đầu tư
- Báo cáo ngành
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Phân tích và khuyến nghị
- Báo cáo trái phiếu - tiền tệ
- Bài phân tích toàn diện nền kinh tế vĩ mô

Báo cáo của chúng tôi được xuất bản bằng cả tiếng Anh và Tiếng Việt để đáp ứng nhu cầu của cả khách hàng trong nước và quốc tế.

Bên cạnh nhiều cuộc họp với các công ty niêm yết và nhà đầu tư trong năm 2023, đội ngũ chuyên viên phân tích của chúng tôi cũng đã hỗ trợ hội nghị đầu tư 'Vietnam Access Days' của Vietcap được tổ chức vào quý 1.2023 với các bài thuyết trình chuyên sâu về các ngành và cổ phiếu nằm trong phạm vi theo dõi của chúng tôi.

Bước sang năm 2024, chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực không ngừng, mang đến cho khách hàng các kết quả nghiên cứu chuyên sâu, các khuyến nghị giá trị và các ý tưởng thực tế liên quan đến các công ty niêm yết tại Việt Nam.

Trái phiếu

Năm 2023 ghi nhận sự ấm dần lên của thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã cải thiện mạnh mẽ trong nửa cuối năm, khoảng hơn 2/3 giá trị phát hành cả năm được thực hiện trong giai đoạn này. Nghị định 08.2023 được ban hành, cho phép tổ chức phát hành giãn và hoãn nợ trái phiếu, đồng thời hoán đổi thành tài sản khác. Bên cạnh đó, sự ra đời của hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ đã giúp cải thiện đáng kể niềm tin của nhà đầu tư trong năm vừa qua.

Đặc biệt, hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ tập trung cho phép nhà đầu tư tìm hiểu thông tin một cách đầy đủ trước khi giao dịch và giúp cho quá trình giao dịch trái phiếu của nhà đầu tư trở nên thuận tiện hơn. Đây được xem là một trong những yếu tố then chốt góp phần giúp thị trường trở nên phát triển bền vững, xuyên suốt và minh bạch.

Vào tháng 10.2023, chứng khoán Vietcap đã chính thức trở thành thành viên giao dịch Trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Đây là kết quả của những nỗ lực không ngừng của chứng khoán Vietcap trong việc nâng cao năng lực tài chính, kỹ thuật, nhân sự và công nghệ nhằm cung cấp cho quý khách hàng đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính.



Trong năm 2023, Việt Nam tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng và linh hoạt, đồng thời giảm lãi suất tới 4 lần. Điều này đã tạo ra nhiều cơ hội và giải pháp tối ưu nhằm góp phần giải quyết đáng kể những thách thức trên thị trường trái phiếu và bất động sản. Trong khi đó, VN-Index đã ghi nhận một chuỗi tăng điểm đáng kể và đạt đỉnh điểm ấn tượng là 1.250 vào tháng 9.2023. Tuy nhiên, thị trường nhanh chóng điều chỉnh mạnh sau đó, do nhà đầu tư nước ngoài liên tục bán ròng và lượng trái phiếu doanh nghiệp lớn đáo hạn làm khan hiếm dòng tiền.

Nhờ bắt kịp đà tăng trưởng từ đầu năm và duy trì tốt kỷ luật quản trị danh mục trong bối cảnh thị trường biến động mạnh, Vietcap vẫn ghi nhận những con số tích cực từ lợi nhuận trước thuế trong hoạt động đầu tư thường niên, với 347 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2022 và chiếm hơn 60% lợi nhuận toàn công ty.

Năm 2024, Khối Đầu tư của Vietcap vẫn duy trì đánh giá tích cực về triển vọng dài hạn của Việt Nam. Môi trường chính trị ổn định và mức độ an toàn cao tiếp tục làm nền tảng vững chắc. Ngân hàng Nhà nước tiếp tục hạ lãi suất và duy trì mức lãi suất thấp, trong khi Chính phủ tiếp tục thúc đẩy giải ngân đầu tư công. Những yếu tố này sẽ hỗ trợ tiêu dùng và mang lại thu nhập ngày càng cải thiện cho doanh nghiệp.

Vietcap vẫn sẽ trung thành với chiến lược đầu tư vào những doanh nghiệp uy tín, có tiềm lực mạnh mẽ và ưu thế kinh doanh vượt trội, với mức giá chiết khấu hấp dẫn so với giá trị. Chúng tôi tin rằng, thông qua chiến lược đầu tư này, kết hợp với nhìn nhận thị trường một cách toàn diện, Vietcap vẫn sẽ gặt hái được nhiều thành tựu đáng kể.



An toàn thông tin

Thế giới số hóa đã và đang thay đổi cuộc sống của chúng ta theo nhiều hướng tích cực nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro về an ninh mạng. Trong những năm gần đây, số lượng các cuộc tấn công mạng được ghi nhận ở mức báo động, điều này đã khiến nhiều doanh nghiệp nâng cao cảnh giác và ngày càng nâng cao chi phí đầu tư vào các chương trình bảo vệ an ninh mạng.

Vì vậy, An toàn thông tin (ATTT) đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ dữ liệu và hệ thống. Đặc biệt trong thời đại công nghệ số phát triển mạnh mẽ như hiện nay, khi mọi hoạt động đều được thực hiện trực tuyến, dữ liệu lại càng trở thành tài sản quý giá và cần được bảo vệ cẩn thận.

Năm 2023, Việt Nam ghi nhận 13.900 vụ tấn công an ninh mạng, tăng 9,5% so với năm 2022. Cụ thể, các mục tiêu chịu nhiều cuộc tấn công nhất trong năm qua là các cơ quan chính phủ, hệ thống ngân hàng, tổ chức tài chính, hệ thống công nghiệp và các hệ thống trọng yếu khác. Đáng chú ý, trong 3 tháng cuối năm 2023 số vụ tấn công mạng tăng vượt bậc, lên tới 1.614 vụ trong 1 tháng, gấp rưỡi so với trung bình. Ngoài ra, tình trạng lộ dữ liệu cá nhân đã kéo theo hàng loạt hình thức lừa đảo trực tuyến liên tục xảy ra. Hơn 83.000 máy tính, máy chủ bị

mã độc tổng tiền tấn công, tăng 8,4% so với năm 2022. Theo Bộ Công an, tình trạng mua bán dữ liệu cá nhân cũng đang diễn ra khá nghiêm trọng và phức tạp, trong đó có 2 yếu tố chính là tội phạm đột nhập và đánh cắp dữ liệu cá nhân. Trong năm 2023, Bộ Công an đã phải cảnh báo, xử lý hàng loạt các vụ việc có liên quan đến xâm phạm cơ sở dữ liệu cá nhân. Ngoài ra, Bộ Thông tin và Truyền thông, mỗi tháng đã ghi nhận hàng nghìn cuộc tấn công mạng hướng vào Việt Nam.

Nhận thấy tầm quan trọng của Bảo mật dữ liệu, An ninh mạng và các rủi ro ảnh hưởng đến Vietcap, Phòng An toàn thông tin (IS) đã được thành lập vào cuối năm 2022 với mục tiêu và chiến lược quan trọng trong việc đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu cho toàn Vietcap và khách hàng.

Trong năm 2023 vừa qua, Phòng An toàn thông tin (Information Security - IS) đã kết hợp với các đối tác uy tín trong nước và quốc tế nhằm triển khai các dự án chuyên môn, với mục tiêu đảm bảo an toàn thông tin dữ liệu cho toàn công ty. Để đáp ứng mục tiêu đã đề ra, Phòng IS đã triển khai những giải pháp bảo mật, góp phần ngăn chặn các cuộc tấn công mạng và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin Vietcap.

Những giải pháp bảo mật nổi bật



Bổ sung các giải pháp bảo vệ hệ thống ứng dụng Internet (WAF/DDOS).



Đưa vào vận hành hệ thống đánh giá điểm yếu hạ tầng và rà soát lỗ hổng An toàn thông tin trong Phát triển ứng dụng.



Triển khai hệ thống kiểm soát chất lượng mã nguồn ứng dụng.



Triển khai tấn công kiểm thử xâm nhập hạ tầng/ ứng dụng Vietcap.



Bên cạnh việc triển khai các dự án chuyên môn, việc đào tạo nâng cao nhận thức về an toàn thông tin là một biện pháp quan trọng để phòng chống các cuộc tấn công mạng. Đây được xem là hoạt động cần thiết và cấp bách trong thời đại công nghệ số, đồng thời là giải pháp thiết yếu để bảo vệ dữ liệu, tài sản và uy tín của Công ty, góp phần xây dựng môi trường mạng an toàn và lành mạnh. Hiểu được điều này, Phòng IS cũng đã tiến hành các hoạt động:

- Đào tạo nâng cao nhận thức ATTT cho những nhân viên mới của Vietcap.
- Thiết lập kênh liên lạc ATTT chuyên biệt dành riêng cho phòng cho 02 Phòng Công nghệ thông tin (IT) và Đổi mới sáng tạo (UI).
- Ban hành bộ quy chế ATTT.
- Bổ sung quy trình kiểm soát ATTT trong phát triển tất cả phần mềm.
- Kiểm soát, ngăn chặn và phòng ngừa các sự cố liên quan đến ATTT.

Từ những mục tiêu đã hoàn thành trong năm 2023, cùng kỳ vọng nâng cao vị thế và uy tín về an toàn thông tin của Vietcap trong tương lai, Phòng IS luôn sẵn sàng hành động, ứng phó kịp thời, linh hoạt thích nghi với các tình hình thay đổi và liên tục cập nhật để đón đầu các xu hướng liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn. Chúng tôi tập trung vào việc giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường sự hài lòng của khách hàng, góp phần xây dựng an ninh mạng vững vàng, môi trường số an toàn, đáng tin cậy cho cộng đồng và khách hàng Vietcap.

Dịch vụ Khách hàng và Quản lý Sản phẩm

01

Với phương châm “Lấy khách hàng làm trọng tâm”, các công tác đánh giá và phân tích định kỳ về tình hình hoạt động chung của Phòng Dịch vụ Khách hàng và Quản lý sản phẩm (CS) thường xuyên được tiến hành để lắng nghe ý kiến của khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ mỗi ngày.

02

Hoạt động mở tài khoản diễn ra sôi nổi trong năm 2023 khi cán mốc 66.132 tài khoản chứng khoán được mở, trong đó tỷ lệ mở qua hình thức eKYC là phổ biến và được ưa chuộng nhất, với tỷ lệ 98%. Với sự hỗ trợ nhiệt Bộ phận Dịch vụ khách hàng và quản lý sản phẩm trong việc hướng dẫn và cung cấp đủ thông tin để mở thành công tài khoản, đồng thời thông qua việc rà soát kỹ lưỡng và bổ sung kịp thời các tài khoản thiếu thông tin, có sự sai sót hoặc trùng lặp về mặt thông tin đăng nhập, việc kiểm soát chất lượng tài khoản mới cũng được đảm bảo đáng kể.

03

Hoạt động cho vay margin trong năm 2023 cũng được chú trọng cải thiện về mặt quy trình nhắc nợ, đảm bảo sự tuân thủ trong việc bán giải chấp và thúc đẩy tiến độ trong việc bán bắt buộc để thu hồi vốn. Kết quả năm 2023 không có tài khoản nào phát sinh nợ xấu. Dư Nợ margin trung bình khoảng 6.500 – 7.000 tỷ đồng.

04

Tỷ lệ an toàn của hoạt động chứng khoán phái sinh cũng được duy trì ở mức tích cực, không có các cảnh báo từ VSD và xảy ra các thiệt hại tài chính nào.

05

Năm 2023 ghi nhận sự cải thiện đáng kể trong hoạt động giao dịch trái phiếu riêng lẻ. Với phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận Dịch vụ khách hàng và quản lý sản phẩm và Phòng Trái phiếu, việc thực hiện các hợp đồng mua bán trái phiếu qua hệ thống giao dịch từ xa HNX được tiến hành nhanh chóng. Bên cạnh đó, việc theo dõi thực hiện các hợp đồng của khách hàng, theo dõi doanh thu chi phí, hoa hồng cho môi giới cũng được thực hiện một cách đầy đủ và cẩn thận, không để xảy ra sai sót nào.

06

Nâng cao chất lượng và tiến độ trong công tác xác nhận kết quả sau giao dịch cho các khách hàng tổ chức nước ngoài, chặt chẽ hỗ trợ các vấn đề liên quan mở tài khoản, thanh toán, tư vấn quy trình ... cho Phòng Môi giới Khách hàng tổ chức (IST) cũng được xem là một trong những điểm sáng của năm 2023.

07

Các hoạt động liên quan lưu ký trong năm cũng được thực hiện theo đúng quy trình, nhanh chóng, an toàn và góp phần củng cố sự hài lòng cho khách hàng.

08

Công tác phát triển các sản phẩm mới phục vụ cho kinh doanh, tham gia vào quy trình kiểm tra (test) hệ thống KRX và gửi báo cáo đầy đủ cho các sở cũng được tiến hành nhịp nhàng dưới sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ phận Dịch vụ khách hàng và quản lý sản phẩm và bộ phận Công nghệ thông tin/ Đổi mới sáng tạo.

09

Các báo cáo quản trị về tình hình vay Nợ, Doanh số và cập nhật thường xuyên về tình hình hoạt động cho các phòng ban, Ban Giám đốc và các sở liên quan cũng được thực hiện nhanh chóng, với tiến độ và chất lượng được đảm bảo bởi bộ phận Dịch vụ khách hàng và quản lý sản phẩm.

Công nghệ thông tin (IT) & Đổi mới sáng tạo (UI)

Để đón đầu các cơ hội mới và duy trì vị thế tiên phong trong bối cảnh thị trường đang diễn ra những thay đổi không ngừng, Vietcap luôn ưu tiên đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin nhằm chủ động trong việc đổi mới sáng tạo, đáp ứng xu hướng tự động hóa và chuyển đổi số, đồng thời đưa trí tuệ nhân tạo vào các sản phẩm tài chính nổi bật để phục vụ tốt hơn nhu cầu của thị trường. Theo đó, Khối công nghệ Vietcap bao gồm Công nghệ thông tin (CNTT) và phòng Đổi mới sáng tạo (UI) là đầu tàu cho hoạt động chuyển đổi số của Vietcap.

Trong đó, nổi bật nhất là dự án KRX. Đây được xem là dự án nổi bật nhất thị trường chứng khoán Việt Nam - Kế thừa hệ thống giao dịch từ Hàn Quốc. Với dự án này, chúng tôi đã kết hợp với các đối tác uy tín trong nước và quốc tế để triển khai thành công việc nâng cấp toàn diện hệ thống công nghệ lõi nhằm phục vụ cho các hoạt động giao dịch, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng đưa vào vận hành hệ thống lõi mới KRX, dự kiến chính thức được triển khai trong năm 2024. Bên cạnh đó, chúng tôi luôn chủ động tiên phong trong công tác cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển nhiều tiện ích tự động hoá các quy trình nghiệp vụ hiện có, giúp nâng cao hiệu suất hoạt động, đảm bảo tính chính xác và hiệu quả trong quá trình vận hành.

- Nộp/rút tiền tự động và nhanh chóng qua tài khoản định danh hoặc mã QR, tin nhắn SMS.
- Kết nối thông suốt hệ thống của Công ty với các hệ thống, cổng kết nối tài chính Bloomberg, Reuters, NYFIX, FlexTrade...



Triển khai và tự chủ các dự án công nghệ nổi bật và đáp ứng kịp thời nhu cầu của Nhà đầu tư:

- Ứng dụng Vietcap trên thiết bị di động (iOS và android) với thiết kế hiện đại, tập trung vào trải nghiệm người dùng và đáp ứng đầy đủ các tính năng dành cho khách hàng.
- Dự án Vietcap IQ: tập trung hướng đến từng đối tượng Nhà đầu tư với những báo cáo phân tích chuyên sâu, đầy đủ các chỉ số tài chính, công cụ phân tích và đặc biệt là bộ lọc hiện đại và linh động nhất hiện nay
- AI News: ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong việc đánh giá nội dung các bản tin nóng nhất trên thị trường và những cổ phiếu Nhà đầu tư quan tâm.
- Hệ thống mở tài khoản online eKYC tự động: Nhà đầu tư chỉ mất từ 3 - 5 phút trên nền tảng công nghệ số bảo mật tối ưu và có ngay tài khoản chứng khoán để giao dịch.
- Nền tảng giao dịch trái phiếu trực tuyến: tự động hoá hoàn toàn quy trình giao dịch trái phiếu, kết nối sàn HNX/VSD và VCB để thực hiện giao dịch 1 cách tự động.
- Bảng giá chứng khoán hiện đại và nhanh nhất hiện nay với những tùy chọn do người dùng tự thiết lập. Nhà đầu tư có thể quan sát diễn biến toàn thị trường qua bản đồ nhiệt hoặc các biểu đồ biến động toàn cảnh của thị trường.

Vietcap IQ

Phân tích và đánh giá thị trường

Chuyên sâu - Đa chiều

Trải nghiệm ngay





Tiên phong công nghệ, đón đầu sự bùng nổ của thị trường chứng khoán Việt nam

Với việc đầu tư mạnh vào đội ngũ nhân sự, đồng thời công nghệ hiện đại làm nền tảng nòng cốt, cũng như đẩy mạnh việc số hóa và từng bước triển khai các dự án trên điện toán đám mây, Khối công nghệ Vietcap đã xác lập định hướng chiến lược tập trung vào việc phát triển các sản phẩm công nghệ số (digital products) đột phá, mang lại giá trị gia tăng cho người sử dụng là khách hàng, đối tác của Công ty cùng đội ngũ môi giới, và các phòng ban nghiệp vụ khác trong Công ty.

Song song với việc củng cố các hệ thống công nghệ “truyền thống” mang tính nền tảng, Công ty đã và đang đẩy mạnh đầu tư xây dựng đội ngũ phát triển các sản phẩm mới trên nền tảng các công nghệ tiên tiến: Dữ liệu lớn (Big Data) và Trí tuệ nhân tạo (AI – Artificial Intelligence).

Nhờ vào các sáng kiến và hoạt động chiến lược trong việc gia tăng trải nghiệm số hóa cho khách hàng và đối tác, trong năm 2023 Vietcap chứng kiến sự bùng nổ về

số lượng tài khoản mở mới, với số lượng Nhà đầu tư mở mới tăng hơn 40% và chiếm gần 20% số lượng tài khoản mở mới toàn thị trường.

Việc định hướng chủ động phát triển các sản phẩm mới : Trading T0, Bán chứng khoán chờ về, Pre-funding... để đáp ứng theo tiêu chí phát triển của thị trường chứng khoán đã được nêu rõ trong Đề án Cơ cấu lại Thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm 2020-2025 và kế hoạch Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam trước năm 2025.

Các yếu tố trên góp phần vào kỳ vọng quy mô thị trường sẽ bùng nổ trong thời gian tới. Đây là cơ sở xác lập mục tiêu trọng yếu của Khối Công nghệ Vietcap trong năm 2024, củng cố các nền tảng công nghệ, từng bước phục vụ cho việc giao dịch trực tuyến nhanh chóng và ổn định trên quy mô lớn, đồng thời thiết lập nền tảng sẵn sàng đón đầu sự bùng nổ của thị trường chứng khoán trong các năm tiếp theo.

Trải nghiệm người dùng - mục tiêu tiên phong

Bên cạnh tập trung phát triển đầy đủ các tính năng với giao diện hiện đại, việc nâng cao trải nghiệm cho khách hàng luôn là mục tiêu tối thượng để mang đến sự thỏa mãn nhất quán khi Nhà đầu tư sử dụng các ứng dụng trong hệ sinh thái Vietcap:

- **Với khách hàng cá nhân:** Các sản phẩm số được phát triển hướng đến mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi và giúp cho việc đầu tư chứng khoán trở nên dễ tiếp cận hơn với số đông thông qua việc xây dựng các giải pháp đồng hành với khách hàng trong suốt các giai đoạn giao dịch khác nhau: từ lúc nhà đầu tư chưa có tài khoản đến khi mở tài khoản mới một cách nhanh chóng và cung cấp đầy đủ các thông tin, tiện ích để giúp khách hàng bắt đầu làm quen với việc đầu tư chứng khoán, tiến tới lộ trình phát triển thành nhà đầu tư chuyên nghiệp có kinh nghiệm.
- **Với khách hàng là nhà đầu tư tổ chức:** Chúng tôi luôn cung cấp các sản phẩm tối ưu để Nhà đầu tư có thể chủ động kết nối giao dịch trực tiếp từ các platform hiện có của mình, cũng như cung cấp các thông tin, báo cáo phân tích chuyên sâu.
- **Với Môi giới và phòng ban nghiệp vụ trong Công ty:** Các sản phẩm được phát triển hướng tới cung cấp tiện ích tự động hoá, và tập trung hoá để nâng cao năng lực vận hành và phục vụ khách hàng, qua đó tạo ra nhiều giá trị gia tăng khách hàng, đảm bảo hiệu quả hoạt động lợi thế cạnh tranh của Công ty.

Bước chân vững mạnh



Vị thế Tài chính

Thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác

Công ty thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước theo quy định hiện hành.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2021	31.12.2022	31.12.2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	99.507	21.280	7.571
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	54.190	22.744	20.545
Thuế thu nhập cá nhân	3.934	1.711	2.368
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	0	331	135
TỔNG	157.630	46.067	30.619

Nguồn: Báo cáo tài chính

Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	01.01.2023	Phát Sinh	Đã Tháo Toán	31.12.2023
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	21.280	64.320	78.029	7.571
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	22.744	278.136	280.335	20.545
Thuế thu nhập cá nhân	1.711	66.113	65.456	2.368
Thuế giá trị gia tăng (GTGT)	331	778	974	135
TỔNG	46.067	409.347	424.794	30.619

Nguồn: Báo cáo tài chính

Nghĩa vụ nợ vay

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn, đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước vay. Công ty không có nợ quá hạn.

Công ty không có nợ quá hạn trên một năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư nợ ngắn hạn và dài hạn như sau:

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2021	31.12.2022	31.12.2023
Nợ vay ngắn hạn	8.326.750	6.873.307	9.099.275
Vay ngắn hạn	6.362.680	6.326.207	8.979.275
Trái phiếu công ty ngắn hạn	1.964.070	547.100	120.000
Nợ vay dài hạn	0	0	0
TỔNG	8.326.750	6.873.307	9.099.275

Nguồn: Báo cáo tài chính

Các khoản nợ

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2021	31.12.2022	31.12.2023
Nợ ngắn hạn	9.615.482	7.487.465	9.465.772
Nợ dài hạn	478.920	259.818	418.133
TỔNG	10.094.402	7.747.283	9.883.905

Nguồn: Báo cáo tài chính

Các khoản phải thu ngắn hạn

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2021	31.12.2022	31.12.2023
Khoản phải thu	236.147	91.374	848.568
Phí dịch vụ phải thu	30.823	28.334	31.213
Khác	0	0	0
Thanh toán trước	20.165	2.306	227931
Dự phòng phải thu	(1.928)	(1.928)	(13.220)
TỔNG	285.206	120.085	1.094.491

Nguồn: Báo cáo tài chính

Các khoản phải trả

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2021	31.12.2022	31.12.2023
Các khoản phải trả ngắn hạn	1.288.732	614.158	366.497
Các khoản phải trả dài hạn	478.920	259818	418.133
TỔNG	1.767.652	873.976	784.630

Nguồn: Báo cáo tài chính

Chỉ số an toàn tài chính

Theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 15.8.2017, công ty chứng khoán phải duy trì tỉ lệ an toàn vốn (CAR) tối thiểu 180%. Vietcap luôn duy trì tốt trên mức yêu cầu, đảm bảo an toàn tài chính của Công ty.

ĐƠN VỊ: TRIỆU ĐỒNG	31.12.2021	31.12.2022	31.12.2023
Rủi ro thị trường	1.137.173	1.021.198	1.237.473
Rủi ro thanh khoản	59971	143.473	69.773
Rủi ro hoạt động	377.637	375.907	290.848
Tổng rủi ro	1.574.780	1.540.578	1.598.094
Vốn khả dụng	6.305.155	6.388.319	6.941.160
Tỷ lệ an toàn vốn	400%	415%	434%

Nguồn: Báo cáo tài chính

Một số chỉ số tài chính

1. Thanh khoản:

Hệ số thanh khoản hiện hành của Vietcap được duy trì ở mức lành mạnh ở mức 1,8x lần vào năm 2023, cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ ngắn hạn tốt.

2. Cơ cấu vốn:

Vietcap duy trì cơ cấu vốn lành mạnh với tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu thấp so với giới hạn quy định 500% áp dụng cho các công ty chứng khoán.

3. Khả năng sinh lời:

Biên lợi nhuận ròng thu hẹp trong bối cảnh ngành gặp nhiều thách thức vào năm 2023, từ đó ảnh hưởng đến ROE và ROA năm 2023

MỤC	Đơn vị	2021	2022	2023
Tỷ số thanh khoản				
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	1,72	1,89	1,81
Cơ cấu vốn				
Tổng nợ/Tổng tài sản	%	60,7%	54,4%	57,3%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	%	127,3%	105,8%	123,4%
Nợ ròng/Vốn chủ sở hữu	%	110,0%	53,1%	112,8%
Tỷ lệ vòng quay tổng tài sản	%	29,8%	20,7%	15,9%
Tỷ suất sinh lời				
Biên lợi nhuận trước thuế	%	49,6%	33,2%	22,8%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	%	40,2%	27,2%	19,7%
ROE	%	27,1%	13,3%	7,1%
ROA	%	12,0%	5,6%	3,1%
EPS pha loãng đã điều chỉnh	VND	3.470	2.000	1.127
BVPS	VND	15.112	14.915	16.849

Nguồn: Vietcap

Quản trị rủi ro

“

Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của công ty, cân bằng giữa nguy cơ và cơ hội, tạo ra một khuôn khổ giúp định hướng và giúp gia tăng tính hiệu quả của quyết định.

”



Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp. Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và cam kết của Ban Điều hành.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn Công ty, mỗi Trưởng phòng, nhân viên đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty. Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Công ty triển khai các hoạt động giám sát tuân thủ và quản trị rủi ro theo nội dung hướng dẫn tại Quyết định 105/QĐ-UBCK ngày 26.02.2013 của Ủy ban Chứng khoán về thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho Công ty Chứng khoán. Công ty đã hoàn thiện chính sách và hệ quy trình quản trị rủi ro dựa trên tiêu chuẩn ISO 31000 được vận hành đồng bộ với các chiến lược của Công ty.



HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA CÔNG TY ĐẢM BẢO:

- Sự giám sát của Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội đồng Quản trị thông qua.
- Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ.
- Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng Giám đốc.
- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.

Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.

Công ty thực hiện công tác quản trị rủi ro một cách độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất và được thể hiện bằng văn bản. Các bộ phận tác nghiệp và

bộ phận quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau, người phụ trách bộ phận tác nghiệp không đồng thời phụ trách bộ phận quản trị rủi ro và ngược lại.

Hướng dẫn nội bộ được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình quản trị rủi ro liên quan. Công ty thường xuyên rà soát và cập nhật lại các hướng dẫn nội bộ này.

Môi trường kiểm soát của công ty

Môi trường kiểm soát nội bộ của Công ty bao gồm hệ thống các chuẩn mực, quy trình, tổ chức làm nền tảng cho việc thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong toàn Công ty. Môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến toàn bộ nhận thức về hoạt động kiểm soát của đội ngũ nhân viên Công ty nên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn nêu cao các giá trị đạo đức cũng như làm gương cho toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty.

Mục tiêu và các thủ tục, quy trình được thực hiện trong việc thiết lập môi trường kiểm soát nội bộ hiệu quả của Công ty bao gồm:

Bảo đảm tính trung thực, các giá trị đạo đức và hành vi trong toàn bộ Công ty:

- Công ty xây dựng các chuẩn mực và quy tắc ứng xử cho nhân viên.
- Toàn bộ Ban Tổng Giám đốc và nhân viên cũng như đối tác đều được đánh giá theo các chuẩn mực đạo đức.
- Nhân viên mới được tham gia khóa đào tạo định hướng bắt buộc về các quy định, chuẩn mực, ứng xử trong Công ty với các chế tài thích hợp đối với các trường hợp vi phạm các chuẩn mực đạo đức.

Đảm bảo tính độc lập và mức độ tham gia của Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc:

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm quản trị, và giám sát của Hội đồng Quản trị.
- Thiết lập các chính sách và quyết định liên quan đến các cuộc họp giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Thiết lập kênh trao đổi thông tin mở và hiệu quả giữa Hội đồng Quản trị, Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập nhằm báo cáo các hoạt động của Công ty kịp thời.

Đảm bảo cơ cấu tổ chức, phân công, phân nhiệm và ủy quyền thích hợp:

- Xác định rõ cơ cấu tổ chức, vai trò, trách nhiệm, kênh báo cáo và đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu tổ chức.
- Xác định thẩm quyền tương ứng với từng cấp quản trị và điều hành.
- Xây dựng và duy trì Bản mô tả Công việc cũng như đảm bảo các hợp đồng lao động được ký kết một cách phù hợp.
- Xác định rõ vai trò của Kiểm toán Nội bộ.

Cam kết trong việc thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực:

- Thiết lập các yêu cầu về năng lực, kiến thức và kỹ năng đối với toàn bộ nhân viên. Xây dựng quy trình đánh giá năng lực và hành vi.
- Gắn kết các chuẩn mực, yêu cầu và đánh giá về Năng lực và Kiến thức với các chính sách và các quyết định tuyển dụng, đào tạo và duy trì đội ngũ nhân sự.
- Xây dựng kế hoạch dự phòng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.



Phân công, phân nhiệm và ủy quyền

Cơ cấu tổ chức của công ty là kiểm soát tập trung với cơ chế quản lý theo chiều dọc từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc Phụ trách, Trưởng/Phó phòng.

Tổng Giám đốc Điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo sự phân công và mức phê duyệt đã được duyệt và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng Quản trị. Các Giám đốc, Trưởng/Phó phòng trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

Đối với công tác phân nhiệm, Công ty thực hiện theo cơ chế từ trên xuống. Tại Hội sở và Chi nhánh, Trưởng phòng phụ trách sẽ phân công trách nhiệm cho Phó phòng/ban và từng nhân viên. Các nhân viên sẽ được hướng dẫn bởi các nhân viên cao cấp hoặc Trưởng phòng/ban để nắm rõ quy trình thực hiện, trách nhiệm của mình và luôn đảm bảo có sự đối chiếu, kiểm tra chéo trong cùng một hoặc nhiều bộ phận.

Định hướng hoạt động quản trị rủi ro năm 2024

Về tổng thể, nền kinh tế toàn cầu năm 2023 vẫn bấp bênh trong bối cảnh chịu tác động kéo dài của các biến động thị trường, chính trị và xã hội như đại dịch COVID-19, xung đột giữa Nga - Ukraine và chính sách thắt chặt tiền tệ của các nước phát triển nhằm kiềm chế lạm phát; xu hướng thu hẹp tiêu dùng và sụt giảm lượng đơn hàng xuất khẩu; những vấn đề về cơ cấu kinh tế và sự suy giảm mạnh thị trường bất động sản. Trong bối cảnh chung của nền kinh tế thế giới, tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2023 lại có những điểm sáng, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo, nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực đạt được mục tiêu đề ra. Nhìn riêng về thị trường chứng khoán, sau đợt sụt giảm mạnh trong năm 2022, thị trường chứng khoán năm 2023 chứng kiến mức độ phân hóa rất cao, không chỉ đối với các nhóm cổ phiếu theo ngành nghề mà còn theo quy mô vốn hóa. Chỉ số VN Index biến động biên độ hẹp hơn trong năm 2023 so với năm 2022 và kết thúc năm tăng khoảng 10% so với đầu năm. Hoạt động quản trị rủi ro năm 2023 ít áp lực hơn với những biến động của rủi ro thị trường, những hoạt động quản lý rủi ro luôn được thực hiện thông suốt, khởi nguồn từ xây dựng chiến lược kinh doanh, qua đó nhận diện rủi ro tồn tại, đo lường và đánh giá rủi ro để ra hạn mức rủi ro cho từng hoạt động kinh doanh, từng bộ phận nghiệp vụ. Bộ phận quản trị rủi ro luôn theo sát và giám sát các rủi ro trong hoạt động hàng ngày nhằm phát hiện kịp thời xử lý rủi ro ngay khi có những tiềm ẩn rủi ro ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp nối định hướng trong năm qua, năm 2024, bộ phận quản trị rủi ro Công ty tiếp tục rà soát, cập nhật hoặc xây dựng bổ sung các chính sách, quy trình mới phù hợp với quy định của Luật Pháp, chính sách Công ty trong từng thời kỳ. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, giám sát tuân thủ và phòng ngừa rủi ro đối với hoạt động của các bộ phận quản lý và kinh doanh chủ yếu của Công ty, trong đó tăng cường kiểm soát những hoạt động có rủi ro cao. Hoạt động quản trị rủi ro năm nay cũng chú trọng cập nhật kiến thức pháp luật cho nhân viên các khối phòng ban nhằm nâng cao kiến thức pháp lý, chính sách, quy trình của Công ty, nâng cao yêu cầu tuân thủ và năng lực kiểm soát và quản trị rủi ro ở cấp nghiệp vụ, đánh giá tác động và triển khai áp dụng các văn bản pháp luật mới, song song cũng rà soát, đối chiếu các nghiệp vụ, hoạt động tại Công ty phù hợp với quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật.



Bước chân Thủ lĩnh





Đạo đức nghề nghiệp

Vững vàng với tâm thế **“Người dẫn đầu”** và tinh thần khởi nghiệp không ngừng tìm tòi, đổi mới, trên suốt chặng đường **16 hình thành và phát triển của Vietcap**, chúng tôi hiểu rằng, điều cần có của một doanh nghiệp phát triển bền vững không chỉ là những sản phẩm dịch vụ chất lượng ưu việt, phong thái chuyên nghiệp tận tâm mà còn là trách nhiệm của doanh nghiệp đối với từng khách hàng, đối tác, cộng sự, cổ đông và cộng đồng. Chúng tôi luôn xem đây là yếu tố then chốt và là trọng tâm trong việc xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp bền vững.



VỚI KHÁCH HÀNG

- Cung cấp dịch vụ chất lượng hàng đầu.
- Nâng cao uy tín và trách nhiệm.
- Cam kết thực hiện trách nhiệm một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Cam kết tuyệt đối bảo mật thông tin khách hàng.



VỚI ĐỐI TÁC & CỘNG SỰ

- Đảm bảo tính chính trực và phong cách chuyên nghiệp.
- Cam kết không để xảy ra các mâu thuẫn lợi ích.
- Cam kết thực hiện những biện pháp xử lý sai phạm hợp lý (nếu có).



VỚI CỔ ĐÔNG

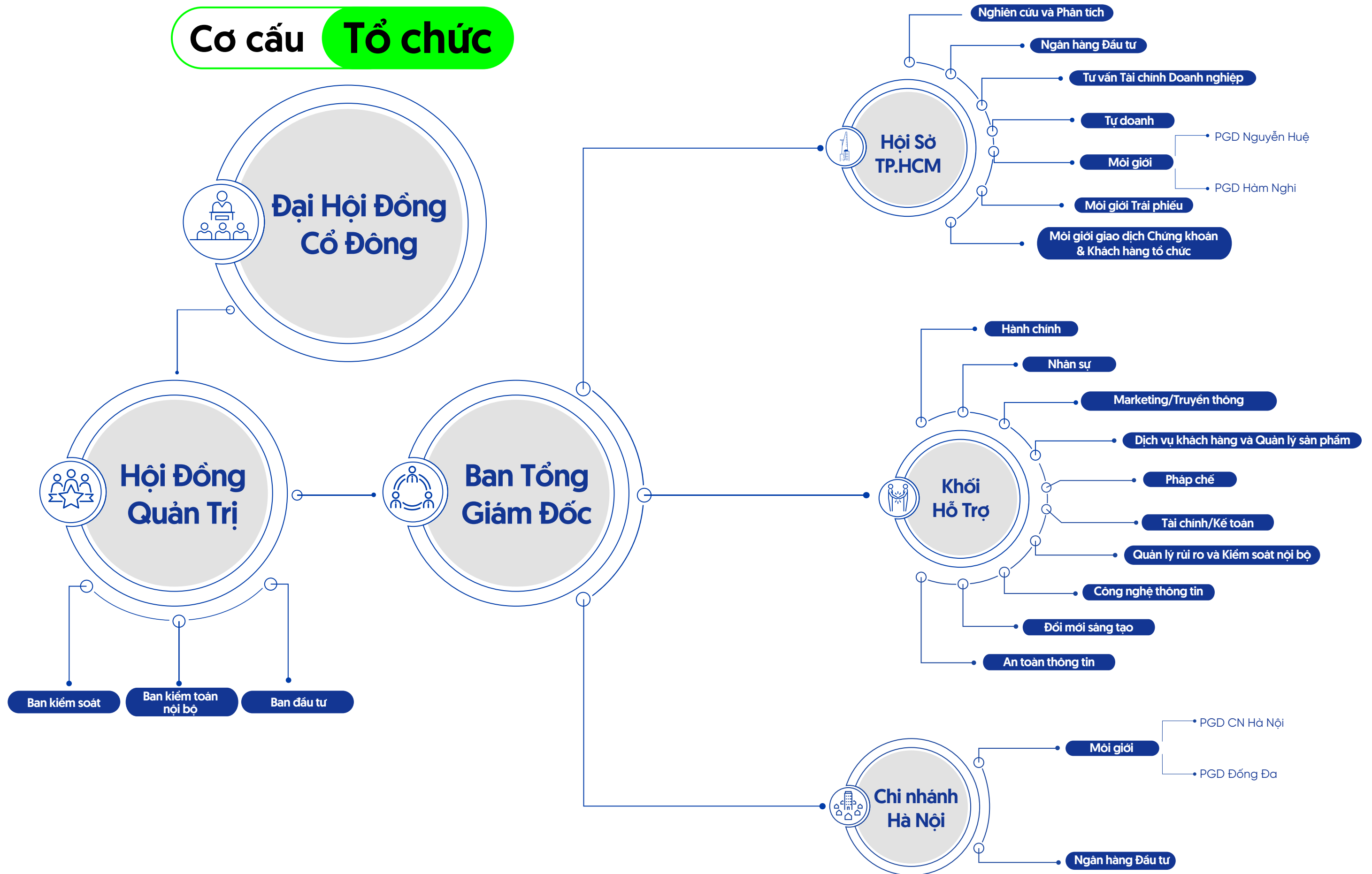
- Cam kết tuân thủ các bộ luật, quy định, chính sách và tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh.
- Bảo đảm các khoản đầu tư của cổ đông và mang lại cho cổ đông lợi nhuận vượt trội, bền vững.



VỚI CỘNG ĐỒNG

- Cam kết tuân thủ triệt để các điều luật về chống rửa tiền, tham nhũng và chống khủng bố trên toàn thế giới.
- Cam kết hoạt động trên cơ sở tuân thủ các quy định và quy ước quốc tế.
- Tích cực thực hiện các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

Cơ cấu Tổ chức



Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị



Bà NGUYỄN THANH PHƯỢNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Phượng là thành viên sáng lập kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) và Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt (VCAM), với hơn 17 năm hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ và ngân hàng đầu tư. Bà còn đảm nhiệm vai trò là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVBank) hơn 10 năm qua. Đồng thời, bà cũng là thành viên sáng lập của Phoenix Holdings, công ty chuyên đầu tư vào công nghệ tài chính, ngân hàng số, bất động sản, bán lẻ, F&B và thể thao. Với danh mục đầu tư đa dạng, bà Phượng chịu trách nhiệm chính về việc xây dựng tầm nhìn, định hướng chiến lược kinh doanh, mô hình quản trị; đồng thời hỗ trợ Ban Điều hành của các định chế tài chính và công ty nhằm mục tiêu trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu tại Việt Nam. Trước đó, bà từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim Việt Nam thuộc Tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ và Giám đốc Đầu tư của Công ty Quản lý Quỹ Vietnam Holdings Asset Management.

Ngoài những hoạt động đầu tư và kinh doanh, bà còn đam mê và nỗ lực để phát triển bộ môn bóng rổ tại Việt Nam. Bà là thành viên sáng lập và hiện đang là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bóng rổ Việt Nam (VBA) – công ty tổ chức các giải bóng rổ chuyên nghiệp tại Việt Nam. Bà đang giữ vai trò Chủ tịch tại Việt Nam của Tổ chức Live to Love International – tổ chức thiện nguyện quốc tế triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển giáo dục, dịch vụ y tế và cải thiện môi trường sống tại các địa phương khó khăn. Bà còn là Thành viên Ban cố vấn của Quỹ Phẫu thuật Nụ Cười (Operation Smile Vietnam). Bà Phượng tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học Quốc tế tại Geneva – Thụy Sĩ.



Ông TÔ HẢI
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Hải được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc năm 2007, kể từ khi thành lập Công ty. Ông Hải có kiến thức chuyên sâu và vững chắc trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, am hiểu về thị trường chứng khoán Việt Nam. Sau nhiều năm hoạt động trên thị trường, ông Hải được biết đến là một trong những chuyên gia có nhiều thành tích xuất sắc trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, phát hành chứng khoán ra công chúng, tái cấu trúc tài chính.

Ông được cấp bằng Cử nhân Quản trị Công nghiệp của Đại học Kỹ thuật TP.HCM và bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Đại học Sydney, Úc. Ông Hải cũng được cấp các chứng nhận và chứng chỉ hoạt động của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị



Ông TRẦN QUYẾT THẮNG
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Thắng hiện đang giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO). Ông có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và quản trị. Ông Thắng tốt nghiệp ngành Luật từ Đại học Luật (London, Anh) và Đại học Martin Luther (Đức). Ông đồng thời là sáng lập viên của Văn phòng Luật sư Thắng và các đồng sự (Thắng & Associates). Ngoài ra, ông còn là một trong những người lập nên CTCP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) và từng là Tổng Giám đốc của SSI. Ông Thắng còn giữ vị trí Chủ tịch Ủy ban Đầu tư của Quỹ Aureos (Anh) chuyên đầu tư vốn cổ phần cá nhân trên toàn cầu.



Ông NGUYỄN LÂN TRUNG ANH
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Lân Trung Anh là CEO của Phoenix Holdings, Công ty Văn phòng Gia đình (Family Office) tiên phong tại Việt Nam.

Tại Phoenix, ông Trung Anh trực tiếp lãnh đạo đầu tư, điều hành và quản lý các công ty trong nhiều lĩnh vực khác nhau như dịch vụ tài chính và công nghệ tài chính, công nghệ AI, năng lượng tái tạo, F&B, bán lẻ, truyền thông và thể thao giải trí. Ông Trung Anh cũng nằm trong Hội đồng Quản trị của Vietcredit (tài chính tiêu dùng), Kredivo Việt Nam (BNPL), Timo (ngân hàng số), McDonald's Vietnam (F&B), Seven System Vietnam (bán lẻ), MSE (dịch vụ thể thao), PCP (năng lượng mặt trời), Bloomberg Businessweek Vietnam and First AI (phương tiện truyền thông).

Trước khi trở thành CEO của Phoenix, ông Trung Anh đã tham gia đội ngũ quản lý đầu tư của IDG Ventures Vietnam – quỹ đầu tư mạo hiểm đầu tiên tại Việt Nam với số vốn đầu tư ban đầu 100 triệu USD và đầu tư thành công vào công ty kỷ lần đầu tiên của Việt Nam là VNG (Zalo/Baomoi/Zing). Ông Trung Anh đã có 15 năm hoạt động trong lĩnh vực đầu tư VC&PE với mạng lưới các nhà đầu tư và doanh nhân sở hữu tiềm lực lớn mạnh và độc đáo ở Đông Nam Á, đồng thời có thành tích xuất sắc về huy động vốn trong lĩnh vực Công nghệ tài chính, Bán lẻ và Internet. Ông Trung Anh cũng nằm trong danh sách Forbes 30Under30.



Ông LÊ PHẠM NGỌC PHƯƠNG
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Phương tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh tế. Ông có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực tài chính và kế toán. Từ năm 2002 đến năm 2016, ông lần lượt giữ các chức vụ Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Khải Vy – Duyên Hải, Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần VM Group và Giám đốc tài chính CTCP Bao bì Nhựa Tân Tiến, Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính CTCP D1 Concepts. Hiện tại, ông Phương là Phó Tổng Giám đốc CTCP Lothamilk.



Bà NGUYỄN VIỆT HÒA
Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Hòa là thành viên Hội đồng quản trị độc lập của CTCP Chứng khoán Vietcap từ tháng 4 năm 2021. Bà Hòa hiện cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành. Bà Hòa tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán – Kiểm toán trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Thạc sĩ Kinh tế trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.



Ông NGUYỄN HOÀNG BẢO (HENRY NGUYỄN)
Thành viên Hội đồng Quản trị

Nguyễn Bảo Hoàng (Henry) hiện đang Chủ tịch của Phoenix Holdings, một công ty chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực công nghệ, tiêu dùng/bán lẻ, công nghệ tài chính, giáo dục, thể thao, truyền thông và giải trí. Trước đó, Henry là Tổng Giám đốc của IDG Ventures Vietnam – quỹ đầu tư chuyên về các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, công nghệ, truyền thông và viễn thông tại Việt Nam. Ngoài hai vai trò này, ông còn là Giám đốc Nhượng quyền Phát triển của tập đoàn McDonald’s tại Việt Nam cũng như là Chủ tịch Điều hành của Ngân hàng số Timo.

Với niềm đam mê thể thao, năm 2011, ông thành lập Saigon Heat, đội bóng rổ chuyên nghiệp đại diện quốc gia thi đấu giải vô địch Bóng rổ Đông Nam Á (ABL). Ông cũng là nhà đồng sáng lập của VBA – giải đấu Bóng rổ Chuyên Nghiệp Việt Nam. Ông hiện đang là Chủ tịch Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam và Chủ tịch Liên đoàn Bóng rổ Đông Nam Á. Ngoài những hoạt động thể thao trong nước, ông còn là Tổng Giám đốc Điều hành của Câu lạc bộ bóng đá Los Angeles (LAFC). Đội bóng này đã tham gia thi đấu trong giải MLS vào năm 2018, đồng thời cũng đã xây được sân vận động riêng có tên là Banc of California Stadium ngay từ năm đầu tiên đội tham gia giải đấu. Đội bóng đã đạt chức vô địch cúp MLS vào năm 2022.

Với chủ trương ủng hộ sự phát triển của nền giáo dục Việt Nam, ông hiện đang là Thành viên Quản trị sáng lập của trường Đại học Anh Quốc Việt Nam. Ông cũng là Thành viên Hội đồng Tin thác của Đại học Fulbright Việt Nam – đại học tư thục không vì lợi nhuận đầu tiên của Việt Nam.

Henry được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới và là thành viên của Hiệp hội Asia Society 21. Ông được trao tặng giải thưởng danh dự “Asian Game Changer” do tổ chức Asia Society khu vực Bắc California bầu chọn dựa trên những sáng kiến và đóng góp mang tầm vóc lãnh đạo của ông trong cách làm việc, kinh doanh, nghệ thuật và giáo dục nhằm giúp kết nối và giao thoa các nền văn hóa. Ông còn là Chủ tịch Hội đồng Bảo trợ của Quỹ Phẫu thuật Nụ cười Operation Smile Việt Nam. Henry tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard, Tiến sĩ Y khoa trường Đại học Northwestern và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Kellogg School of Management – Hoa Kỳ.

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị năm 2023

STT	THÀNH VIÊN	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	10	100%	-
2	Ông Tô Hải	Thành viên HĐQT	10	100%	-
3	Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên HĐQT	10	100%	-
4	Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	10	100%	-
5	Ông Nguyễn Lân Trung Anh	Thành viên HĐQT	10	100%	-
6	Ông Lê Phạm Ngọc Phương	Thành viên HĐQT	10	100%	-
7	Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	10	100%	-

Các khoản lương, thưởng, esop cho nhân sự chủ chốt năm 2023

	Lương (ĐVT: đồng)	ESOP (ĐVT: cổ phiếu)
A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (*)	-	-
A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP	720.000.000	-
Ông Lê Phạm Ngọc Phương	240.000.000	-
Ông Nguyễn Lân Trung Anh	240.000.000	-
Bà Nguyễn Việt Hòa	240.000.000	-
C. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	7.716.498.000	390.099
Ông Tô Hải	2.732.166.000	200.000
Ông Đinh Quang Hoàn	2.492.166.000	100.099
Ông Nguyễn Quang Bảo	2.492.166.000	90.000

(*) Công ty không chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị không độc lập

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2023

STT	Số NQ	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2023/NQ-HĐQT.VCSC	06.02.2023	Chốt danh sách tham dự Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023	100%
2	03/2023/NQ-HĐQT.VCSC	28.03.2023	Mua lại trước hạn Trái phiếu mã VCIH2123002 phát hành lần 02 năm 2021	100%
3	06/2023/NQ-HĐQT.VIETCAP	27.04.2023	Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2022	100%
4	08/2023/NQ-HĐQT.VIETCAP	17.05.2023	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên, thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, thông qua danh sách người lao động được mua cổ phần và các nội dung khác liên quan đến đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên	100%
5	09/2023/NQ-HĐQT.VIETCAP	01.06.2023	Phát hành, niêm yết và chào bán các loại chứng quyền có bảo đảm	100%
6	13/2023/NQ-HĐQT.VIETCAP	11.07.2023	Nhận khoản vay do Ngân hàng Shanghai Commercial & Savings Bank thu xếp ("SCSB")	100%
7	18/2023/NQ-HĐQT.VIETCAP	20.09.2023	Thông qua việc đăng ký giao dịch Trái phiếu trên Hệ thống đăng ký giao dịch tập trung trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ	100%
8	19/2023/NQ-HĐQT.VIETCAP	28.09.2023	Phát hành, niêm yết và chào bán các loại chứng quyền có bảo đảm	100%
9	21/2023/NQ-HĐQT.VIETCAP	20.11.2023	Vay Maybank USD 75 triệu	100%
10	22/2023/NQ-HĐQT.VIETCAP	22.11.2023	Đóng cửa Phòng giao dịch Pasteur	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị giám sát thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và đầu tư đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Giám sát các hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

Báo cáo của Ban Kiểm soát

Giới thiệu Ban Kiểm soát



Bà MAI THỊ THANH TRANG
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Trang tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán và hiện đang là Kiểm toán viên tại Công ty TNHH Kiểm toán T&F. Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán và Kiểm toán tại các công ty và tập đoàn lớn như Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken Việt Nam, Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM.



Bà BÙI THỊ MINH NGUYỆT
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyệt hiện đang giữ vị trí Kế toán trưởng tại Phoenix Holdings Limited. Bà Nguyệt đã từng làm việc tại Công ty TNHH Đầu tư Bản Việt, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán của Công ty. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán và Kiểm toán tại các công ty hàng đầu tại Việt Nam như KPMG và Ngân hàng Bản Việt. Bà tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán.



Bà TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Huyền Trang tốt nghiệp Đại học Kinh Tế TP.HCM - chuyên ngành Tài chính - Kế Toán. Bà hiện đang giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Bất động sản Bản Việt. Bà Huyền Trang có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán ở các tổ chức.

Hoạt động Ban Kiểm soát năm 2023

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát (BKS) đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và cổ đông của Công ty về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cận trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Đồng thời, Ban Kiểm soát có nhiệm vụ thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Điều hành và cán bộ quản lý khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Hoạt động khác của BKS (nếu có)

Ban Kiểm soát có các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Ban kiểm soát 2023

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Mai Thị Thanh Trang	Trưởng BKS	02	100%	-
2	Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	02	100%	-
3	Bà Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS	02	100%	-

Giám sát tình hình tài chính năm 2023

Trong năm, PwC đã cung cấp các dịch vụ kiểm toán cho Vietcap như sau:

- Soát xét bán niên và kiểm toán năm 2023: phí dịch vụ là 637.000.000 Đồng (Sáu trăm ba mươi bảy triệu Đồng) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).
- Kiểm toán Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 20 tháng 6 năm 2023: phí dịch vụ là 45.000.000 Đồng (Bốn mươi lăm triệu Đồng) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).

Ngoài các dịch vụ nêu trên, PwC không cung cấp thêm bất kỳ dịch vụ phi kiểm toán nào khác cho Vietcap..

Ban Điều hành



Giới thiệu Ban Giám đốc



Ông **TÔ HẢI**
Tổng Giám đốc

(Xem mục Hội đồng Quản trị)



Ông **ĐINH QUANG HOÀN**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàn tham gia Vietcap từ ngày đầu thành lập. Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán. Trước đó, ông Hoàn làm việc tại Công ty kiểm toán quốc tế KPMG với chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán, phụ trách các dự án kiểm toán, soát xét tài chính cho các tập đoàn đa quốc gia cũng như các doanh nghiệp trong nước.

Ông có bằng Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính và bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế TP.HCM. Ông có chứng chỉ kiểm toán viên độc lập của Bộ Tài chính và là thành viên lâu năm của Hiệp hội Kế toán viên công chứng - Vương quốc Anh (ACCA).



Ông **NGUYỄN QUANG BẢO**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Bảo đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng thương mại và chứng khoán. Với kinh nghiệm và khả năng của mình, ông Bảo đã tham gia tư vấn cho nhiều doanh nghiệp trong việc định giá, mua bán doanh nghiệp, tổ chức bán đấu giá. Ông cũng xây dựng và triển khai nhiều sản phẩm nghiệp vụ tại các công ty chứng khoán.

Trước khi làm việc tại Vietcap, ông Bảo đã từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kiểm Giám đốc chi nhánh TP.HCM của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Phó Giám đốc Khối Dịch vụ CTCP Chứng khoán Sài Gòn kiêm Giám đốc chi nhánh Hải Phòng. Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tin dụng tại Học Viện Ngân hàng và bằng Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tin dụng tại Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.

Nhân sự chủ chốt



Ông NGÔ VINH TUẤN
Giám đốc điều hành
Ngân hàng đầu tư

Ông Tuấn tham gia Vietcap từ năm 2015. Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và dịch vụ tư vấn tài chính.

Trước khi gia nhập Vietcap, ông Tuấn là Giám đốc Đầu tư và Giám đốc phụ trách Danh mục đầu tư tại hai quỹ phòng hộ với chiến lược đầu tư theo định hướng sự kiện và nợ có vấn đề là Alden Global Capital và Longacre Assets Management. Đầu năm 2009, ông Tuấn gia nhập quỹ đầu tư quốc gia của Pháp là Fonds Stratégique d'Investissements (FSI) tại Paris, Pháp với vai trò Giám đốc đầu tư kiêm thành viên Hội đồng Quản trị. Quỹ đầu tư quốc gia của Pháp được thành lập để hỗ trợ nền kinh tế nước này vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008.

Trước đó trong sự nghiệp của mình, ông Tuấn từng làm chuyên viên ngân hàng đầu tư trong lĩnh vực Viễn thông và Truyền thông cũng như M&A tại Goldman Sachs, Bank of America Merrill Lynch và Credit Suisse First Boston ở London.

Ông Tuấn có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Wharton thuộc Đại học Pennsylvania, Philadelphia, Hoa Kỳ với bằng kép chuyên ngành Tài chính và Quản trị Doanh nghiệp và bằng Cử nhân của Ecole Supérieure de Commerce ở Grenoble, Pháp.



Ông NHAN TUẤN
Giám đốc điều hành

Ông Tuấn lãnh đạo nhiều Bộ phận kinh doanh của Vietcap, bao gồm: Giao dịch chứng khoán - Khách hàng Tổ chức, Môi giới khách hàng Cá nhân, Quản lý tài sản Cá nhân, và Trái phiếu Doanh nghiệp. Ông Tuấn tập trung xây dựng một mô hình kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm, được dựa trên chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn quốc tế, năng lực nghiệp vụ hàng đầu, thông tin đáng tin cậy, hiệu suất công việc cao, và sự tin tưởng của khách hàng và đối tác.

Ông Nhan Tuấn có 19 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực dịch vụ tài chính. Trước khi gia nhập Vietcap vào năm 2013, ông Tuấn đã có 7 năm làm việc tại JP Morgan Australia và Rodman & Renshaw tại Hoa Kỳ.

Ông Tuấn có bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Tài chính tại Đại học Bang Colorado.



Ông ALASTAIR MACDONALD, CFA, CIPM
Giám đốc Điều hành
Nghiên cứu và Phân tích

Ông Alastair đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Phòng Nghiên cứu và Phân tích từ năm 2018. Trước đó, ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Nghiên cứu và Phân tích tại nhiều thị trường như Thái Lan, Singapore, Nhật Bản và Việt Nam.

Trước khi gia nhập Vietcap, ông Alastair giữ chức vụ Giám đốc Nghiên cứu và Phân tích tại Công ty Chứng khoán Kasikorn và Công ty Chứng khoán Macquarie tại Thái Lan, Chuyên viên Phân tích cao cấp phụ trách mảng Tài chính tại Công ty Chứng khoán Macquarie tại Nhật Bản. Trước khi làm việc tại thị trường Châu Á, ông Alastair từng giữ chức vụ Trưởng phòng Tiếp thị Quỹ đầu tư Gartmore có trụ sở tại London.

Ông Alastair có bằng Thạc sĩ Khoa học Tự nhiên và Kinh tế của trường Trinity, Đại học Cambridge.



Ông NGUYỄN THANH TÙNG
Giám đốc Công nghệ

Tiến sĩ Nguyễn Thanh Tùng là một chuyên gia về Công nghệ Thông tin (CNTT) với 36 năm kinh nghiệm ở vị trí Kiến trúc sư và Giám đốc điều hành tại các doanh nghiệp CNTT tại Úc, New Zealand, Châu Á Thái Bình Dương, Trung Đông, Anh, Hoa Kỳ.

Hiện tại, ông Tùng đang giữ chức vụ Giám đốc Công nghệ tại Vietcap. Trong 10 năm qua, ông Tùng đã đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo ở các doanh nghiệp trong và ngoài nước như Giám đốc tại Ngân hàng Techcombank Việt Nam, Giám đốc Công nghệ tại Ngân hàng Citibank USA, Giám đốc Khối Kiến trúc CNTT tại Công ty Dầu Khí Oman, Trưởng nhóm Kiến trúc sư cố vấn tại EMC (Singapore), Kiến trúc sư trưởng tại Wipro Global Consulting, Tập đoàn Tư vấn toàn cầu của Singapore. Ông cũng là thành viên cấp cao của cộng đồng CIO năm 2024.

Ông tốt nghiệp Kỹ sư cơ khí Đại học Bách Khoa tại Việt Nam, Kỹ sư vi tính và kế toán Đại học Canberra, Úc, MBA và Tiến sĩ robotic AI Đại học George Washington, Hoa Kỳ. Ngoài ra, ông còn có chứng chỉ CNTT Quốc tế, Công chứng viên của công dân Úc trong và ngoài xứ. Đồng thời có chứng chỉ Luật và Chứng khoán của Việt Nam



Bà CHÂU THIÊN TRÚC QUỲNH
Giám đốc điều hành
Khối Môi giới khách hàng cá nhân

Bà Quỳnh hiện đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành Khối Môi giới Trong nước và đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ năm 2005 đến 2007, bà đã đảm nhiệm vị trí Phó phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và sau đó là Phụ trách Phòng Môi Giới của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, một trong những công ty chứng khoán lớn của Việt Nam.

Trước đó, từ năm 2001 đến 2005, bà là chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Quá trình làm việc tại các công ty chứng khoán đem lại cho bà những kinh nghiệm, đặc biệt là khả năng đáp ứng dịch vụ chuyên nghiệp. Bà đã từng tư vấn cho hàng loạt các cá nhân và tổ chức, đem lại hiệu quả đầu tư cao cho các khách hàng.

Bà Quỳnh đã tốt nghiệp hệ Cử nhân và hệ Thạc sĩ tại Đại học Kinh tế TP. HCM, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng và bằng Executive MBA, chương trình liên kết giữa Đại Học Kinh tế TP.HCM và Trường Quản lý, Đại Học Quebec Montreal (ESG UQAM), Canada.



Bà PHẠM THỊ THANH
Giám đốc Ngân hàng đầu tư
Chi nhánh Hà Nội

Bà Thanh đã có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính. Trước khi gia nhập Vietcap, bà đã có thời gian làm việc tại Bộ Tài chính và sau đó là Công ty CP Chứng khoán Vincom với vai trò Giám đốc Khối Tư vấn tài chính và Giao dịch trực tuyến. Bà đã tư vấn thành công nhiều thương vụ mua bán sáp nhập, tái cấu trúc, huy động vốn và niêm yết doanh nghiệp điển hình tại Việt Nam.

Bà Thanh cũng là một trong những chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn cổ phần hoá cho các tổng công ty lớn của Nhà nước.

Bà lấy bằng Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân và Thạc sĩ Quản lý Tài chính tại Đại học Melbourne, Úc. Bà Thanh cũng đồng thời được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Thẻ thẩm định viên về giá bởi Bộ Tài chính.



Ông NGUYỄN QUỐC DŨNG
Giám đốc Môi giới
Khách hàng tổ chức

Ông Dũng có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và kiểm toán. Ông gia nhập Vietcap từ những ngày đầu thành lập vào tháng 11 năm 2007 và làm việc tại bộ phận Ngân hàng Đầu tư, sau đó là bộ phận Giao dịch chứng khoán Khách hàng tổ chức từ năm 2010.

Trước khi gia nhập Vietcap, ông đã có kinh nghiệm làm việc đa dạng về tài chính và kiểm toán cho các Tập đoàn đa quốc gia trong lĩnh vực sản xuất, phân phối hàng tiêu dùng, kiểm toán độc lập như L'oréal, Heineken & Tiger Beer và KPMG.

Ông Dũng có bằng MBA của CFVG, một chương trình được tài trợ bởi Chính phủ Pháp và Bộ Giáo dục - Đào tạo Việt Nam và bằng Cử nhân Tài chính doanh nghiệp của Đại học Kinh tế TP.HCM.



Ông ĐOÀN MINH THIỆN
Kế toán trưởng

Ông Thiện có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán.

Ông Thiện có bằng Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.



Ông TRẦN THẾ LUÂN
Phó Giám đốc
An toàn thông tin

Ông Luân có 16 năm kinh nghiệm tại Katalon Việt Nam (Giám đốc CNTT & An ninh thông tin), Ngân hàng CIMB Việt Nam (Giám đốc Cơ sở hạ tầng CNTT & Bảo mật thông tin), CMC TSSG (Giám đốc An ninh Thông tin), Jetstar Pacific Airlines (Trưởng phòng An ninh Thông tin) và MService JSC (MoMo E-Wallet), Viettel ICT, HDBank, Renesas Design Việt Nam.

Ông có kiến thức và kinh nghiệm sâu rộng về An toàn thông tin, đặc biệt là tuân thủ bảo mật như: tuân thủ ISO 27001, tuân thủ SOC2 Type II, tuân thủ PCI-DSS và áp dụng thành công cho Ví điện tử MoMo, Ngân hàng CIMB, RadicalPay, Katalon, Jetstar Pacific Airlines.

Ông Luân tốt nghiệp Cử nhân Điện tử Viễn thông - Đại học Bách khoa TP.HCM.



Con đường phía trước



Triển vọng 2024

Kỳ vọng kinh tế phục hồi tích cực hơn trong năm 2024

Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP được kỳ vọng sẽ tăng dần trong những năm tới, đạt mốc 6,5% trong năm 2024, 6,8% năm 2025 và 7,0% năm 2026 (tương tự tốc độ tăng trưởng GDP bình quân của Việt Nam trong 5 năm trước đại dịch COVID-19).

Trong năm 2024, một số yếu tố then chốt tiếp tục được kỳ vọng là động lực chính cho đà tăng trưởng kinh tế, bao gồm:

1 Chính sách tài khóa

Chỉ tiêu tài khóa sẽ tiếp tục là động lực chính cho nền kinh tế Việt Nam trong ngắn hạn. Trong đó, một số chính sách tài khóa quan trọng đã được thông qua, gồm:

Cải cách tiền lương khu vực công: dự kiến được thực hiện từ nửa cuối năm 2024, có thể giúp GDP tăng thêm 0,3 điểm % trong năm 2024 và 0,2 điểm % trong năm 2025 (theo tính toán của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Giảm thuế: Vào ngày 29.11.2023, Quốc hội thông qua gia hạn thời gian cắt giảm 2% thuế VAT đến hết tháng 6.2024. Ngoài ra, vào ngày 29.12.2023, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định kéo dài thời gian cắt giảm 50% thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu cho đến hết năm 2024.

Giải ngân đầu tư công và gói hỗ trợ phục hồi: Trong bối cảnh nền kinh tế còn gặp nhiều thách thức, đầu tư công vẫn sẽ đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, mới chỉ có 50% gói hỗ trợ phục hồi được thông qua vào năm 2022, đã được giải ngân tính đến cuối tháng 11.2023. Trong đó,, một phần chưa được giải ngân có thể được kéo dài đến năm 2024.

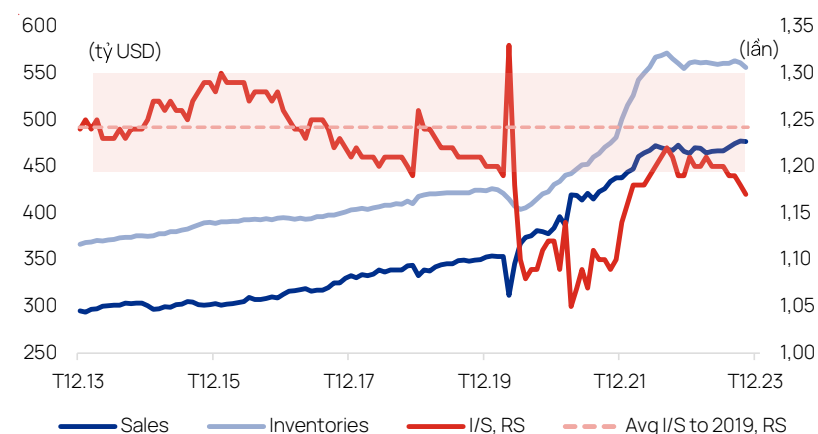
2 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) duy trì quan điểm nới lỏng tiền tệ trong năm 2024

Chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ duy trì quan điểm nới lỏng tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế trong năm 2024 trước khi có khả năng tăng lãi suất điều hành 25 điểm cơ bản vào cuối năm 2024.

3 FDI tiếp tục đà tăng trưởng

Chúng tôi kỳ vọng giải ngân FDI sẽ tăng trưởng khoảng 10% mỗi năm trong giai đoạn 2024-2026, tương đương 5,5% GDP, được hỗ trợ bởi một số yếu tố: (1) Vốn FDI cam kết lớn được ghi nhận vào năm 2023, (2) Nhiều công ty nước ngoài có xu hướng dịch chuyển đầu tư ra khỏi Trung Quốc, (3) Những lợi thế cơ bản của Việt Nam (như vị trí thuận lợi, chi phí lao động cạnh tranh và danh sách dài các hiệp định FTA), (4) Việc nâng cấp quan hệ ngoại giao gần đây giữa Việt Nam với Hàn Quốc, Hoa Kỳ, và gần đây nhất là Nhật Bản, có thể tiếp tục thúc đẩy dòng vốn FDI vào Việt Nam.

Tỷ lệ tồn kho/doanh thu bán lẻ hàng tháng của Mỹ, không bao gồm ô tô



Nguồn: US Census, FRED, Vietcap

4 Bức tranh xuất nhập khẩu và sản xuất có nhiều diễn biến khả quan

Mặc dù nhu cầu toàn cầu có thể vẫn yếu trong nửa đầu năm 2024, xuất khẩu vẫn có khả năng đạt mức tăng trưởng 2 chữ số trong nửa đầu năm 2024 từ mức nền thấp của nửa đầu năm 2023. Bên cạnh đó, chỉ số tồn kho/bán hàng (không tính xe có động cơ) tại Mỹ - thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam - đang giảm mạnh những tháng gần đây có thể sẽ thúc đẩy nhu cầu mua hàng và hỗ trợ xuất khẩu trong nửa cuối năm. Ngoài ra, xuất khẩu phục hồi và một số nhà máy mới bắt đầu sản xuất từ cuối năm 2023 và trong năm 2024 (Amkor, Long Son LNG, LEGO, cùng nhiều nhà máy khác) sẽ hỗ trợ sản xuất, thị trường lao động và tiêu dùng.

Tỷ giá

Chúng tôi kỳ vọng tỷ giá USD/VND tiếp tục ổn định trong năm 2024

Chênh lệch âm lớn giữa lãi suất liên ngân hàng VND và USD và một số yếu tố khác có thể tiếp tục gây áp lực giảm giá lên tỷ giá USD/VND trong nửa đầu năm 2024. Tuy nhiên, dự báo đồng thuận của Bloomberg cho thấy Fed có thể hạ 125 điểm cơ bản lãi suất chính sách xuống 4,0% - 4,25% trong năm 2024. Việc cắt giảm lãi suất của Fed có thể giúp thu hẹp chênh lệch âm giữa lãi suất ngắn hạn VND và USD, đồng thời giảm bớt áp lực tỷ giá USD/VND trong nửa đầu năm 2024. Ngoài ra, chúng tôi kỳ vọng dòng vốn nước ngoài từ kiều hối, vốn FDI, thặng dư thương mại, và thâm hụt thương mại dịch vụ thu hẹp sẽ ổn định, có thể giúp hỗ trợ tỷ giá.

5 Khách quốc tế tiếp tục gia tăng

Trong năm 2023, tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 70% so với mức trước COVID, trong đó mặc dù lượng khách đến từ Trung Quốc chỉ đạt 30% so với trước COVID, tuy nhiên lượng khách đến từ các quốc gia khác đã đạt 89% so với năm 2019. Chúng tôi kỳ vọng lượng khách nước ngoài tiếp tục phục hồi sẽ hỗ trợ ngành du lịch và tăng trưởng kinh tế.

6 Bất động sản và xây dựng có thể sẽ dần phục hồi

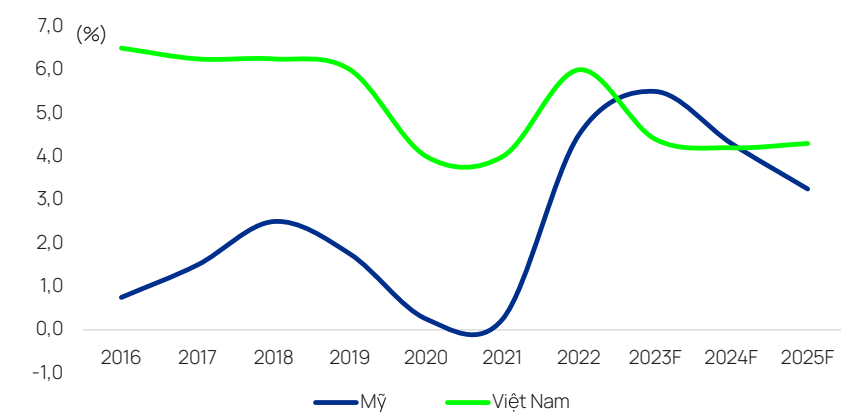
Nhờ lãi suất thế chấp thấp và những cải cách pháp lý có thể giúp giảm bớt nhiều trở ngại cho các chủ đầu tư.

Lạm phát

Áp lực lạm phát có thể gia tăng nhưng vẫn nằm trong tầm kiểm soát

Trong năm 2024, một số yếu tố có thể tạo áp lực lên lạm phát bao gồm: giá gạo toàn cầu tiếp tục bị ảnh hưởng bởi lệnh cấm xuất khẩu gạo tại một số quốc gia, cải cách tiền lương khu vực công bắt đầu từ 1.7.2024, Chính phủ có thể tăng giá điện, dịch vụ y tế và học phí. Bên cạnh đó, một số rủi ro khó lường khác như thời tiết bất lợi, thiên tai, căng thẳng địa chính trị có thể ảnh hưởng đến giá cả hàng hóa toàn cầu. Mặc dù vậy chúng tôi vẫn kỳ vọng CPI bình quân được kiểm soát ở mức 3,8% trong năm 2024 (dưới mức trần Quốc hội giao) trong bối cảnh rủi ro nhập khẩu lạm phát giảm (lạm phát toàn cầu được dự báo sẽ giảm nhiệt, trong khi tỷ giá được kỳ vọng ổn định), đồng thời Chính phủ cũng có thể điều chỉnh giá một số hàng hóa và dịch vụ phù hợp với diễn biến lạm phát.

Dự báo lãi suất điều hành



Nguồn: Bloomberg, Vietcap

Kế hoạch kinh doanh 2024



Chiến lược và mục tiêu kinh doanh

Năm 2023 tiếp tục là một năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới. Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và các Ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới vẫn tiếp tục chính sách tăng lãi suất để thắt chặt lạm phát. Việc chính sách tiền tệ thắt chặt đã khiến cho một số ngân hàng lớn rơi vào tình trạng khủng hoảng như Credit Suisse hoặc rơi vào tình trạng phá sản như Silicon Valley Bank, Signature Bank, First Republic Bank. Thêm vào đó, cuộc chiến tranh giữa Nga - Ukraine tiếp tục diễn ra căng thẳng và chưa có hồi kết cũng khiến cho nền kinh tế thế giới bất ổn, chi phí các nguyên vật liệu đầu vào tăng cao như lúa mì, phân bón, than, thép...

Nền kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng bởi nền kinh tế thế giới khi những khó khăn từ đơn hàng xuất khẩu sụt giảm, thị trường bất động sản ảm đạm, đã khiến tăng trưởng GDP chỉ đạt 5%, không thể về đích 6,0-6,5% như mục tiêu đặt ra.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

1. Ngân hàng đầu tư

Thời gian sắp tới, các hoạt động IPO dự báo sẽ chưa có nhiều chuyển biến tích cực khi kinh tế vẫn sẽ gặp nhiều thách thức trong năm 2024. Tuy nhiên, lãi suất đang có xu hướng giảm, định giá doanh nghiệp đã vào vùng hấp dẫn sẽ là một trong những yếu tố giúp cho thị trường vốn trong năm 2024 dự kiến sẽ khởi sắc hơn năm 2023.

Với các dự án lớn đang triển khai cho khách hàng, mảng Ngân hàng Đầu tư dự kiến sẽ đóng góp nhiều doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới.

Trong năm 2023, sức mua của nền kinh tế còn yếu, hoạt động sản xuất kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp đang ở mức cầm chừng. Hầu hết các ngân hàng đã giảm lãi suất huy động đáng kể khi tốc độ luân chuyển vốn trong nền kinh tế chậm lại. Điều này ảnh hưởng đáng kể lên hoạt động kinh doanh của các công ty hoạt động trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

Trong năm 2023, chi phí vốn huy động của Công ty tăng cao tác động đến NIM của hoạt động Margin, đồng thời bối cảnh diễn biến thị trường chứng khoán năm 2023 kém khả quan dẫn đến doanh thu từ hoạt động đầu tư chưa được thực hiện và ghi nhận đầy đủ trong năm. Kết thúc năm tài chính 2023, Vietcap ghi nhận lợi nhuận trước thuế đạt 570 tỷ đồng, hoàn thành 57,0% kế hoạch đề ra.

2. Màng môi giới

Năm 2024, chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung phát triển lĩnh vực môi giới bán lẻ cho nhà đầu tư cá nhân. Chiến lược của công ty lấy khách hàng là trọng tâm và tập trung phát triển chất lượng dịch vụ phục vụ cho khách hàng nhiều hơn là chiến lược hạ giá phí. Công ty tiếp tục đầu tư vào công nghệ bằng việc mở rộng số lượng nhân sự ở bộ phận phát triển sản phẩm, đổi mới sáng tạo, đầu tư vào hạ tầng công nghệ để tiếp tục cải tiến các tính năng trong phần mềm giao dịch, tạo ra nhiều sản phẩm hơn như các sản phẩm margin đa dạng hơn,

các điểm tin về thị trường, khuyến nghị danh mục đầu tư cho khách hàng gắn trên app Vietcap mobile, phần mềm truy xuất dữ liệu phân tích cho nhân viên và khách hàng VietcapIQ. Bên cạnh công nghệ, công ty cũng gia tăng việc đào tạo nhân viên môi giới, nhân viên dịch vụ khách hàng để có thể nâng cao chất lượng tư vấn phục vụ khách hàng, công ty cũng đầu tư vào marketing để tăng nhận diện thương hiệu, tăng các kênh phân phối để thông tin, sản phẩm của Vietcap có thể đến được khách hàng nhanh nhất.



Định hướng phát triển bền vững

“Trở thành một trong những Ngân hàng Đầu tư hàng đầu Việt Nam là tầm nhìn mục tiêu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap).”

Cùng với đó, sự tín nhiệm và ủng hộ từ các đối tác liên quan bao gồm nhưng không giới hạn ở các khách hàng, cổ đông và nhân viên của Công ty cũng là những mắt xích quan trọng đóng góp vào thành công chung đưa chúng tôi vươn cao vươn xa hơn trong hành trình phát triển bền vững.

Sứ mệnh của chúng tôi là cung cấp những dịch vụ chất lượng tối ưu với phong cách dịch vụ chuyên nghiệp, bảo tín cho sự tăng trưởng vượt trội và lâu bền mà chúng tôi đã và đang nỗ lực xây dựng mỗi ngày. Chúng tôi luôn phấn đấu duy trì mối quan hệ chất lượng và hoạt động kinh doanh tốt nhất vì sự phát triển bền vững của các đối tác liên quan.



Tác động tích cực trong doanh nghiệp

- Tăng trưởng ổn định.
- Đảm bảo thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động.
- Chăm lo đời sống cho người lao động.
- Phát triển đội ngũ, tìm kiếm và nuôi dưỡng tài năng trong đội ngũ.
- Quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
- Tăng cường tính minh bạch trong mọi hoạt động.



Tác động tích cực tới thị trường

- Duy trì tỷ lệ cổ tức ổn định cho cổ đông.
- Cung cấp những sản phẩm/dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Kết nối vốn và cơ hội đầu tư.
- Tham gia xây dựng đóng góp phát triển thị trường, là kênh huy động vốn hiệu quả cho nền kinh tế.
- Hỗ trợ doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn về chiến lược và giải pháp tài chính.



Tác động tích cực tới xã hội

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với Nhà nước.
- Chiến lược “đầu tư xanh”.
- Bảo vệ môi trường.
- Tổ chức các hoạt động chia sẻ với cộng đồng.

Bước chân bền vững

Mô hình Quản trị về phát triển bền vững



Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo chung về các vấn đề chiến lược của Công ty liên quan đến phát triển bền vững. Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động.



Tổng giám đốc và Ban điều hành quản trị

- Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững của Công ty.
- Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn Công ty.
- Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra.



Các khối và bộ phận chức năng

- Triển khai và hiện thực hóa kế hoạch phát sinh bền vững theo định hướng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.



Nhân viên

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của Công ty.

Nguyên tắc Phát triển bền vững



Đối với khách hàng

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về tài chính đáp ứng nhu cầu của khách hàng và mang đến cho khách hàng những khuyến nghị hợp lý, nhanh chóng, tiện lợi, hiệu quả với chi phí cạnh tranh.



Đối với nhân viên

Mang đến cho nhân viên môi trường làm việc rộng mở, nhiều thách thức với mức thù lao cạnh tranh, tạo ra cơ hội công bằng để mọi thành viên có điều kiện phát triển sự nghiệp, phát triển năng lực cá nhân.



Đối với cổ đông

Đảm bảo khoản đầu tư của các cổ đông và mang lại cho cổ đông lợi nhuận vượt trội, bền vững.



Đối với đối tác

Tìm kiếm mối quan hệ song phương cùng có lợi với các đối tác. Luôn tuân thủ quy tắc đạo đức hướng tới mối quan hệ bền vững với các đối tác.



Đối với xã hội

Hoạt động kinh doanh như một thành viên có trách nhiệm trong xã hội nói chung cũng như trong cộng đồng mà Công ty đang hoạt động. Thực hiện các cam kết trên cơ sở tuân thủ các quy định và quy ước quốc tế.



Mục tiêu các hoạt động Phát triển bền vững tại

Vietcap

“

Vietcap đã và đang không ngừng đầu tư nghiên cứu và triển khai nhiều sáng kiến để thúc đẩy tối đa cơ hội tăng trưởng và phát triển tại thị trường chứng khoán trong nước cũng như đóng góp vào sự tăng trưởng chung của nền kinh tế xã hội Việt Nam.

”

THÔNG QUA ĐÓ, VIETCAP ĐÃ CÓ NHỮNG ĐÓNG GÓP ĐÁNG KỂ TRÊN CÁC PHƯƠNG DIỆN SAU:

- Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động.
- Đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển của ngành tài chính chứng khoán.
- Huy động vốn cho nền kinh tế Việt Nam.
- Hỗ trợ tăng trưởng của các mảng kinh doanh thông qua việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn.
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp và minh bạch trong kinh doanh.
- Thúc đẩy các cơ hội phát triển và trao quyền cho thế hệ trẻ.
- Hỗ trợ cộng đồng nâng cao chất lượng cuộc sống.

Tổng quan

Báo cáo

NỘI DUNG BÁO CÁO

- Báo cáo phát triển bền vững năm 2023 thể hiện định hướng phát triển bền vững và cái nhìn tổng quan về một năm hoạt động tích cực và hiệu quả của Vietcap, đồng thời rà soát những hạn chế cần khắc phục và hoạch định kế hoạch hoạt động trong tương lai.
- Vietcap thực hiện báo cáo này dựa trên Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững của Tổ chức Sáng kiến toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI). Các vấn đề báo cáo được chi tiết hóa theo hệ thống tiêu chuẩn công bố thông tin G4. Vietcap lựa chọn nguyên tắc Phù hợp – Cốt lõi cho báo cáo năm 2023, tập trung vào các lĩnh vực: Hiệu quả hoạt động kinh tế, việc làm, giáo dục và đào tạo, thông tin nhân hàng sản phẩm và dịch vụ, cộng đồng địa phương.
- Báo cáo được thực hiện bởi Nhóm Báo cáo Phát triển bền vững – Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, bao gồm các thành viên đến từ Phòng Truyền thông, Phòng Kế toán, Phòng Nhân sự và Thư ký HĐQT. Đây là những bộ phận chịu trách nhiệm về phần lớn các số liệu, thông tin liên quan đến các lĩnh vực trọng yếu trong hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

PHẠM VI BÁO CÁO

- Báo cáo Phát triển bền vững Vietcap 2023 được xem như một tài liệu bổ sung, một phần không thể thiếu và có sự gắn kết chặt chẽ với Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.
- Báo cáo phản ánh các kết quả hoạt động trong năm 2023, đồng thời đề cập đến định hướng và mục tiêu của Vietcap trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững. Báo cáo được thực hiện cho phạm vi toàn bộ Công ty, bao gồm trụ sở chính và tất cả các chi nhánh, phòng giao dịch của Vietcap trên cả nước.
- Việc triển khai các hoạt động phát triển bền vững có liên quan chặt chẽ với chiến lược về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, xuất phát từ sứ mệnh và tầm nhìn của Vietcap, cũng như đảm bảo tuân thủ các quy định và quy trình về kiểm soát nội bộ, các quy định chung của quốc gia và quốc tế về cạnh tranh, quyền con người, luật môi trường...

LIÊN HỆ

Mọi thông tin, ý kiến đóng góp cho Báo cáo Phát triển Bền vững Vietcap, vui lòng liên hệ:

- **Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap**
- **Email: info@vietcap.com.vn**
- **Địa chỉ: Tháp tài chính Bitexco, tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**

Gắn kết các bên liên quan Về mục tiêu **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Vietcap xác định mọi hoạt động của Công ty đều có liên quan và ảnh hưởng đến các đối tượng bên trong cũng như bên ngoài Công ty, bao gồm nhân viên, cổ đông, khách hàng/nhà đầu tư và cộng đồng địa phương.

Để đảm bảo phát triển toàn diện, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, Vietcap trực tiếp thực hiện và tổ chức các hoạt động tương tác gắn kết với các bên liên quan:

Khách hàng / Nhà đầu tư

- Hội thảo
- Gặp gỡ trao đổi, tư vấn trực tiếp
- Trao đổi qua điện thoại với nhân viên kinh doanh, Trung tâm chăm sóc khách hàng cá nhân và Phòng Dịch vụ
- Hỗ trợ khách hàng qua website Vietcap
- Email gửi khách hàng
- Hộp thư góp ý đặt tại các phòng giao dịch

Nhân viên

- Hợp tổng kết hàng quý, tổng kết năm
- Gặp gỡ trao đổi trực tiếp với Ban giám đốc
- Tổ chức sinh nhật nhân viên trong tháng
- Thông tin, trao đổi qua điện thoại, email nội bộ
- Chương trình teambuilding, gắn kết đội ngũ
- Các hoạt động giao lưu được tổ chức hàng quý hoặc các sự kiện ngày gia đình, thiếu nhi...

Cổ đông

- Đại hội cổ đông thường niên
- Gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư
- Các buổi thuyết trình cho nhà đầu tư về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty
- Hỏi đáp qua website Vietcap
- Email gửi cổ đông và nhà đầu tư

Xã hội

- Hỗ trợ các hoạt động của giới trẻ qua các tổ chức thanh niên, sinh viên các trường đại học
- Tham gia các hoạt động phát triển và hỗ trợ cộng đồng, chia sẻ khó khăn với những hoàn cảnh thiếu may mắn
- Tham gia các hoạt động môi trường và cộng đồng.



Báo cáo hoạt động bền vững

Đóng góp ngân sách nhà nước



Trên cương vị một doanh nghiệp có hiệu quả hoạt động vượt trội với nhiều thành tích tiêu biểu, Vietcap luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và khoản nộp ngân sách Nhà nước với mức đóng góp tăng dần qua các năm.



Trong suốt năm 2023, nền kinh tế Việt Nam bước vào giai đoạn phục hồi sau đại dịch, mặc dù có mang lại những kết quả khả quan nhưng vẫn không tránh khỏi những bất lợi dưới sự tác động nhiều chiều của nền kinh tế thế giới. Nhờ vào đường lối chiến lược với tầm nhìn sâu rộng mà Vietcap đã và đang vững vàng vượt qua thách thức, tiếp tục duy trì hiệu quả quản lý nguồn vốn của Công ty và các nhà đầu tư, bảo đảm an toàn với hiệu suất sinh lời cao, đóng góp đều đặn vào ngân sách Nhà nước.

Riêng trong năm 2023, Công ty đã đóng góp vào ngân sách Nhà nước:

419.160.524.217
ĐỒNG

Chủ động, tích cực tham gia xây dựng thị trường

Ý thức được vai trò trách nhiệm đối với các nhà đầu tư, các nhà phát hành, các cơ quan quản lý thị trường cũng như với thị trường chứng khoán trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nói chung, ngoài việc tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về chứng khoán và các quy định có liên quan, Vietcap luôn nỗ lực đóng góp ý kiến để xây dựng hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về thị trường chứng khoán, nâng cao tính thực tiễn trong hoạt động đầu tư chứng khoán, đồng thời góp phần xây dựng một thị trường chứng khoán minh bạch, an toàn và phát triển bền vững.

Trong những năm qua, bộ phận công nghệ thông tin không ngừng nâng cấp hạ tầng hệ thống và phần mềm giao dịch lỗi, cải thiện đáng kể tốc độ hệ thống, đảm bảo chất lượng giao dịch, củng cố sự tin nhiệm đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đồng thời tiếp tục xây dựng trung tâm dữ liệu dự phòng đáp ứng các yêu cầu về bảo mật, sao lưu dữ liệu và dự phòng rủi ro về hệ thống cũng như các vấn đề về thiên tai, thảm họa.

Quản lý tài sản của nhà đầu tư **AN TOÀN, MINH BẠCH**

“

Trên tinh thần “Lấy khách hàng làm trọng tâm trên hành trình phát triển bền vững”, chúng tôi không chỉ mong muốn mang lại nguồn tài chính ổn định mà còn bảo vệ các nhà đầu tư khỏi những rủi ro về tài sản.

”

Với các quy trình rõ ràng minh bạch từ quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ và quy trình đầu tư được kiểm soát chặt chẽ, Vietcap luôn hướng tới mục tiêu xây dựng dựng niềm tin, sự minh bạch và tăng trưởng về giá trị tài sản lâu dài cho nhà đầu tư.

An tâm nâng tầm giá trị

Hành trình 16 năm “Am tường tài chính” với nhiều dấu ấn đáng tự hào đã giúp Vietcap nhận ra rằng sự phát triển vững chãi của tổ chức luôn phải song hành với những giá trị bền vững cống hiến cho cộng đồng trên mọi phương diện. Ngay từ những ngày đặt những viên gạch đầu tiên, Vietcap vẫn luôn kiên trì theo đuổi phương châm “Tất cả vì quyền lợi cổ đông”. Có thể nói, trong bối cảnh thị trường đang diễn ra nhiều thử thách và biến động khó lường, gây ra nhiều tác động đáng kể tới mọi khía cạnh đời sống và kinh tế, việc duy trì bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên đã tạo ra sự khác biệt và sức mạnh nội tại, giúp Vietcap vững chãi hơn trên con đường phía trước.

Vietcap luôn tâm huyết với mục tiêu đảm bảo sự ổn định, minh bạch, công bằng và an toàn cho mọi đối tượng đầu tư trong suốt hành trình họ đã tin tưởng và đồng hành cùng Vietcap. Trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, chúng tôi càng ý thức sâu sắc rằng khi quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư – những người dẫn dắt thị trường được đảm

bảo vững chắc, chúng ta sẽ cùng nhau kiến tạo nên một thị trường chứng khoán “khỏe mạnh” và phát triển bền vững.

Tại Vietcap, các chính sách bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn là yếu tố mà được đặt lên hàng đầu. Tính đến ngày 28.12.2023, Vietcap có 14.374 cổ đông, trong đó 123 cổ đông là tổ chức, 14.251 cổ đông là cá nhân. Là một thành viên của Vietcap, các quý cổ đông sẽ nhận được những đặc quyền như: quyền tham dự và đóng góp ý kiến trong các Đại hội cổ đông; nhận cổ tức với mức chi trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; đặc quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty; linh hoạt chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác; quyền tham gia vào những quyết định liên quan đến sự thay đổi cơ bản của Công ty... Các quy định cụ thể của Pháp luật Nhà nước và điều lệ của Công ty được thực hiện nghiêm túc, rõ ràng, minh bạch. Chúng tôi đảm bảo việc đối xử bình đẳng với mọi cổ đông, không có ưu đãi đặc biệt cho bất kỳ đối tượng nào. Các quyết định do Hội đồng Quản trị đưa ra đều dựa vào kết quả biểu quyết công khai.

Thông tin cổ đông năm 2023, Vietcap có:

14.374 CỔ ĐÔNG



123 CỔ ĐÔNG LÀ TỔ CHỨC



14.251 CỔ ĐÔNG LÀ CÁ NHÂN



Nhằm đáp ứng nhu cầu liên tục cập nhật nắm bắt thông tin thị trường một cách kịp thời và chính xác để tối ưu hóa hiệu quả đầu tư của các cổ đông, Vietcap tự hào tiên phong trong việc nghiên cứu ứng dụng và đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng công nghệ 4.0, liên tục đa dạng hóa các kênh thông tin truyền thông qua hệ thống website, email, ứng dụng di động... trên cơ sở an toàn bảo mật, thân thiện và tiện dụng với mọi đối tượng sử dụng.

Xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, đây cũng chính là chất xúc tác để Vietcap hướng đến việc cung cấp thông tin cho cổ đông, đối tác, khách hàng và cán bộ nhân viên bằng cả hai ngôn ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh trên kênh truyền thông chính thống như website, góp phần đảm bảo việc cập nhật thông tin nhanh chóng và đầy đủ cho cộng đồng đầu tư trong nước và quốc tế, góp phần nâng tầm chất lượng dịch vụ, khẳng định vị thế và không ngừng mở rộng thị trường.

“

Đặc biệt, Vietcap chú trọng duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định theo hướng cân bằng về lợi ích và lợi nhuận qua các năm, đáp ứng hiệu quả nhu cầu đầu tư sinh lời từ nguồn vốn của cổ đông và duy trì nguồn vốn tích lũy cho sự phát triển của Công ty theo hướng bền vững. Đây được xem là một trong những tiêu chí tiên quyết và cốt lõi cho các nhà đầu tư khi lựa chọn một cổ phiếu uy tín và tiềm năng cho mục tiêu đầu tư dài hạn.

”

CỔ TỨC ĐỢT 2.2022

500 ĐỒNG/CP

VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.371 TỶ ĐỒNG

HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

“

Vietcap xây dựng, thiết lập và vận hành một hệ thống quản trị rủi ro chung cho toàn Công ty bao gồm một cơ cấu tổ chức hoàn chỉnh và một cơ chế vận hành thống nhất.

”

Hệ thống quản trị rủi ro được thiết lập với khả năng xác định, đo lường, theo dõi, báo cáo và xử lý rủi ro một cách hiệu quả. Đặc biệt với các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ tại mọi thời điểm.

Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty đảm bảo:

- Sự tham gia và giám sát chặt chẽ của Ban Kiểm soát; công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của Ban Điều hành
- Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể
- Kế hoạch triển khai quản trị rủi ro thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ
- Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn Công ty, mỗi trưởng phòng, nhân viên của từng phòng/ban đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty.

Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Trong hệ thống quản trị rủi ro chung, Vietcap tách biệt vận hành quy trình quản trị rủi ro riêng đối với từng hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong toàn bộ hệ thống.

Hàng năm, Vietcap xây dựng và ban hành chính sách rủi ro làm cơ sở cho hoạt động quản trị rủi ro thường xuyên của Công ty. Trong đó, mức độ rủi ro, hạn mức rủi ro và khả năng chấp nhận rủi ro được quy định cụ thể cho từng hoạt động kinh doanh và được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Chính sách quản trị rủi ro được xây dựng và trình bày một cách rõ ràng, cụ thể, chi tiết các quy trình quản trị rủi ro cho từng hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo mọi nhân viên và bộ phận trong Công ty được tiếp cận, nắm vững và hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ của phòng/ban mình cũng như trách nhiệm của bản thân trong công tác quản trị rủi ro của Công ty.

Hành động Vì khách hàng

Tối ưu hóa trải nghiệm, nâng tầm giá trị bền vững

Với chúng tôi, ưu tiên đối mới trước hết không nằm ngoài mục tiêu làm hài lòng và bảo vệ quyền lợi của Quý Nhà đầu tư, tiếp theo là đảm bảo lợi ích chung của thị trường chứng khoán. Chúng tôi hiểu rằng, những nỗ lực của mình sẽ có đóng góp thiết thực vào sự phát triển chung của thị trường.

Việc liên tục cải tiến các quy cách hướng dẫn, cập nhật ứng dụng giao dịch, không ngừng trau dồi cách thức tiếp cận khách hàng trên mọi phương diện thông qua hàng loạt các chương trình cùng các đối tác công nghệ lớn như **VPBank, BIDV, Ví điện tử TIMO, MOMO** đã mang lại hiệu quả vượt trội và thành công thực tiễn.

Chúng tôi tin rằng, việc không ngừng mang tới những giá trị thiết thực cho khách hàng chính là động lực cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, Vietcap đã và đang đẩy mạnh đầu tư vào phát triển hạ tầng công nghệ, không ngừng xây dựng những ứng dụng kỹ thuật số để phục vụ tối đa cho nhu cầu tìm hiểu, tiếp cận thông tin, thực hiện giao dịch nhanh chóng của các nhà đầu tư.



Song song với việc tư vấn và hỗ trợ khách hàng trực tiếp thông qua đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp, bài bản, Vietcap còn duy trì và phát triển các kênh thông tin, ứng dụng hỗ trợ khách hàng đa dạng, bao gồm:

- Các giải pháp giao dịch trực tuyến như V-Pro, V-Web Trading cho phép nhà đầu tư ở bất cứ đâu đều có thể theo dõi được thông tin thị trường chứng khoán và giao dịch theo thời gian thực.
- Dịch vụ giao dịch trên thiết bị di động như V-Mobile: phần mềm hỗ trợ thiết bị di động trên cả hai nền tảng iOS và Android với những tính năng tiên tiến đáp ứng nhu cầu giao dịch cần thiết nhất.
- Hệ thống giao dịch trái phiếu V-Bond thuận tiện, giúp khách hàng mua bán và theo dõi tài sản trái phiếu trực tuyến, cập nhật những thông tin trái phiếu mới nhất.
- Giải pháp eKYC giúp nhà đầu tư mới gia nhập thị trường đơn giản và thuận tiện hơn, chỉ cần vài thao tác nhanh gọn để nhà đầu tư có thể nạp tiền vào thực hiện giao dịch đầu tư.
- Sản phẩm giao dịch trực tuyến hoạt động nhanh gọn, hướng dẫn quy trình, giao dịch đầy đủ rõ ràng, nhân viên sẵn sàng tư vấn và phục vụ.



Hoạt động **NỘI BỘ**

Kết nối đam mê - Bứt phá giới hạn

Bên cạnh các phúc lợi lao động cơ bản, Vietcap còn đặc biệt chú trọng đến việc cải thiện sức khỏe và tinh thần đoàn kết của cán bộ nhân viên thông qua các hoạt động thể thao. Do đó, nhằm thúc đẩy tinh thần vận động và nâng cao sức mạnh thể chất của các thành viên trong gia đình Vietcap, công ty đã tài trợ toàn bộ chi phí cho nhân viên tham gia vào các câu lạc bộ thể thao nội bộ như bóng đá, cầu lông, tennis, chạy bộ... Với tinh thần “Làm hết sức, chơi hết mình”, các hoạt động thể dục thể thao tại Vietcap luôn nhận được sự hưởng

ứng nhiệt tình và sôi nổi của tập thể nhân viên, với các buổi sinh hoạt vẫn diễn ra định kỳ hàng tuần, tạo môi trường rèn luyện sức khỏe hiệu quả và gắn kết.

Bên cạnh các hoạt động nội bộ, Vietcap còn khuyến khích các câu lạc bộ tham gia giao lưu, thi đấu với các đơn vị, tổ chức khác. Đây là cơ hội tuyệt vời để các thành viên cọ xát, học hỏi, khẳng định bản thân và lan tỏa tinh thần thể thao Vietcap.



HOẠT ĐỘNG Gắn kết nội bộ

Tại Vietcap, các hoạt động nội bộ đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp gắn kết và năng động. Do đó, chuỗi chương trình thường niên như Tiệc tất niên, Quốc tế Thiếu nhi, Quốc tế Phụ nữ, Chúc mừng Sinh nhật nhân viên,... là những hoạt động nội bộ được duy trì định kỳ trong suốt nhiều năm.

Tiệc tất niên 2023: “Vietcaptain: The Musical”

Vào cuối tháng 01.2024, Vietcap đã tổ chức thành công buổi tất niên với chủ đề “VIETCAPTAIN: THE MUSICAL”. Buổi tiệc là lời tri ân sâu sắc cho những đóng góp của tập thể Vietcap trong suốt một năm “đạp gió rẽ sóng” đầy thành công. Không chỉ là một bữa tiệc đơn thuần, đây còn là đêm hội âm nhạc đầy màu sắc, nơi các Vietcaptains thỏa sức thể hiện tài năng và gắn kết với nhau.

Awayday: “Charting New Horizons Together”

Company trip (hay còn gọi là Awayday) là hoạt động thường niên quy mô nhất được tổ chức dành cho tất cả nhân viên Vietcap trên cả nước. Đây là cơ hội để các thành viên cùng nhau khám phá những địa danh mới, trải nghiệm những hoạt động thú vị, đồng thời gắn kết để hiểu nhau hơn. Chuyến đi Awayday năm nay với chủ đề “CHARTING NEW HORIZONS TOGETHER” được tổ chức tại Đài Loan đã mang đến cho các Vietcaptains những trải nghiệm khó quên và tiếp thêm năng lượng cho hành trình chinh phục những mục tiêu mới.

Các hoạt động nội bộ này được xây dựng với mục đích mang lại điều kiện giao lưu giữa ban lãnh đạo và nhân viên, giữa từng phòng ban với nhau, rút ngắn những khoảng cách và rào cản giữa các thành viên trong đại gia đình Vietcap, tạo môi trường làm việc thuận lợi để mỗi cá nhân có cơ hội phát huy năng lực bản thân và đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty.

Vietcap - Nơi mỗi cá nhân đều có cơ hội tỏa sáng và cùng nhau chinh phục những đỉnh cao mới!



Hoạt động **VÌ CỘNG ĐỒNG**

Trao yêu thương tương lai rộng mở

Chuyến xe mùa xuân Đưa công nhân về quê ăn tết



Trên tinh thần cam kết hỗ trợ cộng đồng và sẻ chia những khó khăn của người lao động, Vietcap tự hào tiếp tục đồng hành cùng Thành đoàn TP.HCM và Liên đoàn Lao động để tổ chức chương trình đặc biệt, mang tên “Chuyến xe mùa xuân – Đưa công nhân về quê đón Tết Giáp Thìn 2024”. Đây không chỉ là một sự kiện ý nghĩa, mà còn là hành động thiết thực giúp người lao động xa xứ trở về với gia đình để sum vầy đoàn viên trong dịp Tết.

1.500 **VÉ XE & PHẦN QUÀ TẾT**

Chương trình năm nay đã trao tặng tổng cộng 1.500 vé xe và 1.500 phần quà Tết cho đoàn viên, người lao động có hoàn cảnh khó khăn về quê ăn Tết, chủ yếu về 14 tỉnh, thành miền Trung. Vietcap vinh dự được đóng góp một phần công sức vào việc xoa dịu những khó khăn, mang lại niềm vui và ấm áp cho cộng đồng trong dịp Tết truyền thống.

TỔNG SỐ TIỀN BẢO TRỢ
18,2 **TỶ ĐỒNG**

Nối vòng tay thương

Nối tiếp các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng, Vietcap hân hạnh phối hợp cùng Hội đồng Đội Trung ương, Trung tâm Hỗ trợ và Phát triển Thiếu nhi Việt Nam và Công ty Cổ phần Sữa quốc tế (IDP) tổ chức chương trình “Nối vòng tay thương”. Chương trình nhằm gặp mặt và trao quà cho các em thiếu nhi mồ côi do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, mang đến cho các em một mùa xuân ấm áp và tràn đầy yêu thương.



Tại chương trình, Vietcap đã sẻ chia yêu thương cùng 64 em nhỏ với những phần quà Tết ấm áp, bao gồm: 01 gói bảo trợ năm 2024 trị giá 24 triệu đồng và nhiều món quà Tết giá trị khác. Đây là món quà thiết thực, thể hiện sự quan tâm, chia sẻ của Vietcap và các đơn vị đồng hành đối với những hoàn cảnh khó khăn, giúp các em có một cái Tết ấm áp và đầy đủ hơn. Được biết, trong năm 2024, Vietcap và các đơn vị đồng hành sẽ tiếp tục trao gói bảo trợ dài hạn cho 758 em đang nhận bảo trợ của chương trình “Nối vòng tay thương”. Tổng số tiền bảo trợ lên đến 18,2 tỷ đồng, góp phần hỗ trợ các em về mặt vật chất và tinh thần, giúp các em có cơ hội học tập và phát triển tốt hơn.

Với những hoạt động thiết thực như “Nối vòng tay thương”, Vietcap mong muốn góp phần lan tỏa yêu thương, sẻ chia và tạo dựng một cộng đồng ngày càng gắn kết, nhân văn.

Trao yêu thương, vun đắp tương lai



Với mong muốn mang đến một mùa Tết Giáp Thìn ấm áp và tràn đầy yêu thương cho mọi nhà, Vietcap đã phối hợp với Thành đoàn tổ chức chương trình “Tết ấm áp”. Chương trình hướng đến hỗ trợ, chăm lo cho các Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình chính sách, các hộ gia đình khó khăn, người cao tuổi neo đơn, và các đối tượng yếu thế khác trong cộng đồng.

Thông qua chương trình, Vietcap đã trao gửi những phần quà ý nghĩa đến các hộ gia đình và cá nhân có hoàn cảnh khó khăn. Mỗi phần quà tuy nhỏ bé nhưng chứa đựng sự quan tâm, chia sẻ và động viên của Vietcap. Với tinh thần phát triển và mang lại những giá trị bền vững cho cộng đồng, Vietcap mong muốn được đồng hành cùng các gia đình vượt qua khó khăn, mang đến một mùa Tết ấm áp và sum vầy.

CHỈ SỐ GRI

CÁC NỘI DUNG TỔNG QUAN

GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
Chiến lược phân tích			
G4-2	Mô tả các tác động rủi ro và cơ hội chính	Định hướng phát triển bền vững; Quản trị doanh nghiệp hướng tới PTBV	105
Hồ sơ tổ chức			
G4-3	Báo cáo tên tổ chức	Tổng quan về báo cáo	14
G4-4	Sản phẩm dịch vụ chính	Ngành nghề kinh doanh - Báo cáo thường niên	16
G4-5	Trụ sở chính	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	14
G4-7	Loại hình sở hữu, mô hình pháp lý của tổ chức	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	14
G4-8	Thị trường phục vụ	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	26
G4-9	Quy mô của doanh nghiệp báo cáo	Thông tin doanh nghiệp - Báo cáo thường niên	10
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	39
Xác định các Ranh giới và Lĩnh vực trọng yếu			
G4-18	Giải thích quá trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới báo cáo. Nêu rõ doanh nghiệp đã áp dụng các quy tắc báo cáo để xây dựng nội dung báo cáo như thế nào	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững. Xác định các lĩnh vực trọng yếu	
Xác định các Ranh giới và Lĩnh vực trọng yếu			
G4-19	Liệt kê các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo	Xác định các lĩnh vực trọng yếu	20
G4-22	Báo cáo tác động của bất kỳ việc trình bày lại thông tin đã cung cấp nào trong báo cáo trước đó, và những nguyên nhân của việc trình bày lại đó.	Báo cáo không có việc trình bày lại thông tin nào gây ảnh hưởng	22
G4-23	Báo cáo những thay đổi đáng kể về Quy mô các Ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn trước đây	Báo cáo không có thay đổi lớn gì so với nội dung yêu cầu	23

GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
Sự tham vấn của các bên liên quan			
G4-24	Danh sách nhóm của các bên liên quan với Doanh nghiệp	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	110
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định các bên liên quan	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	109
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của các bên liên quan	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	109
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của các bên liên quan, doanh nghiệp phản hồi thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)	Gắn kết các bên liên quan vì mục tiêu phát triển bền vững	113
Hồ sơ báo cáo			
G4-28	Giai đoạn báo cáo	Tổng quan về báo cáo	
G4-29	Thời gian báo cáo gần nhất	Năm 2024 (thực hiện báo cáo cho các năm 2023)	
G4-30	Chu kỳ báo cáo	Thường niên	
G4-31	Địa chỉ liên hệ	Tổng quan về báo cáo	
Quản trị			
G4-34	Báo cáo cơ cấu quản trị của tổ chức	Tóm lược về Công ty và Bộ máy tổ chức - Báo cáo thường niên	80
G4-37	Báo cáo các quy trình tham vấn các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội	Ứng xử với các bên liên quan	
Vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc thiết lập mục đích, giá trị và chiến lược			
G4-45	Báo cáo vai trò cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội	Hoạt động quản trị rủi ro - Báo cáo Thường niên; Quản trị Doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững	68
Thù lao và các khoản lợi ích			
G4-51	Báo cáo cơ chế thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và các giám đốc điều hành cấp cao	Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT & BKS - Báo cáo thường niên	86

CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

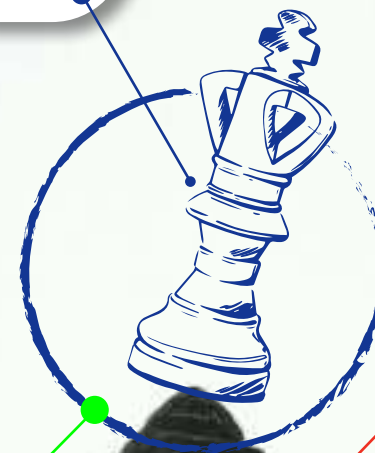
GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
MỤC TIÊU KINH TẾ			
Hiệu quả kinh tế			
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	
Các ảnh hưởng kinh tế trực tiếp			
G4-EC8	Những tác động gián tiếp về kinh tế	Tăng trưởng bền vững về kinh tế	
MỤC TIÊU XÃ HỘI			
Cách đối xử với người lao động và việc làm bền vững			42
Việc làm			
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ việc phân loại theo độ tuổi, giới tính, khu vực	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	39
G4-LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian theo địa điểm hoạt động trọng yếu	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	42
Giáo dục đào tạo			
G4-LA9	Giờ đào tạo mỗi năm cho người lao động	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	
G4-LA11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được đánh giá hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp định kỳ, theo giới tính và danh mục người lao động	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	42
Tính đa dạng và cơ hội nghề nghiệp bình đẳng			
G4-LA12	Thành phần của các cấp quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	39
Công bằng thù lao cho Nữ và Nam			
G4-LA13	Tỷ lệ lương và thù lao cơ bản của phụ nữ so với nam giới theo danh mục người lao động, và theo địa điểm hoạt động quan trọng	Gắn kết đội ngũ vì mục tiêu phát triển bền vững	42

GRI	Thông tin công bố	Nội dung trong báo cáo	Số trang
Cộng đồng địa phương			
G4-S01	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển đã thực hiện	Hoạt động về cộng đồng	116
Trách nhiệm đối với sản phẩm			
G4-S01	Kết quả khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng	Hoạt động về cộng đồng	



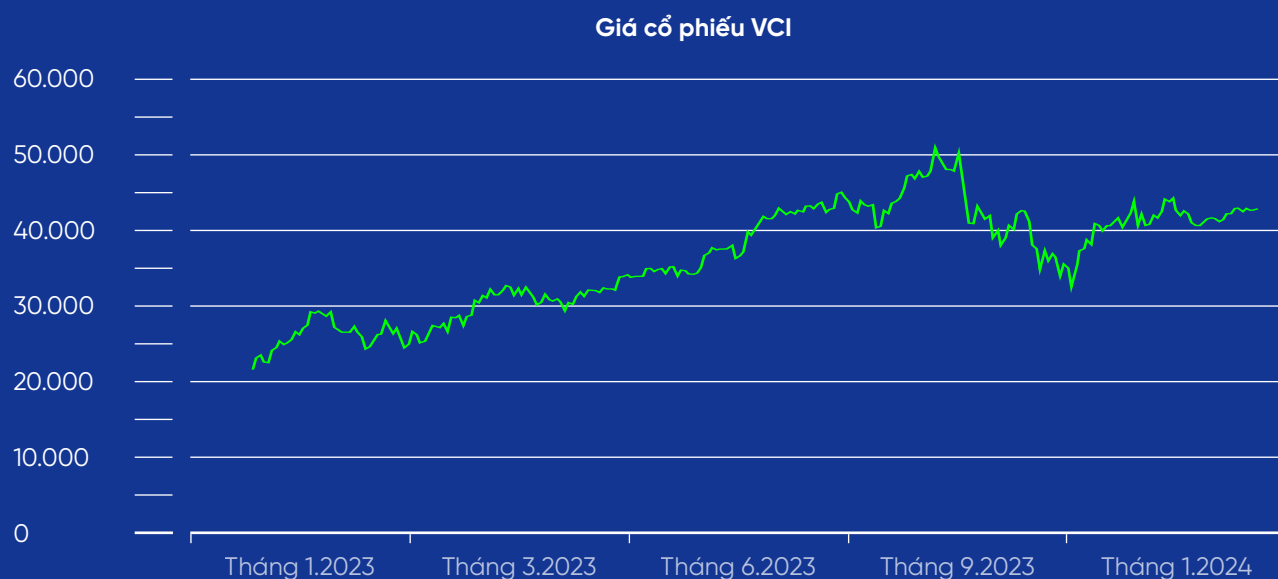
Hành trình vạn dặm

Vietcap 



Thông tin cổ phiếu và Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Thông tin cổ phiếu 2023



Giá cổ phiếu VCI: **42.750** đồng vào cuối năm 2023

Thông tin cổ phiếu

Năm 2023, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Căng thẳng địa chính trị diễn biến phức tạp tại một số khu vực trên thế giới. Lạm phát cao khiến nhiều nền kinh tế lớn gia tăng chính sách tiền tệ thắt chặt. Bên cạnh đó, nhu cầu mua hàng từ nhiều nền kinh tế lớn suy giảm đã ảnh hưởng đến quốc gia có độ mở lớn như Việt Nam.

Về thị trường chứng khoán

Về thị trường chứng khoán, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 đã có bước hồi phục sau khi giảm mạnh trong năm 2022. Diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam đã được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố, bao gồm chính sách cắt giảm lãi suất của NHNN, nhiều Nghị định và Thông tư nhằm tăng cường sự linh hoạt cho những người đi vay đang gặp khó khăn (chủ yếu trong lĩnh vực bất động sản) và trong việc cơ cấu lại/gia hạn nợ với các chủ nợ (ngân hàng và chủ sở hữu trái phiếu), bên cạnh kỳ vọng của thị trường về chu kỳ thắt chặt của Fed đã đạt đỉnh vào quý 4 năm 2023.

Kế hoạch kinh doanh

Ban lãnh đạo của Vietcap đã nhìn nhận những cơ hội cũng như thách thức của năm 2023 và đặt kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 1.000 tỷ đồng (tương ứng với mức giảm 6% so với thực hiện năm 2022) trong Đại hội Cổ đông thường niên của Vietcap tổ chức vào tháng 4 năm 2023.

Kết quả kinh doanh

Tại thời điểm đó, Ban lãnh đạo của Vietcap đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2023 dựa trên cơ sở VN-Index sẽ dao động quanh 1.100 điểm vào cuối năm 2023. Với những biến động của tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường, Vietcap đã ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế 571 tỷ đồng trong năm 2023, giảm 46% so với năm 2022. Tuy nhiên, giá cổ phiếu của Vietcap vẫn ghi nhận mức tăng mạnh 76% trong năm 2023 sau mức giảm của năm 2022. Cổ phiếu Vietcap đạt mức 42.750 đồng vào cuối năm 2023, tăng 87% từ mức 22.900 đồng vào đầu năm 2023.

Cổ phiếu Vietcap

Tăng 87%

trong năm 2023 so với cuối năm 2022

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư 2023

Trong năm 2023, Vietcap tiếp tục duy trì hoạt động cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Công ty một cách thường xuyên, đầy đủ và chính xác.

Đi kèm với các Báo cáo Tài chính hằng quý, Vietcap luôn phát hành các Báo cáo Hoạt động kinh doanh hằng quý, trong đó nêu chi tiết tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của từng bộ phận. Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư cũng nhận được nhiều yêu cầu thông tin từ Quý Nhà đầu tư cả trong và ngoài nước về chiến lược tổng thể cũng như tình hình tài chính của Vietcap và đã nhanh chóng chuyển đến bộ phận liên quan để giải đáp. Thông qua các kênh thông tin trên, ban quản trị Vietcap đã làm việc sâu sát với các nhà đầu tư có quan tâm đến cổ phiếu VCI, qua hình thức họp theo nhóm hoặc hình thức họp 1:1.

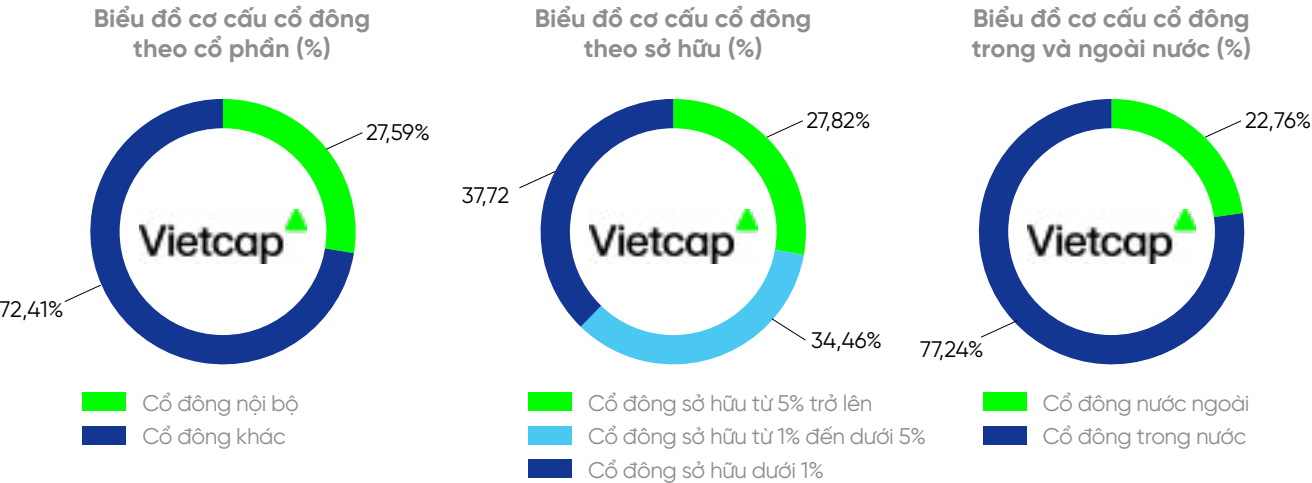
Thông tin cổ đông

Danh sách cổ đông chốt ngày 04.03.2024 và Danh sách phát hành ESOP 2023 cho CBNV

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
TỔNG SỐ VỐN CỔ PHẦN	437.500.000	4.375.000.000.000	100%
1. Cổ đông nội bộ			
HDQT, BGĐ, BKS, KTT	120.715.149	1.207.151.490.000	27,59%
2. Cổ đông khác			
Cá nhân, tổ chức	316.784.851	3.167.848.510.000	72,41%

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
TỔNG SỐ VỐN CỔ PHẦN	437.500.000	4.375.000.000.000	100%
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	121.734.427	1.217.344.270.000	27,82%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	150.759.398	1.507.593.980.000	34,46%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	165.006.175	1.650.061.750.000	37,72%

Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị tính theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
TỔNG SỐ VỐN CỔ PHẦN	437.500.000	4.375.000.000.000	100%
Cổ đông nước ngoài	99.581.306	995.813.060.000	22,76%
Cổ đông trong nước	337.918.694	3.379.186.940.000	77,24%



Danh sách cổ đông lớn

STT	Cá nhân/Tổ chức	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu đã được lưu ký	Tỷ lệ sở hữu
1	Tô Hải	98.895.695	16.484.000	22,61%
2	Trương Nguyễn Thiên Kim	22.838.732	5.200.000	5,22%

Danh sách cổ đông nội bộ

STT	Họ tên	Chức vụ	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%) (*)
Hội đồng Quản trị				
1	Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	17.550.000	4,01%
2	Tô Hải	Thành viên HĐQT	98.895.695	22,61%
3	Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	702.000	0,16%
4	Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên HĐQT	0	0%
5	Lê Phạm Ngọc Phương	Thành viên HĐQT	0	0%
6	Nguyễn Lân Trung Anh	Thành viên HĐQT	0	0%
7	Nguyễn Việt Hòa	Thành viên HĐQT	0	0%
Ban Tổng Giám đốc				
1	Đình Quang Hoàn	Phó TGD	100.134	0,02%
2	Nguyễn Quang Bảo	Phó TGD	3.075.320	0,70%
Ban Kiểm soát				
1	Mai Thị Thanh Trang	Trưởng BKS	0	0%
2	Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên BKS	0	0%
3	Trương Thị Huyền Trang	Thành viên BKS	0	0%
Kế toán trưởng				
1	Đoàn Minh Thiện	Kế toán trưởng	380.000	0,09%
Phụ trách quản trị Công ty				
1	Bùi Vũ Hoàng Tuyên	Phụ trách quản trị Công ty	12.000	0%
TỔNG CỘNG			120.715.149	27,59%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP
(Trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt)

Báo Cáo Tài Chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thông tin về doanh nghiệp	132
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	133
Báo cáo kiểm toán độc lập	134
Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01 – CTCK)	136
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B02 – CTCK)	140
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 – CTCK)	142
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Mẫu số B04 – CTCK)	145
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 – CTCK)	146



Giấy phép thành lập và hoạt động	Số 68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 58/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 7 năm 2023.	
Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
	Ông Tô Hải	Thành viên
	Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên
	Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
	Ông Lê Phạm Ngọc Phương	Thành viên
	Ông Nguyễn Lâm Trung Anh	Thành viên
	Bà Nguyễn Việt Hòa	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Mai Thị Thanh Trang	Trưởng ban
	Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên
	Bà Trương Thị Huyền Trang	Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Tô Hải	Tổng Giám đốc
Trụ sở chính	Tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco	
	Số 2, Đường Hải Triều, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt) (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 136 đến trang 209. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Tô Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 25 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 136 đến trang 209.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

THAY MẶT VÀ ĐẠI DIỆN CHO CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14639
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2024

Hoàng

Đào Trọng Hoàng
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
5620-2021-006-1

Tại ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2023 VNĐ	31.12.2022 VNĐ
TÀI SẢN				
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.174.448.616.966	14.157.693.071.824
110	Tài sản tài chính		16.979.554.557.451	14.105.852.063.553
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	787.897.819.240	3.423.501.614.803
111.1	Tiền		537.897.819.240	2.313.501.614.803
111.2	Các khoản tương đương tiền		250.000.000.000	1.110.000.000.000
112	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)	3.2(a)	122.137.632.000	665.257.896.316
113	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)	3.2(b)	380.900.000.000	885.888.640.000
114	Các khoản cho vay	3.3	7.992.468.349.969	5.279.279.236.685
115	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)	3.2(c)	6.603.829.152.415	3.734.009.015.450
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.3	(2.169.825.587)	(2.169.825.587)
117	Các khoản phải thu		848.567.540.009	91.374.339.025
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	3.4	745.348.455.200	31.889.442.000
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		103.219.084.809	59.484.897.025
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	3.4	103.219.084.809	59.484.897.025
118	Trả trước cho người bán	3.5	227.931.442.538	2.306.029.740
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.4	31.212.896.867	28.333.567.121
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	(13.220.450.000)	(1.928.450.000)
130	Tài sản ngắn hạn khác		194.894.059.515	51.841.008.271
131	Tạm ứng		83.004.284	973.203.243
132	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		337.024.993	342.890.728
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.7(a)	45.268.845.138	4.387.924.500
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.948.000.000	–
137	Tài sản ngắn hạn khác	3.8(a)	147.257.185.100	46.136.989.800
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		80.686.039.559	85.058.244.998
220	Tài sản cố định		23.425.609.453	23.496.558.588
221	Tài sản cố định hữu hình	3.6(a)	15.725.808.810	22.456.280.125
222	Nguyên giá		82.737.795.390	80.848.183.754
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(67.011.986.580)	(58.391.903.629)
227	Tài sản cố định vô hình	3.6(b)	7.699.800.643	1.040.278.463
228	Nguyên giá		58.334.874.042	50.615.835.542
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(50.635.073.399)	(49.575.557.079)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.6(c)	5.649.600.000	7.359.767.000
250	Tài sản dài hạn khác		51.610.830.106	54.201.919.410
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		8.571.243.684	6.864.190.240
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.7(b)	7.943.878.800	13.290.531.600
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.8(b)	24.941.477.252	23.914.928.922
255	Tài sản dài hạn khác	3.8(c)	10.154.230.370	10.132.268.648
270	TỔNG TÀI SẢN		17.255.134.656.525	14.242.751.316.822

Các thuyết minh từ trang 146 đến trang 209 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Tại ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2023 VNĐ	31.12.2022 VNĐ
300	NỢ PHẢI TRẢ		9.883.905.148.184	7.747.283.145.208
310	Nợ phải trả ngắn hạn		9.465.772.066.243	7.487.464.949.226
311	Vay ngắn hạn		8.979.275.000.000	6.326.207.142.857
312	Vay ngắn hạn	3.10	8.979.275.000.000	6.326.207.142.857
316	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	3.10	120.000.000.000	547.100.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.11	13.208.881.699	12.400.167.546
320	Phải trả người bán ngắn hạn	3.12	159.638.295.047	16.020.566.000
321	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.13	378.319.774	221.000.000
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.14	30.619.096.071	46.067.330.600
323	Phải trả người lao động		99.745.355.410	112.156.022.703
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.15	47.274.665.672	110.247.314.968
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.16	15.632.452.570	317.045.404.552
340	Nợ phải trả dài hạn		418.133.081.941	259.818.195.982
356	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.17	418.133.081.941	259.818.195.982
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ			9.883.905.148.184	7.747.283.145.208
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.371.229.508.341	6.495.468.171.614
410	Vốn chủ sở hữu		7.371.229.508.341	6.495.468.171.614
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.388.500.198.000	4.364.499.010.000
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	3.18	4.375.000.000.000	4.354.999.010.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.375.000.000.000	4.354.999.010.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		13.500.198.000	9.500.000.000
412	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	3.19	1.607.735.798.409	1.030.130.358.576
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		67.496.330.852	67.496.330.852
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		–	233.096.330.852
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.20	1.307.497.181.080	800.246.141.334
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.307.134.594.788	791.426.130.951
417.2	Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		362.586.292	8.820.010.383
TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU			7.371.229.508.341	6.495.468.171.614
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.255.134.656.525	14.242.751.316.822

Các thuyết minh từ trang 146 đến trang 209 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Tại ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2023	31.12.2022
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.1	25.145.170.448	25.145.170.448
005	Ngoại tệ các loại (quy ra VND)	4.2	25.168.406.866	21.169.108.717
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4.3	437.500.000	435.499.901
THEO SỐ LƯỢNG				
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSDC) của công ty chứng khoán	4.4	148.921.145	56.400.338
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán	4.5	6.993.454	509.600
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán	4.6	19.319.544	23.864.101
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	4.7	62.192.600	14.379.100
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG THEO SỐ LƯỢNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư		3.284.830.661	3.303.485.792
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		2.605.486.765	2.651.433.724
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		186.578.330	185.960.814
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		453.340.199	438.337.063
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		1.901.618	1.863.441
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		37.523.749	25.890.750
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		33.008.464	28.445.780

Các thuyết minh từ trang 146 đến trang 209 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Tại ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	31.12.2023	31.12.2022	
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo) THEO GIÁ TRỊ (VNĐ)			
026	Tiền gửi của khách hàng	2.772.739.733.406	2.215.437.099.227	
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.824.604.521.626	1.630.139.522.487	
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	389.722.524.982	345.167.970.766	
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	948.135.211.780	585.297.576.740	
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước	928.422.658.780	562.180.386.740	
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài	19.712.553.000	23.117.190.000	
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.824.604.521.626	1.630.139.522.487	
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.202.561.198.633	1.129.292.077.485	
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	622.043.322.993	500.847.445.002	

Nguyễn Thị Lành
Người lập bảng

Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng

Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 146 đến trang 209 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Năm tài chính kết thúc ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2023 VNĐ	31.12.2022 VNĐ
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		943.098.378.624	1.201.683.322.439
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	856.242.542.821	1.431.873.905.175
01.2	Tăng/(giảm) chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	303.727.732	(272.875.074.860)
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	95.800.494.711	66.985.745.980
01.4	Chênh lệch giảm đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	(9.248.386.640)	(24.301.253.856)
02	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")		78.126.606.229	64.247.120.862
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		688.950.403.598	708.154.429.982
04	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	5.3	174.362.031.840	107.410.888.493
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		535.380.417.043	1.011.221.765.817
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		12.789.147.936	7.479.717.052
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		12.037.768.532	10.997.351.336
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		26.551.350.000	44.665.254.181
11	Thu nhập hoạt động khác		1.164.439.595	382.886.183
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		2.472.460.543.397	3.156.242.736.345
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		(496.357.513.119)	(900.399.312.647)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	(494.191.661.413)	(936.490.470.685)
21.2	(Tăng)/giảm chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	(1.627.121.206)	25.213.517.094
21.3	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(538.730.500)	(1.037.861.000)
21.4	Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	-	11.915.501.944
26	Chi phí hoạt động tự doanh		(40.216.162.257)	(19.503.078.747)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(437.073.497.170)	(429.270.571.569)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(17.353.982.525)	(20.168.782.538)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính		(72.595.946.454)	(29.189.433.977)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(1.063.597.101.525)	(1.398.531.179.478)
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã thực hiện		17.099.000.000	28.280.000.000
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	5.1	6.597.152.009	7.268.432.639
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		23.696.152.009	35.548.432.639

Các thuyết minh từ trang 146 đến trang 209 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Năm tài chính kết thúc ngày

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2023 VNĐ	31.12.2022 VNĐ
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	5.4	(131.085.812.227)	(116.511.865.797)
52	Chi phí lãi vay	5.4	(562.553.033.255)	(477.360.036.322)
55	Chi phí tài chính khác	5.4	(46.522.320.559)	(106.578.173.967)
60	TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH		(740.161.166.041)	(700.450.076.086)
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.5	(122.388.199.025)	(76.767.476.142)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		570.010.228.815	1.016.042.437.278
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác	5.6	132.390.105	44.543.029.091
72	Chi phí khác		(3.978.786)	(846.752.984)
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		128.411.319	43.696.276.107
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		570.138.640.134	1.059.738.713.385
91	Lợi nhuận đã thực hiện		580.710.420.248	1.319.786.023.063
92	Lỗ chưa thực hiện		(10.571.780.114)	(260.047.309.678)
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.7	(78.233.980.740)	(190.760.527.583)
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(64.320.454.739)	(250.981.079.495)
100.2	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại		(13.913.526.001)	60.220.551.912
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		491.904.659.394	868.978.185.802
300	THU NHẬP/(LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		577.605.439.833	(635.523.328.875)
301	Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.19	577.605.439.833	(635.523.328.875)
400	TỔNG THU NHẬP/(LỖ) TOÀN DIỆN		577.605.439.833	(635.523.328.875)
500 THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông (Đồng/cổ phiếu)	5.8	1.127	1.999
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	5.8	1.127	1.999



Nguyễn Thị Lành
Người lập bảng



Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 146 đến trang 209 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Năm tài chính kết thúc ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2023 VNĐ	31.12.2022 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		570.138.640.134	1.059.738.713.385
02	Điều chỉnh cho các khoản:		480.305.547.717	427.676.933.455
03	Khấu hao tài sản cố định		9.679.599.271	9.647.191.174
04	Các khoản dự phòng		11.292.000.000	-
06	Chi phí lãi vay	5.4	562.553.033.255	477.360.036.322
07	Lỗ từ hoạt động đầu tư		-	154.602.984
08	Dự thu tiền lãi		(103.219.084.809)	(59.484.897.025)
10	Điều chỉnh các chi phí phi tiền tệ		1.627.121.206	(25.213.517.094)
11	Tăng/(giảm) chênh lệch đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	5.2(a)	1.627.121.206	(25.213.517.094)
18	Điều chỉnh các doanh thu phi tiền tệ		(303.727.732)	272.875.074.860
19	(Tăng)/giảm chênh lệch tăng đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	5.2(a)	(303.727.732)	272.875.074.860
30	Thay đổi trong vốn lưu động		(5.407.321.967.895)	2.006.811.362.129
31	Giảm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		541.796.870.842	308.597.015.353
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		504.988.640.000	(132.169.640.000)
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(2.713.189.113.284)	2.421.957.894.794
34	(Tăng)/giảm tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(2.147.813.337.174)	954.277.924.687
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(713.459.013.200)	156.405.365.000
36	Giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính		59.484.897.025	47.852.123.094
37	(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(2.879.329.746)	2.489.469.963
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(103.901.145.772)	101.913.636.579
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		4.324.296.126	13.776.432.504
42	Giảm chi phí trả trước		(35.534.267.838)	(4.401.545.826)
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp công ty chứng khoán đã nộp	3.14	(78.029.953.342)	(329.207.669.171)
44	Lãi vay đã trả		(629.849.978.677)	(453.800.839.637)
45	Giảm phải trả người bán		(82.007.683.751)	(553.314.226.661)
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	(140.272.500)
47	Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(1.738.735.926)	(192.216.769.962)
48	Giảm phải trả người lao động		(12.410.667.293)	(214.689.950.074)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		3.923.102.445	(119.194.100.124)
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.026.548.330)	(1.323.485.890)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.355.554.386.570)	3.741.888.566.735

Các thuyết minh từ trang 146 đến trang 209 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

Năm tài chính kết thúc ngày				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31.12.2023 VNĐ	31.12.2022 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
61	Tiền chi để mua sắm, hình thành tài sản cố định		(7.898.483.136)	(22.377.694.322)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định			685.000.000
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.898.483.136)	(21.692.694.322)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	7.1	24.001.188.000	25.000.000.000
73	Tiền vay gốc	6.1	20.322.010.000.000	15.126.047.142.857
74	Tiền chi trả nợ gốc vay	6.2	(18.096.042.142.857)	(16.579.490.000.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	3.16	(522.119.971.000)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.727.849.074.143	(1.428.442.857.143)
90	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(2.635.603.795.563)	2.291.753.015.270
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		3.423.501.614.803	1.131.748.599.533
101.1	Tiền		2.313.501.614.803	1.131.748.599.533
101.2	Các khoản tương đương tiền		1.110.000.000.000	-
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3.1	787.897.819.240	3.423.501.614.803
103.1	Tiền		537.897.819.240	2.313.501.614.803
103.2	Các khoản tương đương tiền		250.000.000.000	1.110.000.000.000

Các thuyết minh từ trang 146 đến trang 209 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm tài chính kết thúc ngày			
Mã số	CHỈ TIÊU	31.12.2023	31.12.2022
LƯU CHUYỂN TIỀN HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	224.803.526.247.710	215.091.700.373.791
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(253.901.091.021.099)	(283.568.027.341.637)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	29.627.666.835.877	67.269.386.371.230
07.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC	44.554.554.216	306.517.359.828
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(17.353.982.525)	(20.168.782.538)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	557.302.634.179	(920.592.019.326)
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	2.215.437.099.227	3.136.029.118.553
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm	2.215.437.099.227	3.136.029.118.553
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.630.139.522.487	1.427.063.444.480
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	585.297.576.740	1.708.965.674.073
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	2.772.739.733.406	2.215.437.099.227
41	Tiền gửi ngân hàng đầu năm	2.772.739.733.406	2.215.437.099.227
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.824.604.521.626	1.630.139.522.487
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	948.135.211.780	585.297.576.740

Nguyễn Thị Lành

Người lập bảng

Đoàn Minh Thiện

Kế toán trưởng

Tô Hải

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 146 đến trang 209 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CHỈ TIÊU	Tại ngày		Trong năm tài chính kết thúc ngày		Tại ngày	
	1.1.2022	1.1.2023	31 tháng 12 năm 2022	31 tháng 12 năm 2023	31.12.2022	31.12.2023
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.334.500.000.000	4.364.499.010.000	1.029.999.010.000	-	24.001.188.000	4.388.500.198.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	3.330.000.000.000	4.354.999.010.000	1.024.999.010.000	-	20.000.990.000	4.375.000.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	4.500.000.000	9.500.000.000	5.000.000.000	-	4.000.198.000	13.500.198.000
1.3 Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	67.496.330.852	67.496.330.852	-	-	-	67.496.330.852
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	233.096.330.852	233.096.330.852	-	-	-	233.096.330.852
4. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	1.665.653.687.451	1.030.130.358.576	-	(635.523.328.875)	577.605.439.833	1.607.735.798.409
5. Lợi nhuận chưa phân phối	1.241.116.896.232	800.246.141.334	1.077.016.033.544	(1.517.886.788.442)	733.458.414.337	1.307.497.181.080
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.024.259.038.107	791.426.130.951	1.077.016.033.544	(1.309.848.940.700)	733.458.414.337	1.307.134.594.788
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	216.857.858.125	8.820.010.383	-	(208.037.847.742)	-	362.586.292
Tổng cộng	6.541.863.245.387	6.495.468.171.614	2.107.015.043.544	(2.153.410.117.317)	1.335.065.042.170	7.371.229.508.341

Nguyễn Thị Lành

Người lập bảng

Đoàn Minh Thiện

Kế toán trưởng

Tô Hải

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2024

1

THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 58/GPĐC-UBCK được cấp ngày 17 tháng 7 năm 2023.

Công ty đổi tên thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap” theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ.VCSC ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Giấy phép điều chỉnh số 26/GPĐC-UBCK được cấp ngày 12 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 233/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 12 năm 2017 với mã chứng khoán là VCI.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 2 Đường Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:

Email: info@vietcap.com.vn

Điện thoại: (+84) 28 3914 3588

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 19 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 22 tháng 6 năm 2023.

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 382 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 374 nhân viên).

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“ngày báo cáo”)

	VND
Vốn điều lệ của Công ty	4.375.000.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	7.371.229.508.341
Tổng tài sản	17.255.134.656.525

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp và đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Công ty là tối ưu hóa lợi nhuận. Hoạt động đầu tư phải phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty và đảm bảo tuân thủ với pháp luật chứng khoán hiện hành.

Mạng lưới hoạt động

Tại ngày báo cáo, Công ty có 1 chi nhánh và 3 phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 (“Công văn 6190/BTC-CĐKT”) và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23/2018/TT-BTC”) do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

2.2

Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.2);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM và các khoản cho vay (Thuyết minh 2.7, Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.3);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (Thuyết minh 2.8 và Thuyết minh 3.4);

2.3

Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi kỳ quỹ cho chứng quyền và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.7 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ban Tổng Giám đốc sẽ xác định một tài sản tài chính là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự “không thống nhất kế toán”) mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (“AFS”); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong năm tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất Công ty đã bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính HTM trước thời hạn, trong đó mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính HTM, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn (ví dụ không quá 3 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) (tiếp theo)

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong năm hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; và
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị hợp lý không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có). Khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dùng ghi nhận.

(b) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

(i) Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo. Cổ phiếu giao dịch trên UPCoM được đánh giá lại căn cứ vào giá tham chiếu trong ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính.

(ii) Cổ phiếu khác

Các cổ phiếu khác được đánh giá lại phương pháp nội bộ của Công ty. Các cổ phiếu không có đủ thông tin giao dịch và giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

(iii) Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế.

Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(iv) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính ngoại trừ các khoản phải thu (tiếp theo)

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý (tiếp theo)

(v) *Chúng chỉ quỹ mở/ quỹ hoán đổi danh mục ("ETF")*

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất tính đến ngày định giá.

(vi) *Chúng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi*

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

(vii) *Chúng chỉ tiền gửi*

Được định giá bằng giá mua chứng chỉ tiền gửi cộng lãi lũy kế tính đến ngày lập báo cáo.

(f) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CDKT, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản ngắn hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính .

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL'.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định'.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản dài hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán'.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu 'Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư' và 'Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC'.

2

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10

Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi cầm cố, thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư đem đi cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cầm cố, thế chấp trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản cầm cố, thế chấp để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận cầm cố, thế chấp sẽ được sử dụng tài sản cầm cố, thế chấp để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng cầm cố, thế chấp kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản đem đi cầm cố, thế chấp được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

2.11

Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Phương tiện vận chuyển	16,67%
Thiết bị văn phòng	33,33%
Phần mềm vi tính	33,33% – 50%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ công việc kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12

Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.14

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

2.15

Nợ phải trả

(a)

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dẫn tích và thận trọng.

(b)

Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Trái phiếu phát hành;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa, dịch vụ;
- Người mua trả tiền trước; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

2.17 Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính, công ty tài chính và các đối tượng khác. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

2.18 Trái phiếu phát hành

Trái phiếu phát hành được ghi nhận ban đầu theo giá phát hành. Phụ trội/(chiết khấu) trái phiếu được xác định tại thời điểm phát hành và phân bổ vào chi phí lãi vay hoặc vốn hóa trong suốt thời hạn của trái phiếu theo phương pháp đường thẳng.

Số dư trái phiếu phát hành được trình bày trên cơ sở thuần (mệnh giá cộng phụ trội hoặc trừ chiết khấu chưa phân bổ hết tại ngày báo cáo).

Số dư trái phiếu phát hành được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của trái phiếu.

2.19 Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong năm phát sinh. Tiềm bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối kỳ, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoại bảng. Số lượng chứng quyền được phép phát hành nhưng chưa lưu hành tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối kỳ. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính AFS.

Giao dịch tự doanh chứng quyền

Khi Công ty mua các chứng quyền của tổ chức khác phát hành để đầu tư thì Công ty hạch toán tương tự với tài sản tài chính FVTPL.

2.20 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch bán mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

2.21 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí trong năm.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.22 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

2.23 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty nhưng chưa bị huỷ bỏ tại ngày báo cáo. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

- Cổ phiếu quỹ mua lại trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán 2019 (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và có thể được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được huỷ bỏ và điều chỉnh giảm vốn điều lệ theo quy định. Công ty không có giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 tính đến ngày phát hành báo cáo này.

(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý sau khi trừ đi thuế TNDN hoãn lại.

(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cho mỗi quỹ vào mỗi năm Công ty có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

(d) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động và thuế thu nhập hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông hoặc khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN. Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022 (ngày Thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực), cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

2.25 Tài sản của và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

2.26 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.27 Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động
- Chi phí tài chính
- Chi phí quản lý
- Chi phí khác

2.28 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm, chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.29 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá, chi phí đi vay hợp vốn và lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng hoán đổi ngoại tệ với các ngân hàng thương mại trong nước. Chi phí phòng ngừa rủi ro phát sinh từ những hợp đồng này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đi vay hợp vốn (ngoại trừ lãi vay) mà Công ty phải thanh toán cho tổ chức cho vay tại thời điểm khoản vay được khởi tạo được ghi nhận là một chi phí trả trước và phân bổ vào chi phí tài chính tương ứng với thời hạn của khoản vay.

2.30 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí vật liệu văn phòng phẩm, chi phí khấu hao, chi phí đi lại, chi phí thuê văn phòng và chi phí quản lý khác.

2.31 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.32 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.33 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

2.34 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

3THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	476.310.684	209.635.507
Tiền gửi ngân hàng	537.421.508.556	2.313.291.979.296
	537.897.819.240	2.313.501.614.803
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng(*)	250.000.000.000	1.110.000.000.000
	787.897.819.240	3.423.501.614.803

(*) Các khoản tương đương bao gồm tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất 4% đến 4,75%/năm (2022: từ 5% đến 6%/năm). Chi tiết các khoản tương đương tiền được dùng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Thuyết minh 3.9) như:

Tổ chức phát hành/đối tác	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Mệnh giá (VNĐ)	Lãi suất/năm
Ngân hàng trong nước	25.12.2023	25.1.2024	100.000.000.000	4%

3.2Danh mục tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023		Chênh lệch đánh giá lại		Giá thị trường/ Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	125.069.081.721	801.838.837	(3.733.288.558)	122.137.632.000
Tổng cộng	125.069.081.721	801.838.837	(3.733.288.558)	122.137.632.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022		Chênh lệch đánh giá lại		Giá thị trường/ Giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	68.273.489.947	498.111.105	(2.106.167.352)	66.665.433.700
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	598.592.462.616	-	-	598.592.462.616
Tổng cộng	666.865.952.563	498.111.105	(2.106.167.352)	665.257.896.316

(*) Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này được xác định theo giá mua cộng lãi lũy kế.

3THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

	Tại ngày 31.12.2022		Tại ngày 31.12.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	125.069.081.721	122.137.632.000	68.273.489.947	66.665.433.700
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (CTG)	56.704.805.186	54.568.560.000	1.360.872.462	1.362.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	-	-	4.023.040.501	3.963.600.000
Cổ phiếu khác	68.364.276.535	67.569.072.000	62.889.576.984	61.339.333.700
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	598.592.462.616	598.592.462.616
Công ty Cổ phần Bất động sản Phát Đạt (PDRH2123010)	-	-	151.283.043.984	151.283.043.984
Công ty Cổ phần Bất động sản Phát Đạt (PDRH2123008)	-	-	74.559.176.056	74.559.176.056
Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (PCIH2227001)	-	-	234.488.113.962	234.488.113.962
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSNH2227004)	-	-	125.105.128.614	125.105.128.614
Trái phiếu khác	-	-	13.157.000.000	13.157.000.000
Tổng cộng	125.069.081.721	122.137.632.000	666.865.952.563	665.257.896.316

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	310.000.000.000	-	867.288.640.000	-
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền	66.500.000.000	-	18.600.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	4.400.000.000	-	-	-
	380.900.000.000	-	885.888.640.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày báo cáo như sau:

Tổ chức phát hành/đối tác	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Mệnh giá VND	Lãi suất/năm
Chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng			4.400.000.000	
Công ty tài chính trong nước	17.08.2023	19.02.2024	4.400.000.000	11%
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn			310.000.000.000	
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài (*)	15.11.2023	25.11.2024	310.000.000.000	6%
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (**)			66.500.000.000	
Ngân hàng trong nước			66.500.000.000	3,7% – 5%

(*) Khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.10).

(**) Đây là tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành, có thời gian đáo hạn trên 3 tháng. Tiền gửi này được phong tỏa trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2016.

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chênh lệch đánh giá			Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	3.920.371.868.215	1.894.005.062.783	(71.764.223.096)	5.742.612.707.902
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	8.376.960.476	130.263.143	(301.354.819)	8.205.868.800
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	665.410.575.713	187.600.000.000	-	853.010.575.713
Phản ánh theo giá gốc (*)	257.170.575.713	-	-	257.170.575.713
Phản ánh theo giá trị hợp lý (**)	408.240.000.000	187.600.000.000	-	595.840.000.000
Tổng cộng	4.594.159.404.404	2.081.735.325.926	(72.065.577.915)	6.603.829.152.415

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Chênh lệch đánh giá			Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.736.090.790.598	1.271.393.607.326	(171.152.014.987)	2.836.332.382.937
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	5.550.850.919	104.690.744	(283.334.863)	5.372.206.800
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	704.704.425.713	187.600.000.000	-	892.304.425.713
Phản ánh theo giá gốc (*)	296.464.425.713	-	-	296.464.425.713
Phản ánh theo giá trị hợp lý (**)	408.240.000.000	187.600.000.000	-	595.840.000.000
Tổng cộng	2.446.346.067.230	1.459.098.298.070	(171.435.349.850)	3.734.009.015.450

3THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") (tiếp theo)

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	3.920.371.868.215	5.742.612.707.902	1.736.090.790.598	2.836.332.382.937
Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế (IDP)	440.985.822.375	2.166.246.145.000	440.985.822.375	1.617.938.299.327
CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền (KDH)	944.389.587.724	1.019.022.849.800	510.303.079.578	357.034.042.700
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	238.561.756.602	246.635.899.250	–	–
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	282.606.909.165	236.322.065.000	161.855.588.508	176.103.312.000
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	222.485.963.573	234.066.200.000	1.782.504.506	1.905.880.000
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	172.031.976.677	174.563.151.400	1.726.779.805	1.574.758.200
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	112.073.429.707	109.167.110.000	–	–
Cổ phiếu khác	1.507.236.422.392	1.556.589.287.452	619.437.015.826	681.776.090.710
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	8.376.960.476	8.205.868.800	5.550.850.919	5.372.206.800
Công ty Cổ phần FPT (FPT)	3.257.526.323	3.305.455.600	288.555.547	263.151.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	569.268.807	476.035.000	138.128.877	150.288.000
Cổ phiếu khác	4.550.165.346	4.424.378.200	5.124.166.495	4.958.767.000
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	665.410.575.713	853.010.575.713	704.704.425.713	892.304.425.713
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (NAPAS) (**)	408.240.000.000	595.840.000.000	408.240.000.000	595.840.000.000
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC (*)	161.294.370.000	161.294.370.000	161.294.370.000	161.294.370.000
Cổ phiếu khác (*)	95.876.205.713	95.876.205.713	135.170.055.713	135.170.055.713
Tổng cộng	4.594.159.404.404	6.603.829.152.415	2.446.346.067.230	3.734.009.015.450

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") (tiếp theo)

(*) Các công cụ vốn này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý của chúng không thể xác định một cách đáng tin cậy, nên được phản ánh theo giá gốc.

(**) Khoản đầu tư vào cổ phiếu NAPAS được định giá theo mô hình định giá nội bộ của Công ty theo phương pháp hệ số thị trường. Giá trị hợp lý được xác định là giá trị trung bình đơn thuần của hai kết quả ước tính theo phương pháp hệ số thu nhập (PE) và phương pháp hệ số sổ sách (PB). Giá trị hợp lý được xác định tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị hợp lý đánh giá lại không có khác biệt đáng kể so với giá trị hợp lý đang được ghi nhận của khoản đầu tư này.

Giá trị các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính AFS được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày ở Thuyết minh 3.9.

3.3Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị

(a) Các khoản cho vay

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (*)	7.612.101.283.117	(2.169.825.587)	4.968.026.671.773	(2.169.825.587)
Ứng trước tiền bán chứng khoán	380.367.066.852	–	311.252.564.912	–
	7.992.468.349.969	(2.169.825.587)	5.279.279.236.685	(2.169.825.587)

(*) Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 22.924.532.921.010 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 27.202.388.205.950 Đồng).

(b) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Biến động số dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp trong năm như sau:

	Số dư đầu kỳ VND	Trích lập trong kỳ VND	Hoàn nhập trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	2.169.825.587	–	–	2.169.825.587

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng phải thu khó đòi VND
Phải thu bán các tài sản tài chính				
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	745.348.455.200	–	31.888.215.000	–
Phải thu bán chứng quyền có bảo đảm	–	–	1.227.000	–
	745.348.455.200	–	31.889.442.000	–
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính				
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	103.219.084.809	–	59.484.897.025	–
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu phí dịch vụ cung cấp	31.212.896.867	13.220.450.000	28.333.567.121	1.928.450.000
	879.780.436.876	13.220.450.000	119.707.906.146	1.928.450.000

Chi tiết biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi		Dự phòng			
	Tại ngày đầu kỳ VND	Tại ngày cuối kỳ VND	Tại ngày đầu kỳ VND	Trích lập trong kỳ VND	Hoàn nhập trong kỳ VND	Tại ngày cuối kỳ VND
Phải thu phí dịch vụ cung cấp						
Khách hàng cá nhân	22.584.000.000	–	–	11.292.000.000	–	11.292.000.000
Công ty TNHH Besra Việt Nam	582.450.000	582.450.000	582.450.000	–	–	582.450.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm QVD Đồng Tháp	462.000.000	462.000.000	462.000.000	–	–	462.000.000
Các khách hàng doanh nghiệp khác	884.000.000	884.000.000	884.000.000	–	–	884.000.000
Tổng cộng	24.512.450.000	1.928.450.000	1.928.450.000	11.292.000.000	–	13.220.450.000

3.5 Trả trước cho người bán

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Đặt cọc mua trái phiếu	225.192.100.000	–
Khác	2.739.342.538	2.306.029.740
	227.931.442.538	2.306.029.740

3.6 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1.1.2023	12.657.406.382	68.190.777.372	80.848.183.754
Mua trong năm	–	1.889.611.636	1.889.611.636
Tại ngày 31.12.2023	12.657.406.382	70.080.389.008	82.737.795.390
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1.1.2023	3.865.171.129	54.526.732.500	58.391.903.629
Khấu hao trong năm	1.753.580.820	6.866.502.131	8.620.082.951
Tại ngày 31.12.2023	5.618.751.949	61.393.234.631	67.011.986.580
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1.1.2023	8.792.235.253	13.664.044.872	22.456.280.125
Tại ngày 31.12.2023	7.038.654.433	8.687.154.377	15.725.808.810

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 53.721 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 48.603 triệu Đồng).

3THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.6Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2023	50.615.835.542
Mua trong năm	3.101.918.500
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.6(c))	4.617.120.000
Tại ngày 31.12.2023	58.334.874.042
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2023	49.575.557.079
Khấu hao trong năm	1.059.516.320
Tại ngày 31.12.2023	50.635.073.399
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2023	1.040.278.463
Tại ngày 31.12.2023	7.699.800.643

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các cam kết về việc mua TSCĐ vô hình có giá trị lớn chưa thực hiện (Thuyết minh 12).

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 49981 triệu Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 42.484 triệu Đồng).

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm	7.359.767.000	5.809.600.000
Tăng trong năm	4.755.474.089	12.419.675.060
Kết chuyển vào TSCĐ hữu hình	-	(280.000.000)
Kết chuyển vào TSCĐ vô hình (Thuyết minh 3.6(b))	(4.617.120.000)	(585.404.000)
Kết chuyển vào chi phí trả trước	(1.848.521.089)	(10.004.104.060)
Số dư cuối năm	5.649.600.000	7.359.767.000

3.7Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí vay hợp vốn	39.680.599.856	-
Chi phí công nghệ thông tin	5.418.348.407	3.305.769.131
Chi phí thuê văn phòng	169.896.875	1.082.155.369
	45.268.845.138	4.387.924.500

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí cải tạo văn phòng	7.943.878.800	10.784.479.307
Chi phí thuê văn phòng	-	2.506.052.293
	7.943.878.800	13.290.531.600

3.8Tài sản khác

(a) Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh (*)	147.257.185.100	46.136.989.800

(*) Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.8 Tài sản khác (tiếp theo)

(b) Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% trên tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm	23.914.928.922	22.591.443.032
Tiền nộp bổ sung	-	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.026.548.330	1.323.485.890
Số dư cuối năm	24.941.477.252	23.914.928.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

(c) Tài sản dài hạn khác

Đây là tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp

3.9 Tài sản đã cầm cố, thế chấp, ký quỹ

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng (Thuyết minh 3.1)	100.000.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh 3.2(b))	376.500.000.000	727.288.640.000
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM		
Trong danh mục AFS (Thuyết minh 3.2(c))	3.734.210.000.000	1.554.650.000.000
	4.210.710.000.000	2.281.938.640.000

Các tài sản đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.10).

3.10 Các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành

Tình hình tăng giảm các khoản vay và trái phiếu phát hành trong năm như sau:

		Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng nước ngoài	(i)	-	1.817.830.000.000	-	1.817.830.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài	(ii)	-	1.666.000.000.000	-	1.666.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài	(iii)	-	1.064.250.000.000	-	1.064.250.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(iv)	100.000.000.000	2.750.000.000.000	(1.900.000.000.000)	950.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(v)	500.000.000.000	2.725.000.000.000	(2.375.000.000.000)	850.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(vi)	300.000.000.000	2.126.000.000.000	(1.926.000.000.000)	500.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(vii)	-	3.100.000.000.000	(2.600.000.000.000)	500.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(viii)	-	600.000.000.000	(300.000.000.000)	300.000.000.000
Vay công ty cổ phần trong nước	(ix)	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(x)	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài	(xi)	-	502.320.000.000	(332.465.000.000)	169.855.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(xii)	-	330.000.000.000	(165.000.000.000)	165.000.000.000
Vay công ty tài chính trong nước	(xiii)	-	730.000.000.000	(580.000.000.000)	150.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài	(xiv)	-	428.460.000.000	(282.120.000.000)	146.340.000.000
Vay ngân hàng trong nước	(xv)	100.000.000.000	600.000.000.000	(600.000.000.000)	100.000.000.000
Vay công ty cổ phần trong nước	(xvi)	-	64.000.000.000	-	64.000.000.000
Vay công ty cổ phần trong nước	(xvii)	-	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài		2.569.707.142.857	-	(2.569.707.142.857)	-
Vay ngân hàng nước ngoài		2.300.000.000.000	-	(2.300.000.000.000)	-
Vay ngân hàng nước ngoài		456.500.000.000	-	(456.500.000.000)	-
Vay ngân hàng nước ngoài		-	482.150.000.000	(482.150.000.000)	-
Vay ngân hàng trong nước		-	-	-	-
Vay công ty cổ phần trong nước		-	300.000.000.000	(300.000.000.000)	-
Vay công ty cổ phần trong nước		-	300.000.000.000	(300.000.000.000)	-
Vay công ty cổ phần trong nước		-	200.000.000.000	(200.000.000.000)	-
Tổng vay ngắn hạn		6.326.207.142.857	20.322.010.000.000	(17.668.942.142.857)	8.979.275.000.000
Trái phiếu phát hành	(xviii)	547.100.000.000	-	(427.100.000.000)	120.000.000.000
Tổng		6.873.307.142.857	20.322.010.000.000	(18.096.042.142.857)	9.099.275.000.000

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.10 Các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành (tiếp theo)

- (i)

Đây là khoản vay hợp vốn từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 75 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 20 tháng 11 năm 2024. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá với 100% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi tiền tệ và hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền với các ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn phòng ngừa tương đương kỳ hạn của khoản vay. Khoản vay được đảm bảo một phần bằng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng cho vay (Thuyết minh 3.9).
- (ii)

Đây là khoản vay hợp vốn từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 100 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 8 tháng 8 năm 2024. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá với 100% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi tiền tệ và hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền với một ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn phòng ngừa tương đương kỳ hạn của khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản bảo lãnh từ một ngân hàng thương mại trong nước (Thuyết minh 3.9).
- (iii)

Đây là khoản vay hợp vốn từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 45 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 11 tháng 7 năm 2024. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá với 100% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn với một ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn phòng ngừa tương đương kỳ hạn của khoản vay. Khoản vay được đảm bảo bằng khoản bảo lãnh từ một ngân hàng thương mại trong nước.
- (iv)

Đây là khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.100 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 14 tháng 11 năm 2023, bao gồm hạn mức tín chấp là 900 tỷ Đồng và hạn mức có tài sản đảm bảo là 200 tỷ Đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính AFS của Công ty.
- (v)

Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.500 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 10 tháng 4 năm 2024, bao gồm hạn mức cho vay tín chấp là 750 tỷ Đồng và hạn mức cho vay có tài sản đảm bảo là 750 tỷ Đồng.
- (vi)

Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 1.000 tỷ Đồng và 103 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 25 tháng 5 năm 2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính AFS của Công ty (Thuyết minh 3.9).
- (vii)

Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 700 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 5 tháng 7 năm 2024, bao gồm hạn mức cho vay tín chấp là 500 tỷ Đồng và hạn mức cho vay có tài sản đảm bảo là 200 tỷ Đồng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nằm trong hạn mức tín chấp và do đó không có tài sản đảm bảo.
- (viii)

Đây là khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 300 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 4 tháng 8 năm 2024. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính AFS của Công ty (Thuyết minh 3.9).
- (ix)

Đây là các khoản vay tín chấp từ một công ty cổ phần trong nước với hạn mức tín dụng là 300 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 17 tháng 4 năm 2024.

- (x)

Đây là các khoản vay tín chấp từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 200 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 17 tháng 10 năm 2024.
- (xi)

Đây là khoản vay tín chấp từ một chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với hạn mức tín dụng là 7 triệu Đô la Mỹ cấp ngày 22 tháng 8 năm 2022 và tự động gia hạn sau mỗi năm kể từ ngày ký kết.
- (xii)

Đây là khoản vay tín chấp từ một chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam với hạn mức tín dụng là 7 triệu Đô la Mỹ có hiệu lực đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và được tái tục hằng năm.
- (xiii)

Đây là các khoản vay tín chấp từ một công ty tài chính trong nước với hạn mức tín dụng là 150 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.
- (xiv)

Đây là khoản vay tín chấp từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 6 triệu Đô la Mỹ cấp ngày 11 tháng 3 năm 2019 và tự động gia hạn sau mỗi năm kể từ ngày ký kết.
- (xv)

Đây là các khoản vay có tài sản đảm bảo từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 100 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.
- (xvi)

Đây là các khoản vay tín chấp từ một công ty cổ phần trong nước với hạn mức tín dụng là 64 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 17 tháng 4 năm 2024.
- (xvii)

Đây là các khoản vay tín chấp từ một công ty cổ phần trong nước với hạn mức tín dụng là 36 tỷ Đồng có hiệu lực đến ngày 17 tháng 4 năm 2024.
- (xviii)

Đây là trái phiếu ghi danh không chuyển đổi do Công ty phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị. Các trái phiếu có mệnh giá 100.000.000 Đồng Việt Nam, có thời hạn từ 1 đến 2 năm kể từ ngày phát hành. Các trái phiếu được phân loại là trái phiếu phát hành ngắn hạn do trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại trước ngày đáo hạn. Lãi suất trái phiếu áp dụng tùy thuộc vào thời gian nắm giữ của trái chủ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có trái phiếu phát hành cho trái chủ là bên liên quan (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: không có).

Toàn bộ các khoản vay và trái phiếu phát hành của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay và trái phiếu phát hành chịu lãi suất từ 3,0% đến 13,5% một năm tùy thuộc vào thời điểm giải ngân/phát hành (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 2,1% đến 8,5% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản vay hoặc trái phiếu phát hành nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản này.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.11 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 5.2(b))	1.230.557.000	515.216.000
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	9.611.578.179	8.988.251.833
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	762.514.615	935.635.208
Phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	1.604.231.905	1.961.064.505
	13.208.881.699	12.400.167.546

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Phải trả mua chứng khoán qua các sở giao dịch	157.893.955.000	16.014.895.000
Phải trả mua chứng quyền có bảo đảm	6.235.000	1.447.000
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	1.738.105.047	4.224.000
	159.638.295.047	16.020.566.000

Công ty không có khoản phải trả người bán là các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số dư này chủ yếu bao gồm tiền ứng trước cho các dịch vụ cung cấp.

3.14 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	7.570.702.516	21.280.201.119
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	20.545.020.370	22.744.326.132
Thuế thu nhập cá nhân	2.368.285.570	1.711.434.881
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	135.087.615	331.368.468
	30.619.096.071	46.067.330.600

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	21.280.201.119	64.320.454.739	(78.029.953.342)	7.570.702.516
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	22.744.326.132	272.500.865.985	(274.700.171.747)	20.545.020.370
Thuế thu nhập cá nhân	1.711.434.881	66.112.964.168	(65.456.113.479)	2.368.285.570
Thuế GTGT	331.368.468	778.004.796	(974.285.649)	135.087.615
	46.067.330.600	403.712.289.688	(419.160.524.217)	30.619.096.071

3.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí lãi vay	36.082.868.555	65.786.088.283
Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá	7.727.678.024	40.572.722.940
Chi phí phải trả khác	3.464.119.093	3.888.503.745
	47.274.665.672	110.247.314.968

3THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.16Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (Thuyết minh 8(b))	8.168.624.110	8.168.624.110
Cổ tức phải trả cho các cổ đông (i)	2.768.953.340	307.138.973.840
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.694.875.120	1.737.806.602
	15.632.452.570	317.045.404.552

(i) Chi tiết biến động cổ tức phải trả trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm (*)	307.138.973.840	2.289.043.140
Cổ tức bằng tiền công bố trong năm	217.749.950.500	304.849.930.700
Trong đó:		
Cổ tức đợt 1 năm 2022 (Thuyết minh 7.1(iii))	-	304.849.930.700
Cổ tức đợt 2 năm 2022 (Thuyết minh 7.1(v))	217.749.950.500	-
Cổ tức đã trả	(522.119.971.000)	-
Số dư cuối năm (*)	2.768.953.340	307.138.973.840

(*) Số dư cổ tức chưa chi trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là do một số cổ đông chưa đến nhận.

Ngoài khoản (*), Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.17Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết số liệu về bù trừ như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng (i)	2.565.790.666	8.870.120.954
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng (ii)	(420.698.872.607)	(268.688.316.936)
	(418.133.081.941)	(259.818.195.982)

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm	(259.818.195.982)	(478.919.580.113)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 5.7)	(13.913.526.001)	60.220.551.912
Ghi nhận vào báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	(144.401.359.958)	158.880.832.219
Số dư cuối năm	(418.133.081.941)	(259.818.195.982)

(i) Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá (Thuyết minh 3.15)	7.727.678.024	40.572.722.940
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 5.2(a))	2.931.449.721	1.608.056.247
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ (Thuyết minh 3.3)	2.169.825.587	2.169.825.587
	12.828.953.332	44.350.604.774
Tính ở thuế suất 20%:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	2.565.790.666	8.870.120.954

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

(ii) Chi tiết thuế thu nhập hoãn lại phải trả như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Dự thu lãi cho vay	90.439.932.443	43.145.567.237
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS (Thuyết minh 3.19)	2.009.669.748.011	1.287.662.948.220
Chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 5.2(b))	3.384.682.584	12.633.069.224
	2.103.494.363.038	1.343.441.584.681
Tính ở thuế suất 20%:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	420.698.872.607	268.688.316.936

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.18 Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	437.500.000	435.499.901
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	437.500.000	435.499.901
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	437.500.000	435.499.901

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(b) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	Phần trăm (%)	Giá trị ghi sổ VND	Phần trăm (%)
Ông Tô Hải	98.895.695	22,61	98.695.695	22,66
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	22.838.732	5,22	22.838.732	5,24
Các cổ đông khác	315.765.573	72,17	313.965.474	72,10
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	437.500.000	100	435.499.901	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số lượng tại ngày đầu năm	435.499.901	333.000.000
Cổ phiếu mới phát hành trong năm	2.000.099	102.499.901
Số lượng tại ngày cuối năm	437.500.000	435.499.901

3.19 Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.2(c))	2.009.669.748.011	1.287.662.948.220
Điều chỉnh: Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(401.933.949.602)	(257.532.589.644)
	1.607.735.798.409	1.030.130.358.576

Chi tiết biến động của chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm	1.030.130.358.576	1.665.653.687.451
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	577.605.439.833	(635.523.328.875)
Số dư cuối năm	1.607.735.798.409	1.030.130.358.576

3.20 Lợi nhuận chưa phân phối

Chi tiết biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2023 VND	Thu nhập trong năm VND	Chia cổ tức (Thuyết minh 7.1 (v)) VND	Hoàn nhập các quỹ (Thuyết minh 7.1 (vi)) VND	Số dư tại ngày 31.12.2023 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	791.426.130.951	500.362.083.485	(217.749.950.500)	233.096.330.852	1.307.134.594.788
Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	8.820.010.383	(8.457.424.091)	-	-	362.586.292
Lợi nhuận chưa phân phối	800.246.141.334	491.904.659.394	(217.749.950.500)	233.096.330.852	1.307.497.181.080

Chi tiết biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm trước như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2022 VND	Thu nhập trong năm VND	Chia cổ tức VND	Số dư tại ngày 31.12.2022 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.024.259.038.107	1.077.016.033.544	(1.309.848.940.700)	791.426.130.951
Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	216.857.858.125	(208.037.847.742)	-	8.820.010.383
Lợi nhuận chưa phân phối	1.241.116.896.232	868.978.185.802	(1.309.848.940.700)	800.246.141.334

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	25.145.170.448	25.145.170.448

Nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến số dư cho vay theo hợp đồng giao dịch ký quỹ trong năm 2011 mà Công ty không thu hồi được đầy đủ do giá trị của tài sản đảm bảo giảm thấp hơn dư nợ. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ phần nợ không thu hồi được trước khi xóa sổ các số dư khó đòi này theo Nghị quyết số 09/2015/QĐ-HTQT.VCSC ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Hội đồng Quản trị.

4.2 Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các số dư ngoại tệ như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
Theo nguyên tệ		
Đô la Mỹ	915.930	747.217
Bảng Anh	73.956	70.005
Euro	19.661	19.651
Quy ra VND		
Đô la Mỹ	22.431.973.951	18.521.591.953
Bảng Anh	2.247.595.235	2.158.933.408
Euro	488.837.680	488.583.356
	25.168.406.866	21.169.108.717

4.3 Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm	2.000.099	102.499.901
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên	435.499.901	333.000.000
	437.500.000	435.499.901

4.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	67.349.660	46.886.438
Giao dịch cầm cố	55.200.000	8.500.000
Chờ thanh toán	26.371.485	1.013.900
	148.921.145	56.400.338

4.5 Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Chờ thanh toán	6.993.454	509.600

4.6 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	19.319.544	21.126.101
Hạn chế chuyển nhượng	-	2.738.000
	19.319.544	23.864.101

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

[tiếp theo]

4.7 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
FPT/VIETCAP/M/Au/T/A6	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	11.08.2023	15.02.2024	5.000.000	-	250.500	4.749.500
MSN/VIETCAP/M/Au/T/A6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	11.08.2023	15.02.2024	5.000.000	-	1.422.300	3.577.700
MWG/VIETCAP/M/Au/T/A8	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động (MWG)	11.08.2023	15.02.2024	5.000.000	-	4.968.700	31.300
POW/VIETCAP/M/Au/T/A2	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (POW)	11.08.2023	15.02.2024	5.000.000	-	3.056.500	1.943.500
VNM/VIETCAP/M/Au/T/A4	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	11.08.2023	15.02.2024	5.000.000	-	730.600	4.269.400
VPB/VIETCAP/M/Au/T/A6	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	11.08.2023	15.02.2024	5.000.000	-	291.700	4.708.300
VRE/VIETCAP/M/Au/T/A3	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	11.08.2023	15.02.2024	5.000.000	-	2.076.100	2.923.900
ACB/VIETCAP/M/Au/T/A3	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	15.12.2023	19.06.2024	5.000.000	-	11.000	4.989.000
HPG/VIETCAP/M/Au/T/A6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	15.12.2023	19.06.2024	5.000.000	-	-	5.000.000
MBB/VIETCAP/M/Au/T/A5	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	15.12.2023	19.06.2024	5.000.000	-	-	5.000.000
STB/VIETCAP/M/Au/T/A5	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	15.12.2023	19.06.2024	5.000.000	-	-	5.000.000
TCB/VIETCAP/M/Au/T/A5	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	15.12.2023	19.06.2024	5.000.000	-	-	5.000.000
TPB/VIETCAP/M/Au/T/A2	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB)	15.12.2023	19.06.2024	5.000.000	-	-	5.000.000
VHM/VIETCAP/M/Au/T/A3	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	15.12.2023	19.06.2024	5.000.000	-	-	5.000.000
VIB/VIETCAP/M/Au/T/A2	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	15.12.2023	19.06.2024	5.000.000	-	-	5.000.000
				75.000.000	-	12.807.400	62.192.600

4.8 Hợp đồng tương lai

			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			Tại ngày 31.12.2022		
Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán
VN30F2401	17.11.2023	18.01.2024	595	1.134.600	67.508.700.000	-	-	-
VN30F2301	18.11.2022	19.01.2023	-	-	-	-	1.004.500	-
			67.508.700.000					

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và kết quả giao dịch chứng quyền đã thực hiện

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	856.242.542.821	1.431.873.905.175
Trong đó:		
Lãi bán chứng khoán cơ sở	565.964.571.105	896.038.675.708
Lãi bán chứng khoán phái sinh	276.116.465.000	427.232.330.000
Lãi khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	2.817.232.150	16.218.259.470
Lãi khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	11.344.274.566	92.384.639.997
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(494.191.661.413)	(936.490.470.685)
Trong đó:		
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(254.324.326.537)	(664.733.011.151)
Lỗ bán chứng khoán phái sinh	(236.681.333.000)	(267.858.676.000)
Lỗ khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	(1.332.302.687)	(1.080.806.368)
Lỗ khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành	(1.853.699.189)	(2.817.977.166)
	362.050.881.408	495.383.434.490

Chi tiết theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi/(lỗ) bán năm này VND	Lãi/(lỗ) bán năm trước VND
Cổ phiếu	693.693.142	21.461.754.297.378	21.154.764.158.498	306.990.138.880	169.881.964.897
Trái phiếu	45.958.048	7.721.932.019.247	7.728.535.351.847	(6.603.332.600)	16.988.730.502
Chứng chỉ quỹ	61.158.400	1.262.860.116.413	1.255.906.864.925	6.953.251.488	49.545.668.358
Chứng chỉ tiền gửi	1.490	9.034.400.186.800	9.030.100.000.000	4.300.186.800	(5.110.699.200)
Lãi bán chứng khoán cơ sở		311.640.244.568	231.305.664.557		
Lãi vị thế từ hợp đồng tương lai		39.435.132.000	159.373.654.000		
Lãi khi mua lại chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		1.484.929.463	15.137.453.102		
Lãi khi đáo hạn chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành		9.490.575.377	89.566.662.831		
		362.050.881.408	495.383.434.490		

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm

Mẫu số B09 – CTCK

(a) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tăng/(giảm) chênh lệch tăng	303.727.732	(272.875.074.860)
(Tăng)/giảm chênh lệch giảm	(1.627.121.206)	25.213.517.094
	(1.323.393.474)	(247.661.557.766)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2022 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	125.069.081.721	122.137.632.000	(2.931.449.721)	(1.608.056.247)	(1.323.393.474)
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-
	125.069.081.721	122.137.632.000	(2.931.449.721)	(1.608.056.247)	(1.323.393.474)

(b) Chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Giảm chênh lệch giảm	(9.248.386.640)	(24.301.253.856)
(Tăng)/giảm chênh lệch tăng	-	11.915.501.944
	(9.248.386.640)	(12.385.751.912)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm như sau:

	Giá gốc	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2022 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Chứng quyền có bảo đảm	4.615.239.584	1.230.557.000	3.384.682.584	12.633.069.224	(9.248.386.640)

5.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL và AFS

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	95.800.494.711	66.985.745.980
Cổ tức	7936.542.600	1.303.902.500
Tiền lãi	87.863.952.111	65.681.843.480
Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	174.362.031.840	107.410.888.493
Cổ tức	174.362.031.840	107.410.888.493
	270.162.526.551	174.396.634.473

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.4 Chi phí tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	131.085.812.227	116.511.865.797
Đã thực hiện	123.358.134.203	75.939.142.857
Chưa thực hiện	7.727.678.024	40.572.722.940
Chi phí lãi vay	562.553.033.255	477.360.036.322
Chi phí đi vay hợp vốn	38.478.964.916	88.626.153.205
Chi phí phòng ngừa rủi ro tỷ giá	8.043.355.643	17.952.020.762
	740.161.166.041	700.450.076.086

5.5 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí nhân viên	52.732.688.269	34.346.040.222
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.911.947.205	16.429.419.548
Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 3.4)	11.292.000.000	-
Chi phí vật liệu văn phòng phẩm	1.784.975.237	1.605.988.782
Khấu hao tài sản cố định	2.546.848.237	1.957.651.963
Chi phí quản lý khác	33.119.740.077	22.428.375.627
	122.388.199.025	76.767.476.142

5.6 Thu nhập khác

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Hoàn nhập khoản thưởng năm 2021 cho Ban Tổng Giám đốc (*)	-	43.900.000.000
Khác	132.390.105	643.029.091
	132.390.105	44.543.029.091

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 ngày 30 tháng 3 năm 2022, Ban Tổng Giám đốc chỉ nhận khoản tiền thưởng 28 tỷ Đồng trong tổng số tiền thưởng mà Công ty đã trích trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 71,9 tỷ Đồng, do Ban Tổng Giám đốc tự nguyện không nhận thưởng để giảm chi phí cho Công ty. Do đó, khoản tiền thưởng còn lại là 43,9 tỷ Đồng đã được hoàn nhập trong năm 2022.

5.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	570.138.640.134	1.059.738.713.385
Thuế tính ở thuế suất 20%	114.027.728.027	211.947.742.678
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(36.459.714.888)	(21.887.685.199)
Chi phí không được khấu trừ	665.967.601	700.470.104
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	78.233.980.740	190.760.527.583
Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	64.320.454.739	250.981.079.495
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 3.17)	13.913.526.001	(60.220.551.912)
	78.233.980.740	190.760.527.583

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5.8 Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (Đồng)	491.904.659.394	868.978.185.802
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (Đồng)	491.904.659.394	868.978.185.802
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	436.565.888	434.697.703
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	1.127	1.999

(b) Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu còn gọi là lãi suy giảm trên cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Số tiền đi vay thực thu trong năm là tiền vay theo kế ước thông thường (Thuyết minh 3.10).

6.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm là tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường và tiền trả cho trái chủ (Thuyết minh 3.10).

7 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2022	3.330.000.000.000	4.500.000.000	1.665.653.687.451	67.496.330.852	233.096.330.852	1.241.116.896.232	6.541.863.245.387
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	868.978.185.802	868.978.185.802
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	(635.523.328.875)	-	-	-	(635.523.328.875)
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (i)	20.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	1.004.999.010.000	-	-	-	-	(1.004.999.010.000)	-
Cổ tức đợt 1 năm 2022 (iii)	-	-	-	-	-	(304.849.930.700)	(304.849.930.700)
Tại ngày 31.12.2022	4.354.999.010.000	9.500.000.000	1.030.130.358.576	67.496.330.852	233.096.330.852	800.246.141.334	6.495.468.171.614
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	491.904.659.394	491.904.659.394
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	577.605.439.833	-	-	-	577.605.439.833
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (iv)	20.000.990.000	4.000.198.000	-	-	-	-	24.001.188.000
Cổ tức đợt 2 năm 2022 (v)	-	-	-	-	-	(217.749.950.500)	(217.749.950.500)
Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (vi)	-	-	-	-	(233.096.330.852)	233.096.330.852	-
Tại ngày 31.12.2023	4.375.000.000.000	13.500.198.000	1.607.735.798.409	67.496.330.852	-	1.307.497.181.080	7.371.229.508.341

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 18 tháng 4 năm 2022, Công ty đã phát hành 2.000.000 cổ phần phổ thông theo chương trình lựa chọn cho cán bộ và nhân viên của Công ty vào ngày 27 tháng 5 năm 2022. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 12.500 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (ii) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 4 tháng 8 năm 2022 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10 : 3 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 3 cổ phiếu mới). Theo đó, Công ty đã phát hành thêm 100.499.901 cổ phiếu vào ngày 18 tháng 8 năm 2022.
- (iii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 12 năm 2022, mức chi trả cổ tức dự kiến năm 2022 là 30%. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2022 là 7% (tương đương 700 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 4.354.999.010.000 Đồng và được chi trả bằng tiền cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 28 tháng 12 năm 2022. Ngày thanh toán là ngày 9 tháng 1 năm 2023.

- (iv) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2023 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 17 tháng 5 năm 2023, Công ty đã phát hành 2.000.099 cổ phiếu phổ thông theo chương trình lựa chọn cho cán bộ và nhân viên của Công ty vào ngày 20 tháng 6 năm 2023 và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận theo công văn số 4196/UBCK-QLKD ngày 31 tháng 12 năm 2023. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 12.000 Đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (v) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2023 đã thông qua mức chi trả cổ tức đợt 2 năm 2022 là 5% (tương đương 500 Đồng/cổ phiếu) trên vốn điều lệ 4.354.999.010.000 Đồng và được chi trả bằng tiền. Theo đó, Hội đồng Quản trị đã quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2022 cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 16 tháng 5 năm 2023. Ngày thanh toán là ngày 6 tháng 6 năm 2023.
- (vi) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 30 tháng 3 năm 2023 đã thông qua việc hoàn nhập toàn bộ nguồn Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ vào lợi nhuận chưa phân phối.

7

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
(tiếp theo)

7.2

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	791.426.130.951	1.024.259.038.107
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm (Thuyết minh 3.20)	500.362.083.485	1.077.016.033.544
Số hoàn nhập trong năm:		
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	233.096.330.852	-
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông trong năm	(217.749.950.500)	(1.309.848.940.700)
Lợi nhuận còn lại có thể phân phối cho cổ đông	1.307.134.594.788	791.426.130.951
Lợi nhuận phân phối cho cổ đông trong năm	217.749.950.500	1.309.848.940.700
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	(20.231.576.080)	-
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông	197.518.374.420	1.309.848.940.700

8

THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan với mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	Cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM)	Cùng thành viên HĐQT
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt	Cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Sữa Quốc Tế (IDP)	Cùng thành viên HĐQT
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a)

Nghệp vụ với các bên liên quan

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới, phí lưu ký và dịch vụ khác	933.436.550	4.606.451.976
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán và phí lưu ký	72.878.348	24.236.261
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	49.895.428	53.931.121
Công ty Cổ phần Sữa Quốc Tế		
Doanh thu phí môi giới và phí dịch vụ tư vấn	12.219.516.400	-
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác (*)	8.796.498.000	8.745.666.000

(*) Chi tiết lương và thù lao cho các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Thù lao của Hội đồng quản trị độc lập (**)		
Ông Lê Phạm Ngọc Phương	240.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Lân Trung Anh	240.000.000	240.000.000
Bà Nguyễn Việt Hòa	240.000.000	240.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát		
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	60.000.000	60.000.000
Bà Trương Thị Huyền Trang	60.000.000	60.000.000
Bà Mai Thị Thanh Trang	240.000.000	180.000.000
Ông Trương Ngọc Hoài Phương	-	60.000.000
Thù lao của Ban Tổng Giám đốc		
Ông Tô Hải	2.732.166.000	2.715.222.000
Ông Đinh Quang Hoàn	2.492.166.000	2.475.222.000
Ông Nguyễn Quang Bảo	2.492.166.000	2.475.222.000

(**) Các thành viên Hội đồng quản trị không độc lập không nhận thù lao trong năm.

8THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt		
Lãi phải thu	-	213.698.630
Hội đồng Quản trị		
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (Thuyết minh 3.16)	8.168.624.110	8.168.624.110

9BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận kinh doanh vốn tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư tài sản tài chính HTM.

Bộ phận tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

9BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				Tổng cộng VND
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	
Doanh thu và thu nhập (*)	548.582.625.170	943.098.378.624	941.439.041.667	39.340.497.936	2.472.460.543.397
Chi phí	(454.427.479.695)	(843.799.592.162)	(432.935.249.255)	(72.595.946.454)	(1.803.758.267.566)
Trong đó:	(409.510.606.348)	(535.555.205.215)	-	(68.536.024.945)	(1.013.601.836.508)
Chi phí trực tiếp bằng tiền					
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(6.880.344.978)	-	-	(252.406.056)	(7.132.751.034)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(38.036.528.369)	(1.018.470.161)	-	(3.807.515.453)	(42.862.513.983)
Chi phí phân bổ khác	-	(307.225.916.786)	(432.935.249.255)	-	(740.161.166.041)
Kết quả bộ phận	94.155.145.475	99.298.786.462	508.503.792.412	(33.255.448.518)	668.702.275.831
Thu nhập tài chính thuần					23.696.152.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(122.388.199.025)
Thu nhập khác					128.411.319
Lợi nhuận trước thuế					570.138.640.134

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

9

BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu và thu nhập (*)	1.022.602.003.336	1.201.683.322.439	879.812.439.337	52.144.971.233	3.156.242.736.345
Chi phí	(449.439.354.107)	(1.156.648.657.996)	(463.703.809.484)	(29.189.433.977)	(2.098.981.255.564)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(412.236.159.902)	(919.016.368.352)	-	(26.103.360.569)	(1.357.355.888.823)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	-	-	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(7.578.110.624)	(428.104)	-	(111.000.483)	(7.689.539.211)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(29.625.083.581)	(885.594.938)	-	(2.975.072.925)	(33.485.751.444)
Chi phí phân bổ khác	-	(236.746.266.602)	(463.703.809.484)	-	(700.450.076.086)
Kết quả bộ phận	573.162.649.229	45.034.664.443	416.108.629.853	22.955.537.256	1.057.261.480.781
Thu nhập tài chính thuần					35.548.432.639
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(76.767.476.142)
Thu nhập khác					43.696.276.107
Lợi nhuận trước thuế					1.059.738.713.385

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

9

BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	74.461.646.878	7.926.901.806.454	8.998.770.861.197	8.683.720.484	17.008.818.035.013
Tài sản không phân bổ					246.316.621.512
Tổng tài sản					17.255.134.656.525
Nợ phải trả bộ phận	80.312.758.105	5.159.556.793.939	4.149.791.273.415	17.444.874.484	9.407.105.699.943
Nợ phải trả không phân bổ					476.799.448.241
Tổng nợ phải trả					9.883.905.148.184
Tổng chi phí phát sinh hình thành					4.991.530.136
Trong đó:					
Tài sản cố định của bộ phận	4.813.598.223	-	-	74.222.822	4.887.821.045
Tài sản cố định không phân bổ					103.709.091

9

BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022			
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND
Tài sản bộ phận	84.690.381.511	5.627.141.894.771	8.498.303.684.640	14.077.704.313
Tài sản không phân bổ				
Tổng tài sản				14.224.213.665.235
Nợ phải trả bộ phận	122.135.159.056	3.477.579.412.624	3.518.107.107.456	-
Nợ phải trả không phân bổ				
Tổng nợ phải trả				7.747.283.145.208
Tổng chi phí phát sinh hình thành				20.827.527.322
Trong đó:				
Tài sản cố định của bộ phận	13.085.626.724	1.113.070	-	288.601.119
Tài sản cố định không phân bổ				13.375.340.913
				7.452.186.409

10

QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

(a)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)	787.421.508.556	3.423.291.979.296
Tiền gửi ngân hàng	537.421.508.556	2.313.291.979.296
Các khoản tương đương tiền	250.000.000.000	1.110.000.000.000
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (Thuyết minh 3.2(a))	-	598.592.462.616
Trái phiếu doanh nghiệp	-	598.592.462.616
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 3.2(b))	380.900.000.000	885.888.640.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	310.000.000.000	867.288.640.000
Tiền gửi kỳ quỹ cho chứng quyền	66.500.000.000	18.600.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	4.400.000.000	-

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)	7.992.468.349.969	5.279.279.236.685
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	7.612.101.283.117	4.968.026.671.773
Tạm ứng giao dịch chứng khoán	380.367.066.852	311.252.564.912
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.4)	879.780.436.876	119.707.906.146
Phải thu bán các tài sản tài chính	745.348.455.200	31.889.442.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	103.219.084.809	59.484.897.025
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (*)	31.212.896.867	28.333.567.121
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 3.5)	225.192.100.000	-
Đặt cọc mua mua chứng khoán niêm yết	225.192.100.000	-
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 3.8(a))	147.257.185.100	46.136.989.800
Tiền ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh	147.257.185.100	46.136.989.800
Tài sản dài hạn khác	8.571.243.684	6.864.190.240
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	8.571.243.684	6.864.190.240
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	10.421.590.824.185	10.359.761.404.783

(*) Số liệu trước dự phòng.

(i) Số dư với ngân hàng và công ty tài chính

Số dư với ngân hàng và công ty tài chính bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền trong tài khoản tạm khóa, chứng chỉ tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Tổng Giám đốc tín nhiệm hoặc nằm trong danh sách được Nhà nước cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với ngân hàng và công ty tài chính nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL và HTM của Công ty là trái phiếu được phát hành bởi tổ chức niêm yết có phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty.

Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có chứng khoán nợ nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tình thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 22.924.532.921.010 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 27.202.388.205.950 Đồng).

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	2.169.825.587	2.169.825.587
Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	-	-
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	7.609.931.457.530	4.965.856.846.186
Dự phòng đã lập	(2.169.825.587)	(2.169.825.587)
Giá trị thuần	7.609.931.457.530	4.965.856.846.186

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- (v) Các khoản phải thu
- Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.
- Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không suy giảm VN	Chưa quá hạn và không bị suy giảm VND	Tổng VND
Tại ngày 31.12.2023				
Trong hạn	-	-	855.267.986.876	855.267.986.876
Quá hạn dưới 1 tháng	-	-	-	-
Quá hạn trên 3 tháng	24.512.450.000	-	-	24.512.450.000
	24.512.450.000	-	855.267.986.876	879.780.436.876
Dự phòng đã lập	(13.220.450.000)	-	-	(13.220.450.000)
Giá trị thuần	11.292.000.000	-	855.267.986.876	866.559.986.876
Tại ngày 31.12.2022				
Trong hạn	-	-	117.779.456.146	117.779.456.146
Quá hạn dưới 1 tháng	-	-	-	-
Quá hạn trên 3 tháng	1.928.450.000	-	-	1.928.450.000
	1.928.450.000	-	117.779.456.146	119.707.906.146
Dự phòng đã lập	(1.928.450.000)	-	-	(1.928.450.000)
Giá trị thuần	-	-	117.779.456.146	117.779.456.146

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, đầu tư trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và cho vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể. Các khoản đi vay bằng ngoại tệ của Công ty có lãi suất thả nổi theo SOFR và có thời hạn ngắn nên rủi ro lãi suất cũng không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 5.339.837.500 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: cao hơn/thấp hơn 66.474.268.032 Đồng tương ứng).

- Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ và tham gia hợp đồng hoán đổi ngoại tệ và hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn (Thuyết minh 3.10).

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2023	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2022
Tài sản tài chính				
Tiền	915.930	747.217	22.431.973.951	18.521.591.953
Nợ tài chính				
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	-	-	-	-
Nợ tài chính thuần	915.930	747.217	22.431.973.951	18.521.591.953
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	915.930	747.217	22.431.973.951	18.521.591.953

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 2.243.197.395 Đồng tương ứng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: thấp hơn/cao hơn 1.852.159.195 Đồng tương ứng) chủ yếu là do tăng/giảm lỗ quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản của Công ty được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản nợ được trình bày tại Thuyết minh 3.9.

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.10)	8.979.275.000.000	6.326.207.142.857
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (Thuyết minh 3.10)	120.000.000.000	547.100.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.11)	13.208.881.699	12.400.167.546
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 3.12)	159.638.295.047	16.020.566.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.15)	47.274.665.672	110.247.314.968
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.16)	15.632.452.570	317.045.404.552
Tổng nợ tài chính	9.335.029.294.988	7.329.020.595.923

(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”). Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 434% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 415%).

11 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Dưới 1 năm	23.280.700.199	23.528.854.616
Từ 1 đến 5 năm	38.319.615.807	56.475.673.320
Tổng cộng	61.600.316.006	80.004.527.936

12 CAM KẾT VỐN

Cam kết mua tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày báo cáo nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Phần mềm giao dịch	8.474.400.000	10.961.640.000

13 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a. Của Công ty		
Cổ phiếu	1.379.156.222	42.670.976.980.400
Trái phiếu	63.343.482	6.672.439.759.349
Hợp đồng tương lai	261.477	29.195.677.450.000
Chứng quyền có bảo đảm	35.291.700	13.873.037.000
b. Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	14.039.249.850	355.285.260.271.078
Trái phiếu	93.077.116	9.624.929.336.666
Hợp đồng tương lai	546.178	60.286.404.070.000
Chứng quyền có bảo đảm	79.677.505	31.456.654.660
	15.690.603.530	503.781.017.559.153

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn để phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2024.

		
Nguyễn Thị Lành Người lập	Đoàn Minh Thiện Kế toán trưởng	Tô Hải Tổng Giám đốc Ngày 20 tháng 3 năm 2024.



ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Ngày 02 tháng 04 năm 2024



Tô Hải

Tổng Giám đốc

Nhằm góp phần bảo vệ môi trường, Báo cáo thường niên 2023 của Vietcap được in với số lượng có hạn.
Vì vậy, khi không còn nhu cầu sử dụng, Quý vị vui lòng chuyển cho những người có quan tâm.
Ngoài ra, Báo cáo thường niên 2023 của Vietcap còn được công bố bằng phiên bản điện tử,
Quý vị quan tâm vui lòng truy cập website: **www.vietcap.com.vn**



 QUÉT MÃ ĐỂ XEM
BẢN TRỰC TUYẾN